

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ giáo dục và Đào tạo

Cần Thơ, tháng 4 năm 2020

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH
(Kèm theo Quyết định số: 3404/QĐ-ĐHCT ngày 19 tháng 8 năm 2019)

I. Danh sách Hội đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	GS.TS. Hà Thanh Toàn	Hiệu Trưởng	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Lê Việt Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực	
3	PGS. TS. Trịnh Quốc Lập	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	Phó chủ tịch	
4	PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung	Thường trực HĐT, Trưởng ban Khoa học và Hợp tác	Thành viên	
5	GVC. TS. Thái Công Dân	Đại diện Hội đồng KH&ĐT	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 2	
6	GVC. ThS. Nguyễn Minh Trí	Trưởng PDT	Thành viên	
7	CVC. CN. Lê Phi Hùng	Trưởng phòng, Phòng QTTB	Thành viên	

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
8	GVC. TS. Phan Huy Hùng	Giám đốc Trung tâm QLCL	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 1	
9	TS. Nguyễn Thanh Tường	Trưởng Phòng CTSV	Thành viên	
10	PGS. TS. Lê Nguyễn Đoan Khôi	Phó Trưởng Phòng QLKH	Thành viên	
11	TS. Nguyễn Anh Thi	Trưởng Bộ môn	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 3	
12	GVC. ThS. Nguyễn Thành Đức	Giảng viên	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 4	
13	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	Sinh viên Sư phạm Tiếng Anh – Khóa 44	Thành viên	

II. Danh sách Ban Thư ký

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Vị trí trong Ban Thư ký
1	ThS. Ngô Thị Trang Thảo	Tổ trưởng Tổ Công đoàn, giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 1&2
2	GVC. ThS. Chung Thị Thanh Hằng	Giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 1
3	GVC. ThS. Lý Thị Bích	Phó Bộ môn, Bí thư Chi ủy,	Thành viên Nhóm công tác

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Vị trí trong Ban Thư ký
	Phượng	giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	chuyên trách 2&1
4	ThS. Phan Việt Thắng	Phó Bộ môn, giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 2
5	ThS. Nguyễn Thanh Tùng	Giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 3&4
6	ThS. Phạm Thị Mai Duyên	Tổ phó Tổ Công đoàn, giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 3
7	ThS. Lê Đỗ Thanh Hiền	Giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 4&3
8	ThS. Hồng Thị Thanh Trúc	Giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 4
9	ThS. Đào Phong Lâm	Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 1&2
10	KS. Nguyễn Thị Trinh	Chuyên viên Trung tâm Quản lý chất lượng	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 3&4

HIỆU TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn

Hai danh sách này gồm có 23 người./.

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1.1 Đặt vấn đề	1
1.2 Tổng quan chung	5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ	13
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	13
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	23
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	31
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	43
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	54
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	66
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	87
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	104
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	120
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	134
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	149
PHẦN III. KẾT LUẬN	161
PHẦN IV. PHỤ LỤC	178
Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	167
Phụ lục 2: Quyết định và kế hoạch tự đánh giá	213
Phụ lục 3: Danh mục minh chứng	236

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Từ được viết tắt
AUN	Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học Đông Nam Á (ASEAN University Network)
AUN-QA	Mạng lưới bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục đại học Đông Nam Á (ASEAN University Network – Quality Assurance)
BCN	Ban chủ nhiệm
BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BGH	Ban Giám hiệu
BLQ	Bên liên quan
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CV	Công văn
CVHT	Cố vấn học tập
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐHCT	Đại học Cần Thơ
GV	Giảng viên
KNN	Khoa Ngoại ngữ
KQHT	Kết quả học tập
KTX	Ký túc xá
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PCTSV	Phòng Công tác SV
PĐT	Phòng Đào tạo

Ký hiệu viết tắt	Từ được viết tắt
PGS	Phó giáo sư
PPDH	Phương pháp dạy học
QĐ	Quyết định
SPTA	Sư phạm tiếng Anh
SV	Sinh viên
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ
TT	Thông tư
TTHL	Trung tâm học liệu
TTQLCL	Trung tâm Quản lý chất lượng
TTTT&QTM	Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng
VPK	Văn phòng khoa

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng 0.1: Các chương trình đào tạo tại KNN (4/2020)	9
Bảng 0.2: Số lượng SV thuộc mỗi cấp đào tạo tại Khoa Ngoại ngữ (4/2020)	9
Bảng 2.1: Các nội dung điều chỉnh trong CTĐT ban hành 2014 và 2018	24
Bảng 3.1: Bản mô tả khối kiến thức cần đạt được trong CTĐT	32
Bảng 3.2: Chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Anh	38
Bảng 6.1: Thống kê đội ngũ GV Bộ môn PPDHTA, KNN qua các năm 2015-2020	68
Bảng 6.2: Bảng mô tả định mức giờ G theo chức danh, trình độ và hệ số lương	70
Bảng 6.3: Kết quả quy đổi giờ G Bộ môn PPDHTA từ 2015-2019	71
Bảng 6.4: Danh sách cán bộ được bổ nhiệm, điều chuyển từ 2015-2020	74
Bảng 6.5: Thống kê hoạt động NCKH Bộ môn PPDHTA qua các năm 2015-2019	84
Bảng 7.1: Bảng mô tả số lượng nhân viên các phòng ban tính đến 2019	89
Bảng 7.2: Số lượng cán bộ phục vụ, trình độ chuyên môn và vai trò cụ thể của từng vị trí năm học 2019-2020	94
Bảng 7.3: Thống kê các lượt tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ nhân viên tại Khoa Ngoại ngữ từ 2015-2019	99
Bảng 8.1: Số lượng thí sinh trúng tuyển và theo học ngành SPTA từ 2015-2020	105
Bảng 8.2: Số lượng SV ngành SPTA từ 2015-2020	105
Bảng 8.3: Thống kê số lượng dự tuyển và trúng tuyển ngành SPTA (hệ chính quy) trong 05 năm gần đây	108
Bảng 8.4: Thành tích học tập của SV ngành SPTA (2015 - 2019)	111
Bảng 9.1: Bản mô tả sơ đồ bố trí TTHL	123
Bảng 9.2: Tổng quan về CSVC TTHL	124

Bảng 11.1: Tỷ lệ % SV tốt nghiệp (2014-2019)	150
Bảng 11.2. Tỷ lệ SV thôi học (2015-2020)	151
Bảng 11.3: Tỷ lệ việc làm của SVTN ngành SPTA (2016-2019)	154
Bảng 11.4: Khu vực làm việc của SVTN ngành SPTA (2016-2019)	155

DANH MỤC HÌNH

	Trang
Hình 0.1: Sơ đồ cấu trúc Trường ĐHCT	6
Hình 0.2: Sơ đồ tổ chức KNN	10
Hình 3.1: Minh họa sự đóng góp của học phần nhằm đạt các CDR của CTĐT	35
Hình 3.2: Phân bổ tỷ lệ các khối kiến thức trong CTDH ngành SPTA	40
Hình 4.1: Mức độ hài lòng SV năm cuối về Phương pháp giảng dạy	47
Hình 4.2: Tỷ lệ các PPDH được thực hiện trong CTĐT ngành SPTA	48

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL). Từ khi thành lập đến nay Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành đa lĩnh vực.

Sứ mệnh của Trường ĐHCT là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ hàng đầu đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL.

Khoa Ngoại ngữ (KNN) là một đơn vị đào tạo trực thuộc Trường. Vì thế, sứ mệnh của KNN là sự cụ thể hóa sứ mạng của Trường ĐHCT trong đó tập trung chủ yếu vào nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiệp vụ chuyên sâu trong lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ cũng như truyền thụ hệ thống kỹ năng, tri thức, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

KNN của Trường ĐHCT được thành lập từ năm 2015. Đối với mảng đào tạo đại học, hiện nay Khoa đang phụ trách 04 ngành đào tạo và 01 chuyên ngành bao gồm Sư phạm tiếng Anh (SPTA), Sư phạm tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Anh và Chuyên ngành Biên – Phiên dịch tiếng Anh và chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Ngôn ngữ Anh.

Ngành SPTA dưới sự quản lý trực tiếp của Bộ môn Phương pháp dạy học tiếng Anh trong suốt nhiều năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo đã cung cấp cho xã hội một lượng lớn đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển giáo dục của

khu vực ĐBSCL cũng như trên phạm vi cả nước. Với một sứ mệnh to lớn như thế, việc đảm bảo chất lượng đào tạo luôn là ưu tiên hàng đầu và việc kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) được xem như là một minh chứng (MC) rõ ràng, cụ thể nhất. Cũng chính vì thế, KNN đã nghiêm túc thực hiện việc tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành SPTA bao gồm 4 phần:

- Phần I: Mô tả khái quát kế hoạch báo cáo tự đánh giá CTĐT bao gồm những nội dung cơ bản như mục đích, quy trình tự đánh giá; các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn cụ thể. Đồng thời, thông tin tổng quan về Trường ĐHCT và đơn vị trực thuộc trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá (KNN) cũng được mô tả.
- Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các MC cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của tiêu chuẩn/tiêu chí; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) Tự đánh giá.
- Phần III: Trình bày kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại cần cải tiến chất lượng, kế hoạch hành động và cuối cùng tổng hợp kết quả tự đánh giá.
- Phần IV: Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT, tổng hợp cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục MC được sử dụng phục vụ nội dung trong báo cáo tự đánh giá.

Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành SPTA dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành. CTĐT ngành SPTA được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học. Tiêu

chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học. Tiêu chuẩn 6, 7 tự đánh giá về đội ngũ cán bộ, GV, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên trong khi tiêu chuẩn 8 đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học. Tiêu chuẩn 9 thảo luận về hệ thống cơ sở vật chất (CSVCh) và trang thiết bị. Tiêu chuẩn 10 thảo luận việc nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH). Cuối cùng là tiêu chuẩn 11 với nội dung chính là các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành SPTA.

Mỗi tiêu chí cụ thể trong từng tiêu chuẩn sẽ có một hệ thống các thông tin, MC đi kèm. Mã thông tin và MC được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef; Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp MC” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).
- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 07 viết 07).
- ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...).

Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;
H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá

Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định ***Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH***,

Trường ĐHCT đã xúc tiến yêu cầu KNN thực hiện việc đánh giá chất lượng ngành SPTA. Đây cũng là quá trình cần thiết nhằm giúp cho đơn vị trực tiếp phụ trách đào tạo ngành SPTA tự tìm hiểu, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình hình đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), phát triển nguồn nhân lực, hệ thống CSVC, cũng như các vấn đề liên quan khác, từ đó tiến hành những điều chỉnh cần thiết nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng ngành SPTA đạt chất lượng cao, vươn tới tầm khu vực và quốc tế. Ngoài ra, hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Khoa, Bộ môn trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, phát triển các dịch vụ xã hội theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mệnh và mục tiêu của KNN, của Trường ĐHCT.

Quy trình tự đánh giá:

Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, MC thu được
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá

Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá chất lượng CTĐT đòi hỏi các thành viên phải làm việc rất tích cực và bám sát tiêu chí trong từng tiêu chuẩn mà Bộ GD&ĐT đã ban hành nhằm tối ưu hóa hoạt động kiểm tra đánh giá. Cụ thể Khoa đã tiến hành xem xét các bước thực hiện như sau. Đầu tiên là việc xác định thực trạng ban đầu của Khoa dựa trên các yêu cầu trong từng tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể. Từ đó xác định đâu là điểm mạnh, điểm còn tồn tại để làm cơ sở đề ra giải pháp, kế hoạch cải tiến cũng như xác định nguồn nhân lực và

phương tiện hỗ trợ thực hiện. Ngoài ra, Khoa cũng thực hiện việc tự đánh giá mức độ hoàn thành, đáp ứng nhu cầu của từng tiêu chuẩn trên thang điểm tối đa là 07.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Trường Đại học Cần Thơ

Trường ĐHCT là một trong ba trường đại học đa ngành đứng đầu về đào tạo tại Việt Nam, là một trụ cột trong hệ thống giáo dục bậc cao của Việt Nam, được xếp vào nhóm trường đại học trọng điểm quốc gia. Trường ĐHCT là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành đa lĩnh vực. Thời điểm tháng 12 năm 2019, Trường đào tạo 99 chuyên ngành đại học (có 2 ngành đào tạo Chương trình tiên tiến và 8 ngành đào tạo Chương trình chất lượng cao), 48 chuyên ngành cao học (trong đó 1 ngành liên kết với nước ngoài, 3 ngành đào tạo bằng tiếng Anh), 19 chuyên ngành nghiên cứu sinh.

Từ tháng 7 năm 2013 Trường ĐHCT trở thành thành viên cốt lõi của mạng lưới cơ sở giáo dục đại học Đông Nam Á (AUN).

Trung tâm KĐCLGD - ĐHQG TP. HCM đã thực hiện đánh giá ngoài về chất lượng giáo dục của Trường ĐHCT trong giai đoạn 2012-2016. Kết quả Trường được công nhận đạt chất lượng giáo dục với số tiêu chí "đạt yêu cầu" chiếm tỷ lệ 86,89% và được cấp Chứng nhận KĐCL có giá trị trong giai đoạn 19/5/2018 - 19/5/2023.

Theo xếp hạng của Webometrics công bố cho kỳ xếp hạng tháng 01 năm 2020, Trường ĐHCT được xếp hạng 3 tại Việt Nam, hạng 59 trong khu vực Đông Nam Á, hạng 679 tại Châu Á và hạng 2.275 trên Thế giới (53.14 & 53.15). Theo xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học Châu Á của QS Asia công bố cho kỳ xếp hạng năm 2020, Trường ĐHCT được xếp trong nhóm hạng 401 – 450 Châu Á và hạng 5 tại Việt Nam.

Sơ đồ cấu trúc Trường ĐHCT được trình bày trong Hình 0.1.



Hình 0.1: Sơ đồ cấu trúc Trường ĐHCT

Sứ mệnh

Sứ mệnh của Trường ĐHCT là trung tâm đào tạo, NCKH chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL.

Tầm nhìn

Trường ĐHCT sẽ trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, NCKH trong khu vực Châu Á- Thái Bình Dương vào năm 2022.

Giá trị cốt lõi

Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo.

1.2.2. Khoa Ngoại ngữ

KNN được thành lập vào ngày 23 tháng 03 năm 2015 (Quyết định số 714/QĐ – ĐHCT), trụ sở/văn phòng làm việc đặt tại số 411 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu I - Trường ĐHCT). KNN được tách từ Khoa Sư phạm và Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, với số lượng Viên chức – Người lao động khi thành lập là 97 người. Từ tháng 3/2015 Khoa đã không ngừng hoàn thiện và phát triển vững mạnh trong công tác đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế.

Việc thành lập KNN đáp ứng nhu cầu phát triển của Trường ĐHCT, là đơn vị đầu mối chuyên sâu trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ, tư vấn cho Ban Giám hiệu (BGH) Trường trong NCKH và phát triển các quy trình, giải pháp liên quan đến ngoại ngữ, giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ, văn hóa nước ngoài và biên dịch-phiên dịch; tranh thủ sự hỗ trợ trong nước và quốc tế để đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, quản lý thuộc lĩnh vực ngoại ngữ và giảng dạy ngoại ngữ; chuyển giao kiến thức và cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, NCKH thuộc lĩnh vực ngoại ngữ vùng ĐBSCL và các đối tượng có nhu cầu.

KNN thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho Ban giám hiệu (BGH) về công tác khảo thí, đánh giá năng lực ngoại ngữ cho SV và các đối tượng có nhu cầu tại khu vực ĐBSCL theo nhiệm vụ do Bộ GD&ĐT phân công; xây dựng lộ trình phát triển và nghiên cứu mở rộng thêm nhiều ngành đào tạo, chương trình giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa của thế giới và cộng đồng ASEAN, đặc biệt là đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển CTĐT, chương trình giảng dạy tiếng Khơ-me, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Hàn, ...

Sứ mệnh

KNN là đơn vị đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ ngoại ngữ tốt phục vụ cho việc phát triển kinh tế xã hội của vùng ĐBSCL và của cả nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế; thực hiện các chương trình nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực phương pháp dạy học ngoại ngữ, ngôn ngữ, văn hóa tiếng nước ngoài và dịch thuật.

Tầm nhìn

Tầm nhìn định hướng đến năm 2025, KNN sẽ trở thành một trong những cơ sở đào tạo giảng viên (GV) ngoại ngữ, đào tạo nghiên cứu viên văn hóa, ngôn ngữ có chất lượng cao trong cộng đồng ASEAN.

Các hoạt động

Hoạt động đào tạo

Về đào tạo và bồi dưỡng: tại thời điểm 4/2020 KNN có hơn 1.611 sinh viên (SV) chính quy với 04 ngành đào tạo và 01 chuyên ngành bao gồm SPTA, Sư phạm tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Anh và Chuyên ngành Biên – Phiên dịch tiếng Anh và CTĐT chất lượng cao ngành Ngôn ngữ Anh. Khoa tham gia đào tạo hơn 1.600 SV tại các Trung tâm liên kết đào tạo của ĐBSCL. Về đào tạo Sau đại học, có 226 học viên cao học ngành Lý luận Phương pháp Dạy học Bộ môn tiếng Anh và Lý luận Phương pháp Dạy học Bộ môn tiếng Pháp. Tham gia xây dựng chương trình và giảng dạy tiếng Anh tăng cường cho SV các lớp đào tạo tiên tiến và chất lượng cao của Trường ĐHCT. Giảng dạy tiếng Anh, tiếng Pháp căn bản cho SV không chuyên ngữ toàn Trường. Triển khai

nhiệm vụ bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia và thực hiện công tác bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiếng Anh cho học viên các tỉnh/thành do Bộ GD&ĐT phân giao. Các CTĐT với nhiều chuyên ngành khác nhau và số lượng SV đào tạo mỗi cấp được thể hiện ở bảng 0.1 và bảng 0.2.

Bảng 0.1: Các chương trình đào tạo tại KNN (4/2020)

STT	Trình độ	Số lượng	Tên chương trình đào tạo
1	ThS	02	Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Anh Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Pháp
2	Cử nhân	06	Sư phạm tiếng Anh Sư phạm tiếng Pháp Ngôn ngữ Anh Ngôn ngữ Pháp Phiên dịch-Biên dịch tiếng Anh Ngôn ngữ Anh chất lượng cao

Bảng 0.2: Số lượng SV thuộc mỗi trình độ đào tạo tại KNN (4/2020)

STT	Trình độ	Số lượng SV
1	ThS	226
2	Cử nhân	1.611

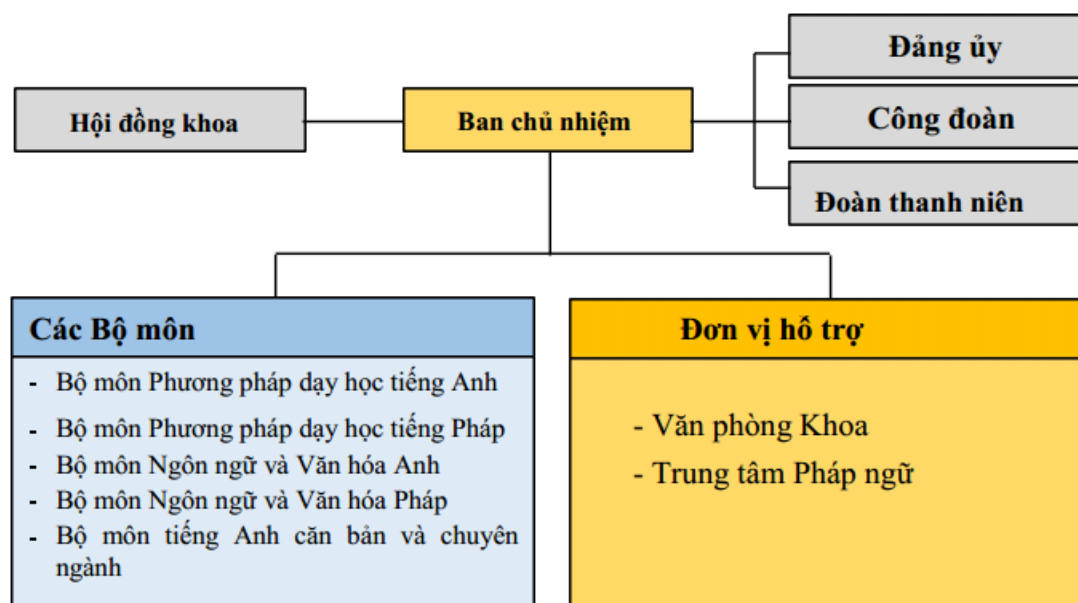
Hoạt động Nghiên cứu khoa học và Hợp tác Quốc tế

Về hợp tác quốc tế: Khoa đóng vai trò nòng cốt trong nhiều dự án của Tổ chức Pháp ngữ (Organisation Internationale de la Francophonie – OIF), Tổ chức các trường đại học Pháp ngữ (Agence Universitaire de la Francophonie – AUF) có liên quan đến ứng dụng CNTT trong dạy học. Hỗ trợ tích cực Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ trong các chương trình hợp tác Pháp ngữ. Thường xuyên tiếp nhận các tình nguyện viên từ các tổ chức quốc tế (Anh, Pháp, Mỹ...) đến hỗ trợ giảng dạy ngoại ngữ tại đơn vị.

Khoa đã chủ động tìm kiếm đối tác và thành công trong các hoạt động hợp tác, tạo được niềm tin và được đối tác đánh giá cao. Các chương trình hợp tác quốc tế của Khoa đã nâng cao vai trò, vị trí của Khoa đồng thời thể hiện vai trò của Khoa trong việc hỗ trợ phát triển năng lực chuyên môn cho GV và GV của các cơ sở đào tạo khu vực ĐBSCL. Các chương trình hợp tác với các đối tác nói tiếng Pháp đã nâng cao vị trí của Khoa với các trường trong nước và trong khu vực; chương trình hợp tác với các Trường Đại học Rangsit, Phranakhon và Nakhon Pathom Thái Lan đã tạo một bước tiến quan trọng trong công tác đào tạo đại học và sau đại học của Khoa. Chương trình hợp tác với Đại học Sydney và các nước ASEAN đã hỗ trợ rất tốt cho việc phát triển chuyên môn, năng lực NCKH của GV.

Các chương trình Hợp tác Quốc tế của Khoa nhằm tập trung trao đổi GV và SV hướng tới việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ, nghiệp vụ sư phạm, tăng cường kiến thức ngôn ngữ và văn hóa, năng lực NCKH cho GV và SV.

Cơ cấu tổ chức Khoa Ngoại ngữ



Hình 0.2: Sơ đồ tổ chức Khoa Ngoại ngữ

Tổ chức Khoa Ngoại ngữ

Tính đến 4/2020, KNN có 79 cán bộ (72 GV) trong đó có 02 Phó giáo sư (PGS); 18 TS (TS); 51 ThS (ThS); 07 Cử nhân; 01 Trung cấp. Khoa có 05 Bộ môn và 02 đơn vị hỗ trợ như Hình 0.2.

Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trong Khoa được mô tả như sau:

Bộ môn Phương pháp dạy học tiếng Anh (Department of English Language Teacher Education): Quản lý CTĐT ngành Cử nhân SPTA, ThS chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Anh; Tham gia giảng dạy các hoạt động chuyên môn của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia tại Trường ĐHCT và các CTĐT khác do Khoa quản lý; NCKH về giảng dạy ngoại ngữ và ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm đổi mới dạy và học tại cơ sở trong khu vực ĐBSCL.

Bộ môn Phương pháp dạy học tiếng Pháp (Department of French Language Teacher Education): Quản lý CTĐT ngành Cử nhân Sư phạm tiếng Pháp, ThS chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Pháp, đào tạo GV tiếng Pháp, phát triển chuyên môn về giảng dạy tiếng Pháp và nâng cao năng lực chuyên môn tiếng Pháp cho GV thuộc khu vực ĐBSCL; Tham gia giảng dạy các CTĐT khác do Khoa quản lý; NCKH và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực khoa học ngôn ngữ, khoa học giáo dục và đặc biệt là giảng dạy ngoại ngữ.

Bộ môn Ngôn ngữ và Văn hóa Anh (Department of English Language and Culture): Quản lý CTĐT ngành Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Biên dịch- Phiên dịch tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh chất lượng cao; Tham gia giảng dạy các hoạt động chuyên môn của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia tại Trường ĐHCT và các chương trình đào tạo khác do Khoa quản lý; NCKH về giảng dạy ngoại ngữ và ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm đổi mới dạy và học tại cơ sở trong Khu vực ĐBSCL; đánh giá CTĐT; nghiên cứu về văn hóa, ngôn ngữ và văn chương.

Bộ môn Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp (Department of French Language and Culture): Quản lý CTĐT ngành Cử nhân Ngôn ngữ Pháp; Tham gia giảng dạy môn Pháp

văn căn bản và tiếng Pháp tăng cường cho SV toàn Trường; NCKH và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực khoa học ngôn ngữ, dịch thuật, khoa học giáo dục và đặc biệt là giảng dạy ngoại ngữ.

Bộ môn tiếng Anh căn bản và Chuyên ngành (Department of General English and ESP) quản lý chuyên môn việc giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản 1, 2 và 3 dành cho SV không chuyên ngữ hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học của Trường ĐHCT, giảng dạy các học phần tiếng Anh tăng cường cho SV các ngành chất lượng cao và tiên tiến, và giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho một số ngành thuộc Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, và Khoa Khoa học Chính trị tại Trường ĐHCT. NCKH về giảng dạy ngoại ngữ và ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm đổi mới chất lượng dạy và học.

Văn phòng khoa (Administration Office): Văn phòng khoa (VPK) là bộ phận tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo đơn vị trong việc tổ chức và quản lý mọi mặt công tác hành chính, tổ chức cán bộ, SV, tài chính, tài sản, vật tư, thiết bị, đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế của đơn vị.

Trung tâm Pháp ngữ (French Language Center): Trung tâm là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu về giảng dạy ngôn ngữ/ngoại ngữ trực thuộc Trường ĐHCT và KNN quản lý về chuyên môn. Trung tâm có nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng CNTT trong việc dạy và học ngoại ngữ, đổi mới thi kiểm tra và đánh giá.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

KNN trực thuộc Trường ĐHCT là một trong những cơ sở đào tạo chuyên ngành liên quan đến ngoại ngữ, trong đó có ngành SPTA với mục tiêu đào tạo đội ngũ giáo viên tiếng Anh phục vụ công tác giảng dạy tại các cơ sở giáo dục trên phạm vi cả nước, đặc biệt khu vực ĐBSCL. CTĐT ngành SPTA được xây dựng dựa trên các bộ tiêu chuẩn khung do Bộ GD&ĐT ban hành dưới sự định hướng, chỉ đạo trực tiếp từ trường ĐHCT, KNN. CTĐT thể hiện được rõ những quy định về CĐR, bao gồm nhóm kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực chuyên môn nhất định. Các mục tiêu CĐR của CTĐT phản ánh rõ ràng sứ mệnh và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

CTĐT ngành SPTA hiện hành được xây dựng dựa trên cơ sở điều chỉnh từ CTĐT cũ theo Quyết định số 4235/QĐ-ĐHCT ngày 26/9/2019 [H1.01.01.01] của Trường ĐHCT và chính thức áp dụng từ năm học 2019-2020.

Mục tiêu của CTĐT ngành SPTA được xác định rõ ràng [H1.01.01.02], cụ thể là giúp người học hình thành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chính trị, và văn hóa; phát triển năng lực chuyên môn tiếng Anh đạt chuẩn quy định; phát triển năng lực nghiệp vụ

sự phạm đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên; hình thành và phát triển năng lực tự học, NCKH; phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo trong chuyên môn; và khả năng thích ứng với môi trường mới. Thực tế cho thấy công tác đào tạo của chương trình đã đóng góp rất đáng kể trong việc đưa Trường ĐHCT trở thành một trong những đơn vị giáo dục hàng đầu của quốc gia, giữ vị trí thứ 3 trong топ 10 trường đại học tốt nhất Việt Nam theo bảng xếp hạng của Webometrics vào ngày 31/01/2020 [[H1.01.01.03](#)].

Mục tiêu CTĐT ngành SPTA phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHCT “sẽ trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương vào năm 2022” và sẽ là “trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia”, “đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao” và “là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL.” [[H1.01.01.04](#)].

Ngoài ra mục tiêu của CTĐT ngành SPTA cho thấy sự phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học (GDĐH) ban hành năm 2012: "Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc và có ý thức phục vụ nhân dân" và Luật giáo dục sửa đổi bổ sung 2018 [[H1.01.01.05](#)]. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành hành động theo từng tiến độ và luôn bám sát kế hoạch đào tạo đã được thực hiện.

Mục tiêu của CTĐT luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo và quy mô phát triển của KNN, Trường ĐHCT.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành SPTA được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHCT, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật GDĐH.

3. Điểm tồn tại

Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu của CTĐT ngành SPTA chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN sẽ lên kế hoạch định kỳ thực hiện việc đánh giá, rà soát và bổ sung mục tiêu của CTĐT (ít nhất 2 năm/lần) đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội, xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành SPTA được xác định một cách rõ ràng, đầy đủ và được xây dựng trên cơ sở phân tích nội dung mục tiêu tổng thể của CTĐT theo đúng quy định của Trường ĐHCT [[H1.01.01.02](#)].

CDR của CTĐT đáp ứng đầy đủ yêu cầu về đào tạo theo học chế tín chỉ do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.01.02.01]. CDR của CTĐT phản ánh rõ các tiêu chuẩn về khối kiến thức bao gồm kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; kỹ năng, bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm; và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân [H1.01.02.02], cụ thể như sau:

- Về khối kiến thức giáo dục đại cương:

- a. Kiến thức về lý luận chính trị, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; các chủ trương đường lối phát triển kinh tế, xã hội và giáo dục của Việt Nam;
- b. Có năng lực ngoại ngữ về tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu);
- c. Kiến thức cơ bản về CNTT theo quy định hiện hành;
- d. Kiến thức về tiếng Việt, văn hóa Việt, logic học, và tâm lý học, kỹ năng mềm, làm nền tảng cho công tác tự học tập, phát triển phẩm chất và chuyên môn.

- Về khối kiến thức cơ sở ngành:

- a. Kiến thức tổng quát về khoa học giáo dục, các xu hướng giáo dục, công tác giáo dục và dạy học trong nhà trường phổ thông, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, làm nền tảng cho công tác giảng dạy và giáo dục người học;
- b. Kiến thức lý luận và phương pháp, kỹ thuật và phương tiện dạy học hiện đại trong dạy học ngoại ngữ; phương pháp nghiên cứu cải tiến, nhằm hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực cho người học trong giảng dạy tiếng Anh;
- c. Kiến thức phương pháp phát triển chương trình và tài liệu giảng dạy, kiểm tra và đánh giá, hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực cho người học.

- Về khối kiến thức chuyên ngành:

- a. Kiến thức ngôn ngữ nâng cao về tiếng Anh và văn hóa Anh-Mỹ để đảm bảo tính chính xác, khoa học, tính hệ thống trong dạy học tiếng Anh;
- b. Kiến thức thiết yếu về khoa học ngôn ngữ và ứng dụng của ngôn ngữ học, viết báo cáo khoa học, làm nền tảng cho công tác giảng dạy, nghiên cứu và phát triển chuyên môn;
- c. Kiến thức về các vấn đề chuyên biệt như dạy học phân hóa và tích hợp, quản lý hoạt động dạy và học tiếng Anh; phát triển năng lực tự học tiếng Anh cho người học để đáp ứng nhu cầu phục vụ xã hội.

- Về kỹ năng cứng:

- a. Sử dụng tiếng Anh thành thạo, linh hoạt, hiệu quả trong giao tiếp và trong giảng dạy phù hợp với từng đối tượng, đáp ứng yêu cầu hiện hành;
- b. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường và địa phương; phát triển tài liệu giảng dạy, và quản lý dạy học môn học có tính hệ thống, khoa học và sư phạm;
- c. Vận dụng các phương pháp và phương tiện dạy học khác nhau một cách hiệu quả, linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tế, hướng đến phát triển năng lực tiếng Anh và khả năng tự chủ và tự học cho người học; tự nghiên cứu và cải tiến phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục;
- d. Lập kế hoạch, thiết kế công cụ đánh giá, đánh giá và sử dụng kết quả học tập một cách khoa học và sáng tạo, hướng đến phát triển năng lực tiếng Anh, phẩm chất và năng lực tự học cho người học, cải tiến quá trình dạy học.

- Về kỹ năng mềm:

- a. Sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, thành thạo các phần mềm văn phòng, trình chiếu cơ bản, khai thác và sử dụng Internet, ngoại ngữ 2, nhằm phục vụ các mục đích giao tiếp, học tập, nghiên cứu và phát triển chuyên môn;
- b. Lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát quá trình làm việc một cách hiệu quả, sáng tạo trong chuyên môn;
- c. Phát hiện và giải quyết được các vấn đề liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, phân tích, tổng hợp, phê phán và trình bày thông tin, kết quả công việc;
- d. Phát triển mối quan hệ nhà trường-gia đình-xã hội, nhằm giáo dục đạo đức và lối sống cho học sinh, tạo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

- Về thái độ:

- a. Hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức công dân (tôn trọng pháp luật, yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm);
- b. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tận tâm, nhiệt tình, thương yêu và tôn trọng nhân phẩm và ý kiến của học sinh, đối xử công bằng và bình đẳng với học sinh;
- c. Chủ động trong công tác và hợp tác với đồng nghiệp, tổ chức và cộng đồng; sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và nghề giáo, tác phong sinh hoạt mẫu mực, làm tấm gương tốt cho học sinh.

Có thể thấy CĐR của CTĐT được đo lường và đánh giá cụ thể. Bên cạnh đó KNN cũng thực hiện việc xây dựng ma trận các kỹ năng, trong đó thể hiện rất rõ mức độ đóng góp của từng học phần đến việc đạt mục tiêu CĐR của CTĐT [[H1.01.02.03](#)].

Ngoài ra CĐR của CTĐT còn mô tả cụ thể triển vọng việc làm trong tương lai cho SV sau khi tốt nghiệp, cụ thể như giáo viên, GV, chuyên viên, quản lý viên hoặc tư vấn viên... trong lĩnh vực tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành SPTA được xây dựng một cách rõ ràng, đầy đủ và chuyên nghiệp theo đúng quy định cũng như thể hiện rõ mối tương quan giữa hệ thống các khối kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù KNN đã xây dựng quy trình tối ưu nhất trong việc đánh giá mức độ đạt được các CĐR trong CTĐT. Tuy nhiên, hoạt động đánh giá mức độ hiệu quả của quy trình này vẫn chưa được thực hiện chặt chẽ, thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN tiếp tục thực hiện hoạt động rà soát, điều chỉnh mục tiêu CĐR một cách toàn diện. Bên cạnh đó, việc đánh giá hiệu quả kế hoạch rà soát, kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện CĐR trong CTĐT sẽ được KNN tiến hành thường xuyên theo từng học kỳ của năm học, đảm bảo kết quả đo lường, đánh giá CĐR chính xác và đạt kết quả tối ưu nhất.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành SPTA được xây dựng trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các BLQ từ ban lãnh đạo Trường thông qua các buổi họp giao ban Trường tại <https://www.ctu.edu.vn/giao-ban.html>, KNN [H1.01.03.01] đến đội ngũ GV có nhiều kinh nghiệm trong công tác xây dựng CĐR cho CTĐT tại Bộ môn [H1.01.03.02]. Nhằm đảm bảo các CĐR của CTĐT đáp ứng tốt nhu cầu, hằng năm Trung tâm Quản lý chất lượng (TTQLCL) Trường đã tiến hành hoạt động khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của

các BLQ từ SV, cựu SV, và gần đây nhất (2020) có thêm nhà tuyển dụng [H1.01.03.03]. Ngoài ra việc tổ chức các buổi tọa đàm với đội ngũ giáo viên các trường phổ thông với nhiều nội dung tham luận liên quan đến CDR của CTĐT cũng được KNN thực hiện hiệu quả [H1.01.03.04].

Nhằm hoàn thiện hóa mục tiêu, CDR của CTĐT ngành SPTA được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo đúng kế hoạch và chỉ đạo của Trường gần nhất vào các năm 2014 và 2018 [H1.01.03.05]. Quy trình rà soát và điều chỉnh CTĐT được thực hiện theo quy định của Thông tư 07/TT-BGD&ĐT ban hành ngày 16 tháng 4 năm 2015 [H1.01.03.06] bao gồm các bước cơ bản như sau:

- Bước 1: Thành lập Tổ rà soát/Tổ điều chỉnh CTĐT.
- Bước 2: Tổ rà soát/Tổ điều chỉnh CTĐT tiến hành lấy ý kiến các BLQ gồm học viên, cựu học viên, GV về CTĐT.
- Bước 3: Tổ rà soát/Tổ điều chỉnh CTĐT tổng hợp ý kiến thu được từ các BLQ và tiến hành họp tổ đề đưa ra những điều chỉnh phù hợp.
- Bước 4: Nội dung dự kiến điều chỉnh CTĐT được đưa ra lấy ý kiến của các thành viên trong Hội đồng Khoa, sau đó là Tiểu ban Khoa học giáo dục và cuối cùng là Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.
- Bước 5: Trường công bố CTĐT đã điều chỉnh lên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa giúp công bố công khai đến các BLQ.

CDR của CTĐT được công bố công khai, rộng rãi dưới nhiều hình thức và phương tiện khác nhau như trên thông tin điện tử về đào tạo của Trường tại <https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html>, của KNN tại <https://sfl.ctu.edu.vn/>, thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cẩm nang SV, các đợt tư vấn hướng nghiệp [H1.01.03.07].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu về đào tạo giáo viên theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT cũng như nhu cầu thực tế tại địa phương. CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo đúng quy định và dựa trên nguyên tắc tham khảo ý kiến đóng góp các BLQ. Ngoài ra, CĐR của CTĐT được phổ biến công khai tới các BLQ dưới nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT chưa được KNN thực hiện thường xuyên. Việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, đặc biệt là nhà tuyển dụng chưa được thực hiện rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, KNN tiếp tục thực hiện hoạt động rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT và có kế hoạch thực hiện định kỳ ít nhất 2 năm/lần. Ngoài ra, KNN duy trì hoạt động khảo sát ý kiến đóng góp các BLQ về CĐR, đặc biệt mở rộng phạm vi khảo sát tới đối tượng là nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành SPTA được xác định rõ ràng, cụ thể hóa trong từng nội dung đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. Đối với CĐR của CTĐT ngành SPTA cũng được xác định rất cụ thể và cập nhật. CĐR của CTĐT được thiết kế trên nguyên tắc phát huy tối đa năng lực chuyên môn, hệ thống các kỹ năng cần thiết cũng như tính chủ động, sáng tạo của người học. Ngoài ra việc tạo môi trường thuận lợi cho

SV học tập, giao lưu và tranh thủ sự hỗ trợ từ các BLQ như GV, nhà quản lý,... cũng được chú trọng. CĐR của CTĐT ngành SPTA cũng được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học.

Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT ngành SPTA cũng gặp một số khó khăn nhất định. Cụ thể việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu CĐR của CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên. Ngoài ra, việc liên kết với các đơn vị tuyển dụng nhằm kịp thời nắm bắt thông tin về nhu cầu đào tạo cũng chưa được thực hiện triệt để.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn là: 5/7

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT ngành SPTA được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường ĐHCT ban hành và được điều chỉnh, bổ sung theo đúng các quy định, hướng dẫn phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của KNN. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai rộng rãi, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội về các dịch vụ liên quan đến hoạt động dạy và học tiếng Anh. Bản mô tả CTĐT ngành SPTA cung cấp đầy đủ các thông tin về cấu trúc chương trình, kết quả học tập mong đợi, các CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Dựa theo văn bản hướng dẫn của Trường ĐHCT, CTĐT ngành SPTA được thiết kế rất chi tiết và đầy đủ các nội dung. Vào năm 2014, CTĐT ngành SPTA được điều chỉnh theo Quyết định của Trường ĐHCT [[H2.02.01.01](#)], trong đó thay vì 120 tín chỉ học phần như chương trình cũ [[H2.02.01.02](#)], CTĐT mới này được nâng lên thành 140 tín chỉ [[H2.02.01.03](#)] dựa trên nhu cầu tăng cường các học phần thực hành. Vào năm 2018, Trường tiếp tục thực hiện việc rà soát và điều chỉnh CTĐT [[H1.01.03.05](#)], [[H1.01.01.02](#)], bổ sung ma trận các kỹ năng [[H2.02.01.04](#)] và một số thay đổi về môn học sao cho phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế xã hội. Bảng 2.1 bên dưới liệt kê một số thay đổi cơ bản trong nội dung khối kiến thức của 02 chương trình.

Bảng 2.1: Các nội dung điều chỉnh trong CTĐT ban hành 2014 và 2018

TT	Nội dung trước điều chỉnh (CTĐT 140 TC)	Nội dung sau điều chỉnh (CTĐT 141 TC)
	Khối kiến thức Cơ sở ngành	
1	(SP079) Giáo dục học (3TC)	Giáo dục học (Giảng dạy tiếng Anh) (3TC)
2	(SG195) Nguyên lý dạy học tiếng Anh (2TC)	Lý luận dạy học tiếng Anh (2TC)
3	(SG197) Thiết kế chương trình tiếng Anh (2TC)	Phát triển chương trình và tài liệu giảng dạy (2TC)
4	(SG202) Giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ (4TC)	Giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ (3TC)
5	(SG198) Phương pháp NCKH tiếng Anh (1TC)	Nghiên cứu cải tiến trong giảng dạy tiếng Anh (2 TC)
6	(SP445) Kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp (2TC)	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình chuyên nghiệp (2TC)
7	(SG289) Tính sư phạm trong giải quyết vấn đề (2TC)	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy tiếng Anh (2TC)
		Giáo dục hòa nhập trong nhà trường THPT (2TC)
	Khối kiến thức Chuyên ngành	
8	(SG268) Tiếng Anh giao tiếp Quốc tế (3TC)	Nghe-Nói B1 (3TC)
9	(SG272) Đọc-viết văn bản thông dụng (3TC)	Đọc-Viết B1 (3TC)
10	(SG269) Kỹ năng nghe-nói cơ bản (3TC)	Nghe-Nói B2.1 (3TC)
11	(SG273) Đọc-viết học thuật cơ bản (3TC)	Đọc-Viết B2.1 (3TC)
12	(SG270) Kỹ năng nghe-nói trung cấp (3TC)	Nghe-Nói B2.2 (3TC)
13	(SG274) Đọc-viết học thuật trung cấp (3TC)	Đọc-Viết B2.2 (3TC)
14	(SG271) Kỹ năng nghe-nói nâng cao	Nghe-Nói C1.1 (3TC)

TT	Nội dung trước điều chỉnh (CTĐT 140 TC)	Nội dung sau điều chỉnh (CTĐT 141 TC)
	(3TC)	
15	(SG275) Đọc-viết học thuật nâng cao (3TC)	Đọc-Viết C1.1 (3TC)
16	(SG276) Nghe-nói mở rộng (2TC)	Nghe-Nói C1.2 (2TC)
17	(SG278) Đọc-Viết phê bình (2TC)	Đọc-Viết C1.2 (2TC)
	Các học phần tốt nghiệp	
18	(SP445) Kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp (2TC)	Quản lý giảng dạy tiếng Anh (2TC)
	(SG289) Tính sư phạm trong giải quyết vấn đề (2TC)	Tiếp cận các bài thi tiếng Anh quốc tế (2TC)
19	(SG290) Phương pháp dạy tiếng Anh chuyên ngành (3TC)	Dạy-học các môn học bằng tiếng Anh (3TC)
20	(SG291) Phương pháp dạy tiếng Anh cho trẻ em (3TC)	Phương pháp dạy tiếng Anh cho trẻ em (3TC)
21	(SG292) Dạy-học tiếng Anh qua dự án (3TC)	Dạy-học tiếng Anh qua nhiệm vụ và dự án (3TC)
22	(SG 293) Giảng dạy tiếng Anh khoa học giáo dục (2TC)	Dạy học các môn khoa học bằng tiếng Anh (2TC)
23	(SG208) Giảng dạy văn chương (2TC)	Phát triển năng lực tự học tiếng Anh (2TC)
24	(SG211) Phát triển giáo trình giảng dạy (2TC)	

Bản mô tả CTĐT ngành SPTA có đầy đủ các thông tin theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [[H1.01.03.06](#)], bao gồm: tên cơ sở giáo dục; tên gọi văn bằng, tên CTĐT, thời gian đào tạo, mục tiêu đào tạo bao gồm mục tiêu đào tạo chung và mục tiêu đào tạo cụ thể, CDR trong đó bao gồm hệ thống khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành, hệ thống kỹ năng bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm, thái độ người học, vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, tiêu chí tuyển sinh và cấu trúc CTĐT.

Bản mô tả CTĐT ngành SPTA được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan. Thông qua việc tham khảo bản mô tả CTĐT của các cơ sở giáo dục có uy tín

[H2.02.01.05] cũng như khảo sát, phân tích ý kiến phản hồi của các BLQ [H1.01.03.03], KNN có thêm cơ sở tham chiếu cho các hoạt động thiết kế, xây dựng và điều chỉnh CTĐT.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT được thiết kế theo đúng các quy định ban hành của Bộ GD&ĐT, gắn kết chặt chẽ và có sự tham vấn của bên thứ 3 đó chính là các sở giáo dục và đào tạo trong vùng ĐBSCL, đội ngũ GV, SV và nhà tuyển dụng. Ngoài ra, cấu trúc của chương trình có sự cân bằng phù hợp với mục tiêu cũng như CDR mà người học cần đạt được.

Bản mô tả CTĐT có được sự cập nhật liên tục theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới tiếp cận năng lực về lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ. Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế phù hợp đáp ứng yêu cầu về CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Dù đã có chủ trương cập nhật thường xuyên [H1.01.01.04], song CTĐT ngành SPTA vẫn chưa đạt tiêu chí cập nhật 2 năm 1 lần. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT được thực hiện thường xuyên trên đối tượng người dạy và học nhưng hoạt động này vẫn còn hạn chế đối với đối tượng là nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021 KNN sẽ lên kế hoạch thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh bổ sung CTĐT thường xuyên hơn, ít nhất 2 năm 1 lần. Công tác điều chỉnh phải bám sát quy định và dựa trên nguyên tắc tham khảo ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó chú trọng đến nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, KNN đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHCT ban hành [H1.01.02.01], [H1.01.03.06].

Mỗi học phần trong CTĐT đều được cụ thể hóa thông qua đề cương chi tiết học phần [H1.01.02.02]. Đề cương của mỗi học phần bao gồm các thông tin cụ thể như sau: (1) Tên học phần, mã số học phần, số tín chỉ, số tiết học phần (lý thuyết, thực hành, tự học), (2) Đơn vị phụ trách học phần, (3) Điều kiện tiên quyết, (4) Mục tiêu của học phần bao gồm 3 nhóm: kiến thức, kỹ năng, và thái độ/năng lực tự chủ và trách nhiệm, (5) Mô tả tóm tắt nội dung học phần, (6) Cấu trúc nội dung học phần, (7) Phương pháp giảng dạy, (8) Nhiệm vụ của SV, (9) Đánh giá kết quả học tập của SV, (10) Tài liệu học tập, (11) Hướng dẫn SV tự học.

Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và được thể hiện ở các mục tiêu CĐR của từng học phần. Đề cương chi tiết học phần đảm bảo sự tích hợp giữa các yếu tố quan trọng như nội dung giảng dạy, phương pháp dạy và học để có thể đạt được các CĐR đã nêu cũng như phương pháp kiểm tra đánh giá để đánh giá hiệu quả việc dạy và học.

Tất cả đề cương học phần trong CTĐT ngành SPTA đều được rà soát định kỳ, bổ sung nội dung cập nhật theo đúng quy định Trường ĐHCT [H2.02.01.01], [H1.01.03.05]. Công tác lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ phục vụ cho công tác rà soát, điều chỉnh cũng được thực hiện rất nghiêm túc [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.03.04]. Ngoài ra, đề cương học phần được công khai trên website của Trường tại <https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html>, Khoa tại <https://sfl.ctu.edu.vn/>. Vì thế SV có thể tiếp cận dễ dàng.

2. Điểm mạnh

100% đề cương chi tiết của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHCT. Các đề cương học phần được rà soát, bổ sung, cập nhật định kỳ đáp ứng xu thế phát triển hiện nay về các lĩnh vực liên quan giảng dạy tiếng Anh. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá,... của học phần đều được thể hiện đầy đủ giúp người học đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động rà soát, bổ sung điều chỉnh đề cương học phần trong CTĐT ngành SPTA chưa được thực hiện thường xuyên dẫn đến việc một số nội dung học phần chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu mới của xã hội.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021 Bộ môn PPDHTA dưới sự chỉ đạo cũng như tư vấn từ Hội đồng Khoa sẽ tiến hành lên kế hoạch thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật đề cương chi tiết các học phần thường xuyên hơn, ít nhất 2 năm/lần.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai trên trang thông tin điện tử về đào tạo của Trường tại <https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html>, KNN tại <https://sfl.ctu.edu.vn/> tạo điều kiện thuận tiện, dễ dàng nhất cho các bên có liên quan trong việc tra cứu. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT cũng như đề cương các môn học phần được công bố công khai đến các BLQ thông qua các kênh khác như:

Thông qua hoạt động tư vấn tuyển sinh hằng năm tại <https://tuyensinh.ctu.edu.vn/dai-hoc-chinh-quy/thong-tin-tuyen-sinh.html>; tờ rơi quảng cáo, các tài liệu giới thiệu về Trường, Khoa [H1.01.03.07]; trong các buổi sinh hoạt đầu khóa đón tân SV [H2.02.03.01], các buổi sinh hoạt với Cố vấn học tập (CVHT) [H2.02.03.02]. Thông qua các buổi tọa đàm với đại diện các Trường Phổ thông [H1.01.03.04], CTĐT cũng được công khai thông tin đến đội ngũ giáo viên và học sinh cũng như lãnh đạo các cơ sở giáo dục địa phương.

Các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV, học sinh, phụ huynh... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Điều này góp phần rất lớn trong việc đảm bảo chất lượng thực hiện mục tiêu CTĐT. Ngoài ra nhà tuyển dụng cũng có thể biết được nội dung SV đã và đang được đào tạo nhằm có kế hoạch tuyển dụng hợp lý. Hơn nữa, đây cũng là kênh thông tin để Khoa thực hiện việc rà soát, bổ sung điều chỉnh CTĐT.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai thông qua nhiều hình thức, kênh thông tin khác nhau để các BLQ dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác gắn kết giữa nhà Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực cho xã hội.

3. Điểm tồn tại: không có

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, KNN tiếp tục tiến hành các hoạt động nhằm mục đích phổ quát hơn CTĐT ngành SPTA đến các BLQ. Công tác đẩy mạnh việc quảng bá thông tin về bản mô tả CDR của CTĐT và đề cương chi tiết các học phần tới cộng đồng xã hội sẽ được tiến hành.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Thông tin bản mô tả CTĐT ngành SPTA được công bố rõ ràng, đầy đủ và chi tiết. Trong quá trình đào tạo, đơn vị luôn quan tâm đến việc thường xuyên điều chỉnh, cập nhật CTĐT sao cho phù hợp xu thế phát triển đương đại trong lĩnh vực liên quan đến các hoạt động giảng dạy tiếng Anh. Việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT được thực hiện dựa trên nguyên tắc xây dựng từ các BLQ như Hội đồng Khoa, đối tượng người học, GV, nhà tuyển dụng,... Nội dung chương trình, các mục tiêu CDR được thể hiện rõ ràng trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần theo đúng chuẩn quy định của Trường ĐHCT. Ngoài ra mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT (cấu trúc học phần, nội dung đào tạo, phương thức kiểm tra đánh giá...) đều được công bố rộng rãi cho đối tượng SV để SV có thể tự lựa chọn lộ trình, kế hoạch học tập cho riêng mình trong từng năm học.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn là: 5/7

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung CTDH ngành SPTA được thiết kế hợp lý, phù hợp với các quy định về xây dựng CTĐT của Trường ĐHCT, đáp ứng tối đa nhu cầu nhân lực (giáo viên tiếng Anh) cho khu vực ĐBSCL và trong phạm vi cả nước. Phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập (KQHT) được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CDR của từng học phần và CDR của CTĐT tổng. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTDH ngành SPTA được rà soát thường xuyên nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể. CTDH được xây dựng bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu tổng quát nhấn mạnh việc đào tạo SV có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; có khả năng phát triển hệ thống kỹ năng, thái độ cũng như hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến giảng dạy tiếng Anh trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Mục tiêu cụ thể giúp SV từng bước đạt được những nội dung được nêu trong mục tiêu tổng quát.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

CTDH ngành SPTA được thiết kế dựa trên Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H1.01.02.01] và Bộ chương trình khung giáo dục đại học thuộc khối ngành Sư phạm [H3.03.01.01]. CTDH ngành SPTA phản ánh rõ các mục tiêu CDR như hệ thống kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm và được mô tả cụ thể trong nội dung chi tiết các học phần và trong toàn bộ CTĐT [H1.01.02.02], góp phần hiệu quả trong việc xây

dựng mục tiêu đào tạo theo đúng chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT, đáp ứng kịp thời nhu cầu xã hội, cũng như hội nhập với các trường đại học trong và ngoài khu vực.

Ngoài ra việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của người học của tất cả các học phần trong CTĐT cũng được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Bộ môn PPDHTA thường xuyên tổ chức họp bàn về kế hoạch tự đánh giá, điều chỉnh nội dung dạy học, góp phần hiệu quả trong việc đạt được các mục tiêu CDR [H1.01.03.02]. Trong năm 2018, CTDH ngành SPTA đã được điều chỉnh nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của xã hội [H1.01.03.05]. Nội dung CTDH mới được thể hiện rất rõ trong đề cương chi tiết từng học phần trong CTĐT [H1.01.02.02]. Nhìn chung, CTDH tập trung vào việc giúp SV đạt được ba khối kiến thức được mô tả trong bảng 3.1.

Bảng 3.1: Bản mô tả khối kiến thức cần đạt được trong CTĐT SPTA

Khối kiến thức	CTĐT (2014-2018)		CTĐT hiện hành	
	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
GD đại cương	42	30%	43	30,5%
Cơ sở ngành	35	25%	35	24,8%
Chuyên ngành	63	45%	63	44,7%
Tổng	140	100%	141	100%

Tỷ lệ bảng trên cho thấy CTDH ngành SPTA có sự cân đối cao và đảm bảo tính logic trong quá trình thiết kế các nhóm học phần. Cơ cấu các khối kiến thức trong CTĐT là hợp lý, đáp ứng triết lý giáo dục trong nhiệm vụ đào tạo cử nhân sư phạm. Khối kiến thức Giáo dục đại cương kết hợp với khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành đảm bảo tính hiệu quả trong việc trang bị cho người học một nền tảng

kiến thức từ rộng đến hẹp, từ cơ bản đến chuyên sâu phục vụ công việc sau khi tốt nghiệp.

Cùng với việc trang bị hệ thống kiến thức cho SV, cấu trúc của chương trình được xây dựng nhằm đảm bảo cho người học được trang bị các kỹ năng nghề nghiệp: kỹ năng giảng dạy, kỹ năng giải quyết vấn đề trên lớp học, kỹ năng cải tiến phương pháp giảng dạy thông qua phương pháp NCKH, xây dựng bài giảng nhắm đến nhu cầu và khả năng của học sinh... Bên cạnh đó, các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp được lồng ghép trong nội dung của các học phần, người học tuân thủ các nguyên tắc đạo đức người giáo viên, thể hiện sự chuyên nghiệp trong quá trình học tập và làm việc sau khi tốt nghiệp. Với kết cấu như thế, nội dung CTĐT cũng như CTDH đảm bảo trang bị cho người học đầy đủ hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ đạt chuẩn theo yêu cầu của mục tiêu CĐR trong CTĐT.

Nhằm mục tiêu điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện CTDH, hằng năm KNN tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về các nội dung, hoạt động liên quan CTDH [[H1.01.03.03](#)]. Kết quả cho thấy các BLQ có phản hồi rất tích cực [[H3.03.01.02](#)].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế rõ ràng, khoa học với các nội dung bám sát mục tiêu CĐR đề cập trong CTĐT. Ngoài ra, CTDH được vận hành một cách hiệu quả và có tính hệ thống cao.

Trong quá trình xây dựng CTDH, KNN đặc biệt chú trọng tính logic của các học phần nhằm đảm bảo cho người học được tiếp cận hệ thống kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát ý kiến về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trong quá trình xây dựng CTDH ngành SPTA chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm học 2020-2021, KNN sẽ thường xuyên thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ, đặc biệt là nhà tuyển dụng trong quá trình xây dựng CTDH.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả

Các học phần trong CTĐT ngành SPTA đều thể hiện sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể trong việc đạt được mục tiêu CDR. Ngoài ra tất cả các học phần trong CTĐT đều được xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ tốt nhất đảm bảo việc đạt được các mục tiêu CDR được nêu trong CTĐT [[H1.01.02.02](#)], [[H1.01.02.03](#)].

CTĐT ngành SPTA có cấu trúc hợp lý và được đào tạo trong thời gian 4 năm. Căn cứ vào mục tiêu CDR trong CTĐT, khối kiến thức chuyên ngành tập trung vào hai mảng: (1) năng lực ngôn ngữ và (2) nghiệp vụ sư phạm. Khối kiến thức liên quan đến năng lực ngôn ngữ bao gồm những môn học về kỹ năng cơ bản và một số môn chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm bao gồm những môn học về lý luận dạy học và phương pháp giảng dạy phù hợp với chương trình mới cũng như đặc thù là ngành đào tạo giáo viên giảng dạy tiếng Anh. Mỗi học phần đều được thiết kế rõ ràng, hợp lý nhằm mục tiêu đạt được CDR được mô tả trong CTĐT. Hình 3.1 là một

thí dụ minh họa cho thấy mối liên hệ giữa các học phần và mục tiêu CĐR của CTĐT ngành SPTA.

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																								Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)			
			Kiến thức (2.1)												Kỹ năng (2.2)															
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)					Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)					Kỹ năng cứng (2.2.1)						Kỹ năng mềm (2.2.2)						
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	...	a	b	c	...	a	b	c	...	a	b	c	d	...	a	b	c	d	...	a	b	c	d	...	
30	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông					X								X	X														
31	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững					X								X															
32		Lý luận dạy học tiếng Anh						X							X	X			X											
33	SG196	Phương pháp dạy học tiếng Anh						X							X	X	X		X											
34		Phát triển chương trình và tài liệu giảng dạy							X						X	X			X											
35	SG199	Đánh giá kết quả học tập tiếng Anh							X						X			X							X					
36	SG200	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Anh						X							X	X			X					X						
37		Giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ						X							X	X			X											
38	SG203	Giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ						X							X	X			X											
39		Nghiên cứu cải tiến trong giảng dạy tiếng Anh						X							X	X								X	X	X				
40		Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình chuyên nghiệp						X							X	X						X			X	X	X			
41		Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy tiếng Anh						X							X						X	X			X	X				
42		Giáo dục hòa nhập trong nhà trường THPT						X							X						X	X			X	X				
43	SG204	Kiến tập sư phạm						X	X			X	X			X	X		X	X	X	X		X	X	X	X			
44	SG267	Thực tập sư phạm						X	X			X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X		
Khối kiến thức chuyên ngành																														
45		Nghe-Nói B1										X			X				X					X		X				
46		Đọc-Viết B1										X			X				X					X		X				

Hình 3.1: Minh họa sự đóng góp của học phần nhằm đạt các CĐR của CTĐT

(Nguồn: Ma trận CĐR CTĐT ngành SPTA Khóa 45)

Cụ thể đối với khối học phần về năng lực tiếng Anh, theo quy định, SV chuyên ngành SPTA phải đạt trình độ bậc 5 trong khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt nam (tương đương bậc C1 theo chuẩn Châu Âu) [H3.03.02.01]. Vì vậy các học phần kỹ năng ngôn ngữ được xây dựng bám sát mục tiêu CĐR này. Trong đề cương chi tiết của mỗi học phần đều có phần mục tiêu đào tạo và được trình bày rất chi tiết, rõ ràng cụ thể những gì SV có thể đạt được sau khóa học. Giáo trình sử dụng để giảng dạy các học phần cũng được lựa chọn, biên soạn sao cho phù hợp với mục tiêu đào tạo [H1.01.02.02]. Song song đó hoạt động kiểm tra đánh giá hoạt động dạy và học cũng được KNN thực hiện rất nghiêm túc [H3.03.02.02].

Đối với khối học phần nghiệp vụ sư phạm, SV không chỉ được trang bị kiến thức lý thuyết về lý luận và phương pháp dạy học mà còn được học những học phần thực hành và thực tập giảng dạy nhằm nâng cao tính thực tiễn đáp ứng các mục tiêu CĐR. Cụ

thể, vào năm thứ hai của chương trình học SV ngành SPTA được KNN tạo điều kiện có buổi tham quan môi trường học tập và làm việc tại các trường phổ thông [H3.03.02.03], năm thứ ba SV hoàn thành học phần kiến tập sư phạm và năm thứ tư là thực tập sư phạm [H3.03.02.04]. Mỗi học phần trong CTĐT đều được thiết kế, thay đổi và cập nhật cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định mới của Bộ và Trường theo đúng quy chế và lộ trình chung.

Ngoài ra, việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về mức độ đóng góp của từng học phần trong CTDH trong việc đạt mục tiêu CDR của CTĐT cũng được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.03.04].

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT ngành SPTA được xác định rõ ràng. Chương trình được phân bố hợp lý và có sự gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. Mối liên hệ giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐT được thể hiện một cách rõ ràng, chặt chẽ.

Việc khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của các BLQ góp phần to lớn trong việc điều chỉnh CTDH cũng như các phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được mục tiêu các CDR của CTĐT và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

KNN chưa thực hiện việc khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng trong quá trình xây dựng, cập nhật và điều chỉnh CTDH, nội dung các học phần trong việc đạt được CDR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN tiếp tục duy trì hoạt động lấy ý kiến phản hồi, đóng góp từ các BLQ làm tham chiếu điều chỉnh nội dung các học phần góp phần đạt được

mục tiêu CDR trong CTĐT. Đặc biệt, KNN sẽ xem xét việc lấy thêm ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng góp phần hoàn thiện hóa việc xây dựng nội dung các học phần cũng như điều chỉnh CTDH.

5. *Tự đánh giá:* tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

CTDH các học phần trong CTĐT được cấu trúc hợp lý nhằm đảm bảo sự gắn kết và liên thông giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo tính thống nhất trong chương trình. 100% CTDH các học phần được bố trí hợp lý theo đúng quy định về việc xây dựng CTDH [[H1.01.02.02](#)]. Cụ thể, CTĐT ngành SPTA được xây dựng dựa trên CDR được chia thành 03 khối kiến thức: giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành với tỷ lệ các học phần bắt buộc/các học phần tự chọn. Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học đạt được những kiến thức nền tảng. Khối kiến thức cơ sở ngành giúp người học đạt được những kiến thức và kỹ năng chung liên quan đến các ngành trong khối ngành SPTA. Khối kiến thức chuyên ngành giúp người học đạt được những kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy đặc thù của ngành SPTA.

Mỗi khối kiến thức đều có các học phần bắt buộc (có ràng buộc tiên quyết) và các học phần thuộc nhóm tùy chọn. Việc xác định môn học tiên quyết đóng vai trò hết sức quan trọng đối với CTĐT và CTDH ngành SPTA. Cụ thể môn học tiên quyết vừa đảm bảo cung cấp kiến thức nền tảng chung cho cả CTĐT (ví dụ như môn Phương pháp dạy học tiếng Anh), đồng thời vừa đảm bảo cung cấp kiến thức cho môn học tiếp theo (tính kế thừa giữa các môn học), thí dụ như các môn Giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ, Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Anh,... (xem Bảng 3.2).

Bảng 3.2: Chương trình dạy học ngành SPTA

TT	Mã số HP	Tên HP	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành		
...	...	...	...	...	...	...	...	...		
Cộng: 43 TC (Bắt buộc: 28 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
...	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		I,II
...	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		I,II
...	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30			I,II
...	FL258	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy tiếng Anh	2	2		30				I,II
...	FL217	Lý luận dạy học ngoại ngữ	2	2		30				I,II
...	SG196	Phương pháp dạy học tiếng Anh	2	2		15	30	SP421		I,II
...	FL238	Phát triển chương trình giáo dục ngoại ngữ	2	2		15	30	SP421		I,II
...	FL218	Đánh giá kết quả học	2	2		15	30	SP421		I,II

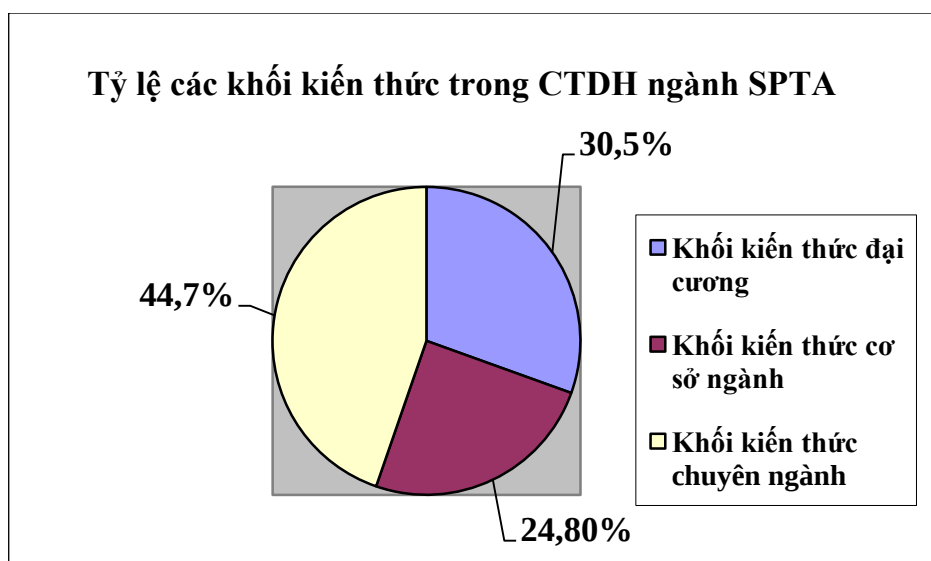
TT	Mã số HP	Tên HP	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	HK thực hiện
		tập ngoại ngữ								
...	SG200	Ứng dụng CNTT trong dạy học tiếng Anh	2	2		15	30	TN034, SG196		I,II
...	FL227	Giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ	3	3		30	30	SG196		I,II
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
Cộng: 63 TC (Bắt buộc: 53 TC; Tự chọn: 10 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 114 TC; Tự chọn: 27 TC)										

(Nguồn: Bản mô tả CTĐT ngành SPTA Khóa 45)

Tùy theo khả năng và định hướng của bản thân, SV có thể chọn học một số học phần trong nhóm tùy chọn. Trình tự của các học phần được sắp xếp logic, đảm bảo cho SV có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Các học phần trong CTĐT được thiết kế theo trình tự hợp lý, khoa học và có độ liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu.

Bên cạnh đó, nội dung các học phần có tính tích hợp cao, tích hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm giúp người học có điều kiện củng cố và áp dụng kiến thức đã học, rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đặc biệt trong CTĐT có các học phần Kiến tập và Thực tập Sư phạm được thực hiện tại các trường phổ thông. Thông qua các học phần này SV có cơ hội được vận dụng lý thuyết và triển khai vào việc quan sát và giảng dạy thực tế, được tiếp cận với từng đối tượng người học và môi trường giảng dạy khác nhau. Từ đó kỹ năng giảng dạy sẽ được củng cố và phát triển.

CTDH ngành SPTA được cập nhật, bổ sung và thay đổi kịp thời nhằm phù hợp với yêu cầu thực tế. Để phù hợp với quy định mới của Bộ GD&ĐT, tầm nhìn của ĐHCT [H1.01.01.04], CTĐT ngành SPTA được điều chỉnh, nâng lên thành 140 tín chỉ năm 2014. Sau 4 năm, vào năm 2018, CTĐT ngành SPTA tiếp tục được điều chỉnh [H1.01.03.05]. Theo CTĐT mới này, tổng thời gian đào tạo là 4 năm bao gồm 141 tín chỉ với 114 tín chỉ bắt buộc (80,9%) và 27 tín chỉ tự chọn (19,1%). Trong đó, khối kiến thức đại cương là 43 tín chỉ (30,5%), cơ sở ngành là 35 tín chỉ (24,8%) và chuyên ngành là 63 tín chỉ (44,7%) [H1.01.01.02]. CTDH ngành SPTA có sự phân bổ hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành (Hình 3.2).



Hình 3.2: Phân bổ tỷ lệ các khối kiến thức trong CTDH ngành SPTA

Trong quá trình điều chỉnh CTDH, Bộ môn PPDHTA - KNN luôn chú trọng đến việc tham khảo ý kiến phản hồi của các BLQ như GV, SV năm cuối, cựu SV. Trong học kỳ 2 năm học 2019-2020, ý kiến đóng góp từ nhà tuyển dụng cũng được thực hiện [H1.01.03.03]. Ngoài ra, KNN còn tích cực tham khảo các CTĐT ngành SPTA từ các cơ sở giáo dục khác trong nước nhằm đảm bảo tính khoa học, linh hoạt và tích hợp áp dụng cho đơn vị nhằm mang lại hiệu quả cao nhất có thể, nâng cao chất lượng đào tạo phục vụ cho cộng đồng địa phương và cả nước [H2.02.01.05].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao đáp ứng xu hướng phát triển chung của ngành SPTA trong khu vực và trên thế giới.

CTDH ngành SPTA đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hàng năm dưới sự góp ý của các BLQ cũng như tham khảo các chương trình tiên tiến mang lại hiệu quả đào tạo cao.

3. Điểm tồn tại

Việc tham khảo các CTĐT tiên tiến trên thế giới chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Bộ môn PPDHTA - KNN tiếp tục rà soát cấu trúc, cân nhắc các khối kiến thức, các học phần để CTĐT, trong đó có CTDH được hoàn thiện hơn, cung cấp kiến thức, kỹ năng cho SV. Bên cạnh đó, tích cực tham khảo, so sánh, phân tích các CTĐT tiên tiến ở nước ngoài làm cơ sở cho việc cải tiến CTĐT, CTDH.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Đối với CTDH của ngành SPTA, Bộ môn PPDHTA - KNN luôn chú trọng đến tới tính logic và tính hệ thống của các học phần nhằm giúp SV có khả năng tiếp cận khối kiến thức theo nguyên tắc từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành cơ bản được thiết kế linh hoạt, không gây cản trở cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học phần do không bị ràng buộc quá nhiều bởi các học phần tiên quyết. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau một cách hiệu quả.

Ngoài ra, CTDH được thiết kế logic, có tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành SPTA. Đội ngũ cán bộ giảng dạy, chuyên viên có liên quan luôn ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần trong từng thời điểm, hỗ trợ tích cực SV và kết quả mang lại được thể hiện ở năng lực SV khi tốt nghiệp là hết sức tích cực.

Tuy nhiên, việc lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của nhà tuyển dụng, đơn vị trực tiếp sử dụng lao động ngành SPTA hiện chưa được thực hiện thường xuyên. Điều này cũng ảnh hưởng phần nào đến chất lượng CTDH.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn là: 5/7

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy học đóng vai trò rất quan trọng trong giáo dục đại học thời hiện đại. Với phương châm lấy người học làm trung tâm (Learner-centered approach), các hoạt động liên quan việc dạy và học trong CTĐT ngành SPTA được thiết kế rất cẩn thận, bám sát tiêu chí và áp dụng linh hoạt nhiều phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, cách tiếp cận... nhằm mục tiêu đạt được mục tiêu CDR như công bố trong CTĐT. Có thể thấy CTDH ngành SPTA tập trung mạnh vào việc đào tạo theo định hướng phát triển năng lực tự học, tự nâng cao trình độ dưới sự hỗ trợ của GV, cung cấp hệ thống kiến thức chuyên môn cao và kỹ năng cần thiết giúp SV có khả năng tự vận động trong mọi điều kiện. Ngoài ra nội dung nâng cao ý thức, thái độ, đạo đức cá nhân cũng được chú trọng trong CTDH.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả

Trường ĐHCT có vai trò và sứ mệnh quan trọng trong việc đào tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng cho khu vực ĐBSCL [H1.01.01.04]. Hiện Trường đang thực hiện cũng như hoàn thiện mô hình đào tạo theo hệ thống tín chỉ theo đúng quy định [H1.01.02.01]. Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tập trung vào quan điểm lấy người học làm trung tâm của quá trình dạy và học; phát huy tính chủ động và sáng tạo cũng như nâng cao tính tự học, tự nghiên cứu của người học. Quy chế đào tạo của Trường được mô tả rõ ràng và cụ thể trong Quy chế học vụ được phát cho toàn thể SV vào đầu khóa học [H4.04.01.01].

Tiếp cận giáo dục “lấy người học làm trung tâm” nhấn mạnh năng lực tự học của

SV (learner autonomy). Vì thế trong thiết kế chương trình ngành SPTA, Bộ môn PPDHTA dưới sự chỉ đạo của BCN KNN đã tập trung đẩy mạnh cải tiến theo hướng: nội dung hiện đại, gắn liền với thực tế và đặc biệt là tăng cường kỹ năng thực hành [H4.04.01.02]. Cụ thể, bất cứ học phần nào cũng đều có mô tả cụ thể tỷ lệ phần trăm đánh giá học phần, ví dụ trong học phần Âm vị học (SG284) ghi rõ: 30 tiết lý thuyết + 60 tiết thực hành. Ngoài ra theo cách đánh giá học phần này, điểm chuyên cần, điểm báo cáo nhóm và điểm bài tập do GV giao chiếm 50% tỷ trọng điểm của cả học phần. Tương tự trong học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Anh (SG200), SV được yêu cầu thực hành tại phòng Lab đến 10 lần/15 tuần học, kèm theo đó là các yêu cầu và bài tập thực hành trên lớp (mini projects). Tất cả các học phần đều nêu rõ vai trò của người học và có phần “Hướng dẫn SV tự học”. SV cũng có thể tải toàn bộ đề cương chi tiết học phần hay CTĐT ngành SPTA dễ dàng trên website Trường ĐHCT tại <https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html>.

Mục tiêu giáo dục “Lấy người học làm trung tâm” được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và thực hiện. Học chế tín chỉ của Trường ĐHCT nêu rõ “mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực”, qua đó ngành SPTA trực tiếp đào tạo ra giáo viên trong tương lai nên càng thấm nhuần triết lý “lấy con người làm trọng tâm”. Điều này được thể hiện rõ nhất trong các đề cương chi tiết học phần mà ở đó sự kết hợp của bộ ba yếu tố “kiến thức, kỹ năng, thái độ” luôn đi cùng với nhau [H1.01.02.02]. Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019 và kế hoạch công tác 2019-2020 của KNN nhấn mạnh yêu cầu tập trung đẩy mạnh, cải tiến CTĐT theo hướng nội dung hiện đại, gắn liền với thực tế, bám sát chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội [H4.04.01.02].

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHCT được giới thiệu và phổ biến rộng rãi tới các BLQ qua nhiều kênh như thông qua trang thông tin điện tử của Trường tại <https://www.ctu.edu.vn/>, của KNN tại <https://sfl.ctu.edu.vn/>, tờ rơi quảng cáo [H1.01.03.07]. Do đặc thù ngành SPTA là đào tạo giáo viên tiếng Anh bậc cử nhân và

công việc sau khi tốt nghiệp của SV chủ yếu là giảng dạy tiếng Anh tại các trường phổ thông nên hằng năm KNN đều đặn tổ chức các buổi tọa đàm với khách mời chủ yếu là lãnh đạo, giáo viên đang công tác tại các trường THPT, trung tâm ngoại ngữ [H1.01.03.04]. Ngoài ra cựu SV, SV cũng như các đơn vị hoạt động kinh tế tự do cũng được chào đón. Bộ môn PPDHTA cũng nhận được phản hồi tích cực từ các BLQ về mức độ sáng tạo, chủ động ứng dụng các phương pháp dạy học hiện đại, bắt kịp với xu hướng thế giới. Điều này được thể hiện rõ nét trong các biên bản tọa đàm cũng như nội dung các báo cáo của báo cáo viên đến từ các trường phổ thông.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục ngành SPTA được cụ thể hóa trong các văn bản chính thống và được tuyên bố công khai, minh bạch đến tất cả các BLQ. Tất cả cán bộ, GV, SV của Trường ĐHCT đều được tiếp cận giáo dục này một cách dễ dàng, mọi lúc, mọi nơi. Mục tiêu giáo dục cũng được triển khai thành các nhiệm vụ cụ thể trong quản lý, đào tạo của Khoa, trong đó việc rà soát và cải tiến CTĐT là hoạt động bắt buộc.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình xây dựng mục tiêu đào tạo, Nhà trường luôn ý thức việc tiếp cận, khảo sát ý kiến đóng góp các BLQ nhằm làm tham chiếu cho hoạt động xây dựng, điều chỉnh. Tuy nhiên, hiện công tác khảo sát ý kiến đóng góp chưa được thực hiện thường xuyên trên đối tượng nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Các chương trình hành động cụ thể mà KNN hướng đến từ năm học 2020-2021 bao gồm:

- Tiếp tục triển khai sâu rộng triết lý giáo dục đến tập thể GV, SV thông qua việc lồng ghép các nội dung có chủ đích trong các cuộc họp chuyên môn cũng như các buổi tiếp xúc định kỳ giữa BCN Bộ môn, BCN Khoa với SV.

- Tiếp tục duy trì việc rà soát lại CTĐT, các mục tiêu học phần hướng đến sự tương thích chặt chẽ hơn giữa mục tiêu giáo dục và mục tiêu đầu ra.
- Tăng cường việc lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng để nắm bắt xu thế phát triển mới trong thị trường lao động, từ đó điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp mục tiêu đào tạo của ngành SPTA.

5. *Tự đánh giá:* tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

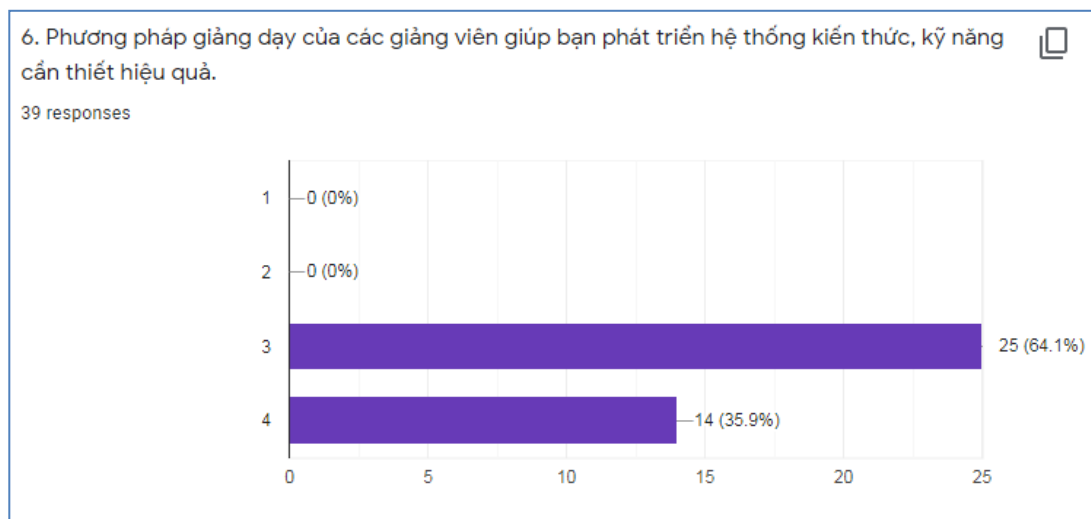
CTĐT ngành SPTA được xây dựng dựa trên học chế tín chỉ theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [[H1.01.02.01](#)] và tầm nhìn, sứ mệnh của Trường ĐHCT [[H1.01.01.04](#)]. Theo quy định, các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được mục tiêu CDR, được áp dụng theo các chuẩn chung về CTĐT và đánh giá kết quả học tập, cũng như thực hiện chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho SV. Bộ môn PPDHTA không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng CNTT nhằm đa dạng hóa các hoạt động dạy và học.

CTĐT tại Trường ĐHCT được điều chỉnh định kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy cũng như cách thức đánh giá nhằm đáp ứng tối đa và kịp thời nhất nhu cầu đổi mới của xã hội [[H1.01.03.05](#)]. CDR của từng học phần trong CTĐT được quy định rõ, bao gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học.

Theo quy định của BGD&ĐT về năng lực chuyên môn, chuẩn tiếng Anh mà giáo viên tiếng Anh bậc trung học phổ thông cần đạt là bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam [[H3.03.02.01](#)]. Chính vì vậy, các hoạt động dạy và học thuộc chuyên ngành SPTA được thiết kế theo lộ trình nhằm từng bước định hướng cho SV đạt được trình độ

năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu [H1.01.02.02]. Với kế hoạch rất cụ thể như hết năm thứ nhất, SV cơ bản hoàn thành khối kiến thức Giáo dục đại cương và một số học phần thuộc khối Kiến thức chuyên ngành. Kết thúc năm thứ hai, SV đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ bậc 4 thuộc khối Kiến thức chuyên ngành và có cơ hội đi thực tế ở các trường phổ thông dưới hình thức kiến tập. Kết thúc năm thứ ba, về cơ bản, SV đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ bậc 5. Năm thứ tư là thời gian SV hoàn thành khối kiến thức cơ sở ngành và trải nghiệm quá trình giảng dạy ở các trường phổ thông dưới hình thức thực tập sư phạm [H3.03.02.04].

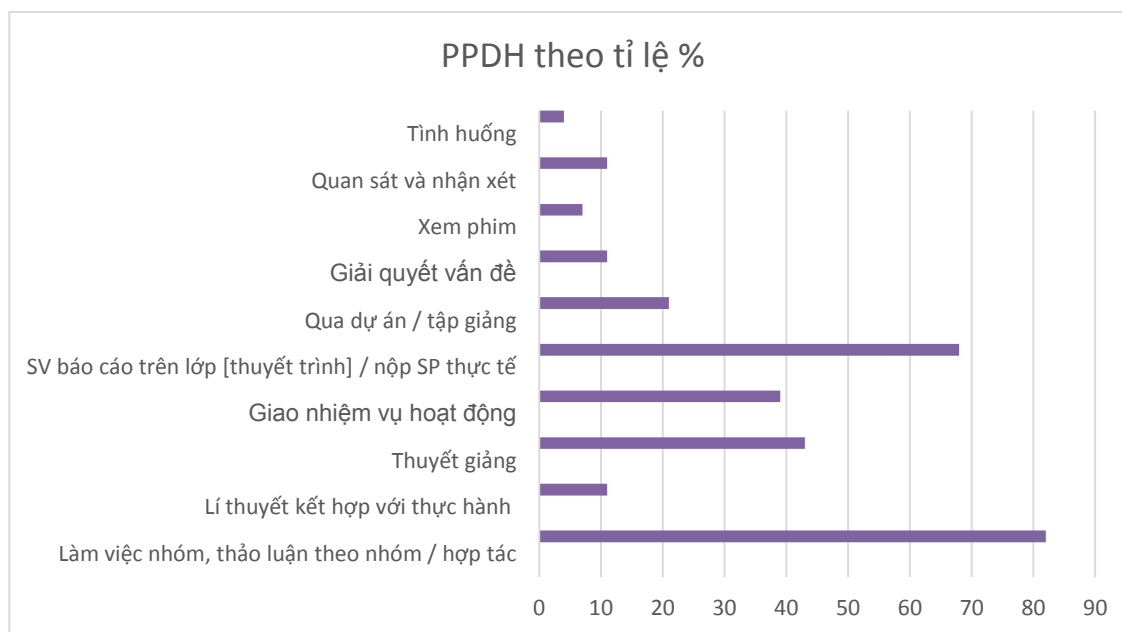
Nhằm đánh giá thực tế chất lượng hoạt động dạy và học có phù hợp để đạt được CDR hay không, Bộ môn PPDHTA đã tiến hành khảo sát thu thập ý kiến của SV năm cuối (Khóa 45) vào năm 2019, trong đó có nội dung đánh giá chất lượng phương pháp giảng dạy [H4.04.02.01]. Kết quả khảo sát (Xem hình 4.1) cho thấy SV đánh giá rất cao phương pháp giảng dạy của giáo viên trong việc đạt được mục tiêu CDR (64,1% đồng ý, 35,9% rất đồng ý). Rõ ràng, kết quả khảo sát cho thấy hoạt động giảng dạy các học phần do Bộ môn xây dựng đa dạng và phù hợp với yêu cầu CDR.



Hình 4.1: Mức độ hài lòng SV năm cuối về phương pháp giảng dạy

(Nguồn: Kết quả khảo sát mức độ hài lòng SV khóa 45 về CTĐT - Bộ môn PPDHTA năm 2019)

Đội ngũ GV tích cực hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, giúp SV phát huy tính chủ động trong tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được mục tiêu CDR đã nêu trong CTĐT; đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả của việc dạy và học tiếng Anh trong những điều kiện khác nhau. Hình 4.2 minh họa chi tiết tỷ lệ các phương pháp giảng dạy được quy định trong CTĐT ngành SPTA. Đối với các lớp có sĩ số trên 40 (lớp đông) phương pháp giảng thuyết (Lecture), làm việc nhóm (Group work), học tập qua dự án (Project-based learning), học tập qua nhiệm vụ (Task-based Language Teaching) thường được linh hoạt áp dụng. Trong trường hợp sĩ số lớp dưới 25 SV (lớp ít), các hình thức thảo luận (Discussion), trình bày (Presentation) khá phổ biến. Hình thức đánh giá cũng được cập nhật sao cho phù hợp từng điều kiện cụ thể. Các học phần Kiến tập sư phạm và Thực tập sư phạm cũng được thiết kế chi tiết với các hình thức đánh giá cụ thể nhằm hỗ trợ cả giáo viên hướng dẫn và giáo sinh nắm rõ mục tiêu cần đạt [H3.03.02.04].



Hình 4.2: Tỷ lệ các PPDH được thực hiện trong CTĐT ngành SPTA

(Nguồn: Bản mô tả CTĐT ngành SPTA)

Ngoài ra, Bộ môn PPDHTA tích cực khuyến khích GV, SV tham gia hoạt động NCKH, đặc biệt là các đề tài liên quan cải tiến phương pháp dạy và học. Ngoài ra các hoạt động trao đổi sáng kiến, kinh nghiệm diễn ra thường xuyên dưới dạng các Seminar, hội thảo trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ và phương pháp giảng dạy cho GV cũng được khuyến khích [[H4.04.02.02](#)].

Liên quan hoạt động lấy ý kiến phản hồi của SV, TTQLCL thường xuyên tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của SV về chất lượng giảng dạy của giáo viên ở mỗi học phần [[H1.01.03.03](#)]. Sau đó, TTQLCL sẽ thu thập thông tin, phân tích và thông báo kết quả khảo sát cho từng GV qua email [[H3.03.01.02](#)]. GV có thể vào đường link của TTQLCL để xem những ý kiến đóng góp, từ đó làm tham chiếu để GV tự đánh giá, điều chỉnh và cải tiến phương pháp dạy học của mình. Ngoài ra, Bộ môn kết hợp với việc lấy ý kiến của đội ngũ GV thông qua các buổi họp nội bộ [[H1.01.03.02](#)], khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng CTĐT ngành SPTA, trong đó có nội dung về phương pháp giảng dạy của GV. Theo kết quả phản hồi, đa phần SV đánh giá cao cách xây dựng hoạt động dạy học cũng như việc đa dạng các phương pháp giảng dạy của GV, hỗ trợ tích cực cho SV đạt được mục tiêu CDR trong CTĐT [[H3.03.01.02](#)].

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học đa dạng và cập nhật giúp GV và SV trở nên năng động hơn trong việc thích ứng với các hình thức học tập khác nhau, đạt được mục tiêu CDR ở mức tốt nhất. CTĐT đảm bảo cung cấp đầy đủ hệ thống khối kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ tích cực cho SV. Bên cạnh đó, SV được hướng dẫn các phương thức học phù hợp giúp chủ động trong việc nâng cao kết quả học tập. Nhìn chung đội ngũ GV và SV rất hài lòng về các hoạt động dạy và học trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Chưa có sự liên kết cao với các nhà tuyển dụng nhằm tạo cơ hội tìm hiểu thêm những yêu cầu công việc mà SV sau khi tốt nghiệp phải đảm trách. Vì thế ảnh hưởng phần nào đến công tác bổ sung, điều chỉnh lại các hoạt động dạy và học sao cho đạt hiệu quả cao trong nhiệm vụ thực hiện mục tiêu CDR.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, KNN sẽ tổ chức nhiều hơn, chuyên nghiệp hơn các buổi seminar, tọa đàm, tiếp xúc với các BLQ, đặc biệt là các nhà tuyển dụng thảo luận về nội dung mục tiêu CDR trong CTĐT và từ đó xin ý kiến đóng góp nhằm thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung mục tiêu CDR, CTDH và các yếu tố liên quan khác cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức: 5/7

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả

100% đề cương các học phần trong CTĐT ngành SPTA thể hiện tính hiệu quả trong việc sử dụng các tổ hợp phương pháp giảng dạy, học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [[H1.01.02.02](#)]. Đặc biệt, đối với khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành, hoạt động dạy và học được thiết kế với mục tiêu hướng đến việc hình thành và phát triển các kỹ năng nhận biết, phân tích, tổng hợp, đánh giá và ứng dụng (theo thang đo Bloom), tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV. Bản mô tả học phần xác định rõ nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR của CTĐT.

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành SPTA đều có phần mô tả, hướng dẫn thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu, góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H1.01.02.02]. Một trong những học phần đáng kể đến là học phần Viết báo cáo khoa học (SG277) [H4.04.03.01]. Thông qua học phần này, người học có thêm cơ hội tiếp cận cơ sở lý thuyết cũng như thực hành việc thực hiện một đề tài NCKH là như thế nào.

Để đáp ứng khả năng và nguyện vọng nghiên cứu của người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, giúp người học tiếp cận và vận dụng các phương pháp NCKH đồng thời rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời, Trường cũng có ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể [H4.04.03.02]. Ngoài ra, SV thường xuyên được tham dự các báo cáo khoa học thường niên, tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy ở cấp Khoa do các chuyên gia giáo dục từ Anh, Úc, Mỹ, Hà Lan, và Thái Lan, GV của Khoa, giáo viên được mời từ các trường phổ thông, và bản thân các SV của Khoa thực hiện [H4.04.02.02]. Đồng thời, SV ngành SPTA cũng có cơ hội giao lưu, tìm hiểu và học tập trong các chương trình trao đổi SV quốc tế với một số trường đại học ở các nước khác như Thái Lan, Hàn Quốc, Singapore, và Hà Lan [H4.04.03.03]. Thông qua các CTĐT, dự án nghiên cứu và cả những buổi gặp gỡ giao lưu với SV các trường bạn, SV ngành SPTA được tiếp cận những xu hướng giáo dục của thế giới [H4.04.03.04]. Điều này giúp SV nhận thức tốt hơn về định hướng nghề nghiệp của mình để từ đó không ngừng nỗ lực học tập nhằm từng bước hoàn thiện khả năng nghề nghiệp của bản thân.

Nhằm hiệu quả hóa hoạt động giảng dạy hỗ trợ tích cực người học trong việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời, Nhà trường, KNN thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng đối với dịch vụ giáo dục công của GV thông qua các cuộc họp bộ môn [H1.01.03.02], hội nghị Viên chức người lao động hằng năm [H4.04.01.02], SV năm cuối, cựu SV [H1.01.03.03], [H4.04.02.01] và gần đây nhất (2020) là bổ sung thêm ý kiến của các nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát giúp Nhà trường, và Khoa có thêm tham chiếu cho hoạt động điều chỉnh, bổ sung, cải tiến các hoạt

động dạy và học để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực học tập suốt đời của người học [H3.03.01.02].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT được thiết kế bài bản giúp nâng cao khả năng học tập, học tập suốt đời của SV, đạt hiệu quả cao trong việc đạt được yêu cầu các mục tiêu CDR. Các hoạt động dạy và học được điều chỉnh, cập nhật thường xuyên phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập khu vực và thế giới. Ngoài ra, GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

3. Điểm tồn tại

Bộ môn PPDHTA vẫn chưa tìm ra phương thức hiệu quả nhất trong việc thiết kế các tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, Bộ môn PPDHTA tiếp tục tiến hành việc khảo sát, bổ sung, điều chỉnh lại tất cả các hoạt động dạy và học đối với tất cả các học phần, trong đó chú trọng việc xây dựng thêm các tiêu chí đánh giá hoạt động tự học.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành SPTA được công bố công khai, rộng rãi và phù hợp với các tiêu chí đề ra. Hệ thống bài giảng đa dạng, GV linh hoạt trong việc sử dụng các phương pháp dạy và học giúp SV dễ dàng trong việc tiếp cận vấn đề (lý thuyết và thực hành), tăng khả năng tự học, tự nghiên cứu, phát triển khả năng học suốt đời. Ngoài ra chương trình còn thể hiện rõ tính tương tác, hỗ trợ giữa

người dạy và người học tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình dạy và học diễn ra tự nhiên, hiệu quả.

Mục tiêu và các phương pháp dạy và học của CTĐT ngành SPTA được mô tả rõ ràng trong đề cương chi tiết của từng học phần và được công bố công khai rộng rãi trên nhiều kênh thông tin. Việc đảm bảo chất lượng cho các hoạt động dạy và học, NCKH cũng được triển khai thực hiện và đạt được những kết quả rất tích cực.

Tuy nhiên việc chậm trễ trong kế hoạch tự rà soát, đánh giá, bổ sung và điều chỉnh CTĐT ảnh hưởng phần nào đến việc thực hiện mục tiêu CDR của CTĐT cũng như đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội. Ngoài ra việc mở rộng liên kết với các nhà tuyển dụng nhằm có thêm tham chiếu trong việc điều chỉnh nội dung đào tạo, đáp ứng thị trường lao động chưa thu được nhiều kết quả.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn là: 5/7

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá KQHT là một trong những hoạt động rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp lên việc lập kế hoạch, chuẩn bị nội dung cũng như công tác dạy và học. Công tác đánh giá KQHT tại Bộ môn PPDHTA - KNN được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình học, bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ với các tiêu chí đánh giá được xác định dựa trên các mục tiêu CDR của từng học phần. Trên cơ sở đó, mức độ hoàn thành nội dung môn học của SV được đo lường một cách chính xác. Ngoài ra, Bộ môn PPDHTA cũng áp dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Hoạt động đánh giá KQHT của người học có ảnh hưởng sâu sắc đến việc học và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp tương lai của người học. Cũng chính vì lý do đó, mọi hoạt động liên quan việc đánh giá đều được thông tin rất cụ thể, minh bạch và kịp thời. Do đó, người học có thể tiếp cận thông tin về quy định, quy trình đánh giá một cách nhanh nhất, phản hồi kịp thời kết quả học tập đến GV, dễ dàng trong các quy trình khiếu nại và chủ động việc lên kế hoạch điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Hoạt động đánh giá KQHT của người học ngành SPTA được thực hiện theo đúng kế hoạch và quy trình rõ ràng, minh bạch xuyên suốt khóa học. Hằng năm, KNN đều dựa vào khung kế hoạch công tác năm học của Trường để lên kế hoạch cho việc đăng ký

giảng dạy của GV, đăng ký học phần của SV và hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT của người học theo từng học phần trong CTĐT [[H5.05.01.01](#)].

Nhằm đảm bảo tính khoa học, chính xác và độ tin cậy cao trong hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT của người học, Bộ môn PPDHTA luôn bám sát quy định ban hành trong Quy chế học vụ của Trường ĐHCT bao gồm hướng dẫn quy trình tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá, thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá sao cho phù hợp với mục tiêu cần phải được đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR [[H4.04.01.01](#)].

Các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của SV ngành SPTA được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR [[H1.01.02.02](#)]. Cụ thể, các nội dung như xác định mức độ hoàn thành về khối kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt được theo từng mục tiêu CDR, xác định phương thức đánh giá theo tiến độ và đánh giá cuối khóa (trắc nghiệm, tự luận...), xác định thời điểm cụ thể thực hiện việc đánh giá (đầu, giữa, cuối giờ hay sau bao nhiêu tuần...), thiết kế mẫu đề thi (số phần, tỷ trọng điểm các phần, số lượng câu hỏi...), đều được thực hiện theo đúng quy định và được thống nhất bởi các thành viên chuyên trách và sau cùng được phê duyệt bởi BCN Bộ môn, Hội đồng Khoa [[H5.05.01.02](#)]. Ngoài ra, người học còn được đánh giá điểm rèn luyện theo từng học kỳ trong suốt thời gian học tập tại Trường [[H5.05.01.03](#)]. Vì thế có thể khẳng định nội dung, phương thức kiểm tra đánh giá được thể hiện rất rõ và bám sát mục tiêu CDR của CTĐT.

Ngoài ra đội ngũ GV thường xuyên tham gia các khóa học, tập huấn liên quan đến hoạt động kiểm tra đánh giá [[H5.05.01.04](#)] góp phần nâng cao năng lực chuyên môn cũng như đảm bảo độ tin cậy cho hoạt động kiểm tra đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu CDR của người học.

Để đảm bảo công tác kiểm tra thi cử được thực hiện đúng kế hoạch, minh bạch và hiệu quả, KNN đã thành lập các tổ giám sát thi kết thúc học phần vào cuối mỗi học kỳ [H3.03.02.02].

2. Điểm mạnh

Hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT của người học được thiết kế dựa trên quy định rõ ràng, bám sát các yêu cầu của mục tiêu CĐR tập trung ba nội dung quan trọng đó là hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ. Quy trình kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc, khách quan, đo lường chính xác mức độ đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi cho từng đơn vị học phần chưa được thực hiện. Ngoài ra, Bộ môn chưa tiến hành hoạt động phân tích kết quả thi, vì vậy chưa đánh giá chính xác mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Bộ môn PPDHTA sẽ lên kế hoạch xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi cho từng học phần và có phương án cập nhật bổ sung theo thời gian. Việc đánh giá mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR sẽ được thực hiện.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả

Các quy định về hoạt động đánh giá KQHT của người học được xác định rõ ràng bám sát theo Quy chế 43 về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín

chỉ, TT 57/2012/TT-BGDĐT, và QĐ 17/2014/VBHN-BDGDĐT sửa đổi bổ sung Quy chế 43 [H1.01.02.01], và được Trường cụ thể hóa thành Quy chế học vụ áp dụng rộng rãi trong phạm vi toàn Trường [H4.04.01.01].

Các quy định chung về thời gian, hình thức, tỷ lệ và phương pháp đánh giá học phần và KQHT của người học, cơ chế phản hồi được mô tả chi tiết và đầy đủ trong đề cương chi tiết học phần [H1.01.02.02] và công bố công khai rộng rãi đến người học thông qua nhiều kênh như website đào tạo của Trường (<https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html>), KNN (<https://sfl.ctu.edu.vn/>), sinh hoạt đầu khóa [H2.02.03.01], họp CVHT [H2.02.03.02], cụ thể:

- Về thời gian tổ chức thi kết thúc học phần, Nhà trường ban hành quy định rõ tuần tổ chức thi những học phần thi riêng lẻ là tuần thứ 16 của học kỳ chính; các học phần chung được tổ chức thi vào tuần thứ 17 hoặc tuần 18; tuần thứ 19 nhà trường xử lý kết quả các học phần và công bố kết quả cho người học trên tài khoản cá nhân của người học do Nhà trường cung cấp. Đối với từng học phần cụ thể, các hình thức kiểm tra đánh giá được thực hiện thường xuyên, suốt thời gian môn học (đánh giá tiến độ) cũng như hình thức thi kết thúc học phần diễn ra vào cuối khóa (đánh giá cuối khóa).

- Về trọng số các học phần lý thuyết, hoặc lý thuyết kết hợp thực hành thì điểm thành phần được tính từ các điểm thành phần bao gồm điểm bài tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành, điểm tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm đồ án, điểm thi kết thúc học phần. Thi kết thúc học phần là bắt buộc và điểm phải có trọng số không dưới 50%. Đối với học phần thực hành thì điểm học phần được tính bằng điểm trung bình của các bài thực hành. Nhìn chung, hình thức đánh giá học phần, trọng số các điểm thành phần do các GV cùng thuộc một tổ chuyên môn đề xuất, sau đó Trưởng Bộ môn, Trưởng Khoa quản lý học phần duyệt và công bố trong đề cương chi tiết học phần và thông báo rộng rãi trên website của Trường cũng như đến từng người học trong học kỳ.

- Về nội dung, hình thức đánh giá cũng được thể hiện rõ ràng, bám sát mục tiêu nội dung đã được công bố trong mục tiêu CDR các đề cương chi tiết học phần trong CTĐT. Thông tin về hình thức, yêu cầu bài thi cũng được công bố rộng rãi trước khi thực hiện việc đánh giá.

Do đặc thù là ngành đào tạo sư phạm nên trong CTĐT ngành SPTA có hai học phần Kiến tập sư phạm và Thực tập sư phạm [H1.01.02.02]. Đối với hai học phần này, người học được đánh giá trực tiếp bởi cơ sở giáo dục bên ngoài, sau đó gửi kết quả đánh giá về giáo viên hướng dẫn và SV để nắm thông tin. Vì thế để đảm bảo đúng quy định, tất cả hoạt động đánh giá liên quan công tác thực tập, kiến tập đều được thực hiện theo kế hoạch Trường phê duyệt [H3.03.02.04].

Để đảm bảo tính công khai, tất cả các hoạt động liên quan kiểm tra, đánh giá học phần đều được công bố công khai trong đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT [H1.01.02.02]. Ngoài ra, các điểm thành phần của cá nhân cho mỗi học phần cũng được công bố và thảo luận trực tiếp với GV trước khi điểm chính thức được công bố chính thức lên hệ thống.

Hằng năm Trường ĐHCT tiến hành lấy ý kiến khảo sát các BLQ như SV, cựu SV, nhà tuyển dụng về CTĐT, trong đó có nội dung quy định về đánh giá KQHT của người học làm cơ sở cho mọi hoạt động điều chỉnh nhằm mang lại hiệu quả tích cực [H1.01.03.03].

2. Điểm mạnh

Các quy định về hoạt động đánh giá KQHT của người học được quy định rõ ràng và được thông báo công khai qua nhiều kênh thông tin. Ngoài ra, người học sớm được phổ biến cơ chế phản hồi KQHT và được chủ động thực hiện việc phản hồi khi cần.

3. Điểm tồn tại: không có

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, song song với việc thực hiện đúng các quy định về việc đánh giá KQHT của người học, Bộ môn tiếp tục tiến hành hoạt động phân tích ý kiến phản hồi các BLQ, chủ yếu là người học nhằm làm tham chiếu cho kế hoạch điều chỉnh hoạt động đánh giá KQHT của người học nhằm đạt hiệu quả tốt nhất.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 6/7

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả

Được xây dựng dựa trên các chuẩn mực theo đúng quy định của Trường ĐHCT, hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT của người học được Bộ môn PPDHTA - KNN thực hiện rất nghiêm túc và chặt chẽ. Các phương pháp đánh giá KQHT người học ngành SPTA được phản ánh rất rõ trong Quy chế học vụ [H4.04.01.01] cũng như đề cương chi tiết các học phần [H1.01.02.02], đảm bảo độ tin cậy và công bằng cho SV.

Hình thức đánh giá tiến trình và đánh giá cuối kỳ được áp dụng 100% đối với các môn học theo đúng quy định [H4.04.01.01]. Công tác đánh giá được GV thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm đạt mục đích đánh giá năng lực của người học một cách toàn diện và đầy đủ nhất so với mục tiêu bài dạy và mục tiêu môn học đề ra cụ thể bao gồm điểm chuyên cần, điểm thực hành, điểm bài tập, điểm đánh giá nhận thức và điểm thi giữa kỳ và cuối kỳ [H1.01.02.02].

Các hình thức kiểm tra đánh giá năng lực người học được xây dựng có độ tương thích cao với các mục tiêu CDR của từng học phần. Để đánh giá độ tin cậy của của hoạt động kiểm tra đánh giá, Bộ môn dựa vào hệ thống các quy định trong Quy chế học vụ như quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản bài thi...

[H4.04.01.01] và bản mô tả đề cương chi tiết các học phần [H1.01.02.02]. Ngoài ra hoạt động kiểm tra, giám sát kế hoạch tổ chức thi cũng được KNN thực hiện nghiêm túc [H3.03.02.02].

Bên cạnh việc cải tiến quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, KNN còn thường xuyên khuyến khích đội ngũ GV tích cực tham gia các khóa tập huấn liên quan đến hoạt động kiểm tra đánh giá như công tác chấm thi, ra đề, xác trị đề thi... nhằm góp phần nâng cao độ tin cậy, giá trị và công bằng cho hoạt động đánh giá [H5.05.01.04].

Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của người học có phân định rõ ràng mức độ đạt yêu cầu đối với mỗi hình thức đánh giá và các tiêu chí này được công bố rộng rãi công khai đến người học [H1.01.02.02]. Với định hướng đánh giá kết quả người học theo hướng năng lực, trong lần điều chỉnh CTĐT năm 2018 [H1.01.03.05], các tiêu chí đánh giá học phần hướng đến mục tiêu này đã được thiết lập. Thêm vào đó, Trường DHCT còn phát triển chương trình phần mềm chống đạo văn nhằm đảm bảo độ tin cậy đối với một số học phần đánh giá thông qua hình thức bài thi, kiểm tra dạng mở [H5.05.03.01]. Đối với hoạt động xét điểm miễn và công nhận học phần và điểm tương đương cho SV tham gia các khóa học tập ngắn hạn tại nước ngoài, Nhà trường đã ban hành quyết định thành lập Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần Trường DHCT, nhiệm kỳ 2017-2022 để thực hiện công tác này nhằm đảm bảo tính công bằng và khách quan tuyệt đối [H5.05.03.02].

Nội dung lấy ý kiến phản hồi của các BLQ như SV, cựu SV, nhà tuyển dụng đối với hoạt động kiểm tra đánh giá cũng được đơn vị thực hiện thường xuyên [H1.01.03.03]. Kết quả khảo sát giúp đơn vị có dữ liệu tham chiếu và tiến hành điều chỉnh, bổ sung sao cho đạt hiệu quả tối ưu nhất trong việc đa dạng hóa phương pháp đánh giá KQHT của người học [H3.03.01.02].

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá KQHT của người học được thực hiện theo đúng quy

trình, quy định. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CĐR của CTĐT. Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV nhằm đảm bảo phương pháp, quy trình đánh giá kết quả học tập của SV đạt độ tin cậy và công bằng cũng được thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có triển khai họp tổng kết đánh giá hoạt động kiểm tra thi cử sau mỗi học kỳ, Bộ môn chưa đưa ra quy định chính thức, cụ thể trong việc đánh giá mức độ đáp ứng của đề thi trong việc đo lường kết quả CĐR ở từng cấp độ của từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Bộ môn sẽ tiếp tục nghiên cứu đổi mới, đa dạng phương pháp kiểm tra đánh giá cũng như xây dựng quy trình đánh giá chặt chẽ và hiệu quả hơn. Song song đó, Bộ môn sẽ chính thức lên kế hoạch xây dựng quy trình cho hoạt động đánh giá mức độ phù hợp của đề thi định lượng theo từng cấp độ.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả

Hàng năm, trong báo cáo tổng kết hoạt động đào tạo của Khoa cũng như đề ra phương hướng hoạt động cho năm học tiếp theo, nội dung KQHT của người học luôn được tổng hợp và thảo luận [[H4.04.01.02](#)], trong đó công tác kiểm tra đánh giá và việc phản hồi kết quả hoạt động kiểm tra đánh giá học phần được KNN chú trọng và yêu cầu các BLQ thực hiện nghiêm túc, minh bạch theo đúng quy định trong Quy chế học vụ [[H4.04.01.01](#)].

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và SV. Ngoài những thông tin được công bố trong bản mô tả đề cương chi tiết học phần [H1.01.02.02], sổ tay cẩm nang SV [H1.01.03.07], GV phụ trách học phần bắt buộc phải phổ biến lại trong buổi học đầu tiên các nội dung liên quan đến việc phản hồi KQHT. Trước khi kết thúc môn học (tuần 14 của học kỳ), GV có nhiệm vụ thông báo chi tiết điểm tiến trình nhằm giúp SV một mặt xác định lại năng lực của bản thân để có bước điều chỉnh việc học phù hợp, mặt khác giúp SV kịp thời phản hồi những thắc mắc về kết quả học tập nếu có. Sau khi kết thúc tất cả các bài thi, GV tổ chức buổi gặp mặt SV, phản hồi, đánh giá, nhận xét góp ý và giải đáp mọi thắc mắc của SV về bài thi, điểm học phần. Cuối cùng, GV tiến hành nhập điểm học phần lên “Hệ thống Quản lý” tại <https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php> trước tuần 19 và SV có thể sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập, xem điểm và phản hồi với GV nếu có sai sót hoặc thắc mắc cần điều chỉnh. SV cũng có thể đề nghị phúc khảo kết quả bài thi nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài làm của mình [H4.04.01.01]. Trợ lý giáo vụ báo lại BCN Bộ môn các trường hợp phúc khảo và BCN Bộ môn tiến hành giải quyết, phản hồi lại cho SV theo đúng thời hạn quy định.

Riêng đối với học phần Kiến tập và Thực tập sư phạm, người học được đánh giá trực tiếp bởi cơ sở giáo dục bên ngoài, sau đó kết quả đánh giá được gửi trực tiếp về giáo viên hướng dẫn và SV để nắm thông tin. Tất cả hoạt động đánh giá liên quan công tác thực tập, kiến tập đều được thực hiện theo kế hoạch nhà Trường phê duyệt [H3.03.02.04].

Công tác lưu trữ bài thi, kết quả thi cũng được KNN thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định [H5.05.03.03]. Điều này giúp hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi.

Theo quy định Trường ĐHTC, việc lấy ý kiến phản hồi của người học đối với cách thức, thời gian phản hồi KQHT cũng như những nội dung đào tạo khác cũng được

thực hiện định kỳ. Vào cuối mỗi học kỳ của năm học, TTQLCL tiến hành một khảo sát trực tuyến đến các BLQ [H1.01.03.03]. Kết quả khảo sát được TTQLCL phân tích và báo lại cho Khoa [H3.03.01.02]. Ý kiến thông tin phản hồi từ các BLQ sẽ được xem xét và sử dụng cho kế hoạch bổ sung, điều chỉnh.

2. Điểm mạnh

Kết quả hoạt động kiểm tra đánh giá cũng như phản hồi KQHT của người học được công bố công khai, đúng quy định, quy trình. Tất cả nội dung và điểm số đánh giá (tiến trình và cuối kỳ) đều được thể hiện rõ ràng, minh bạch, có cơ chế phản hồi giúp SV kịp thời xác định được KQHT và chủ động việc lên kế hoạch cải thiện KQHT.

Trong quá trình học tập và ngay sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá, SV được chủ động trao đổi với GV trực tiếp giảng dạy, và có thể được tư vấn thêm từ CVHT, từ BCN Bộ môn.

Công tác quản lý, lưu trữ kết quả học tập của SV được KNN thực hiện đúng quy định, khoa học.

3. Điểm tồn tại

Một số GV chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ, còn chậm trễ trong việc phản hồi KQHT cho SV, ảnh hưởng đến việc tự đánh giá, phản hồi và kế hoạch cải thiện kết quả học của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, BCN Bộ môn sẽ chủ động hơn nữa trong việc nhắc nhở GV thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm tra, đánh giá, phản hồi kết quả học phần.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả

Quy trình giải quyết khiếu nại về kết quả học tập của SV được Trường ĐHCT hướng dẫn rất rõ ràng trong Quy chế học vụ [H4.04.01.01] và được phát cho mỗi SV trong buổi sinh hoạt đầu khóa. Ngoài ra, quy trình khiếu nại KQHT được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều kênh thông tin như trang thông tin điện tử của Trường tại <https://www.ctu.edu.vn/>, của KNN tại <https://sfl.ctu.edu.vn/>, hộp CVHT [H2.02.03.02], thông qua GV trong buổi học đầu tiên của học phần. Theo đó SV có thể cập nhật đầy đủ các nội dung, thủ tục cần thiết liên quan các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT.

SV có quyền khiếu nại, đề nghị phúc tra kết quả thi theo đúng quy định được nêu trong mục quy định về thủ tục khiếu nại KQHT trong Quy chế học vụ [H4.04.01.01]. Đối với điểm quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần ngay sau khi được công bố điểm trên lớp. Đối với điểm thi cuối cùng, SV có thể đề nghị GV phụ trách học phần xem xét hoặc làm đơn đề nghị phúc tra theo đúng quy định.

2. Điểm mạnh

Có hệ thống văn bản, quy định rõ ràng về hoạt động khiếu nại về KQHT và được công khai rộng rãi đến SV.

3. Điểm tồn tại: không có

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Bộ môn PPDHTA tiếp tục thực hiện đúng quy định, quy trình hoạt động khiếu nại về kết quả học tập cũng như tích cực phổ biến rộng rãi các quy định tới toàn thể SV.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 6/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá KQHT của SV ngành SPTA được Bộ môn PPDHTA - KNN thực hiện một cách bài bản, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHCT để đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá KQHT của SV. Công tác đánh giá KQHT tập trung chính vào việc đánh giá, kiểm tra hệ thống kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ được nêu ở mục tiêu CDR trong CTĐT dưới dạng thức các kỳ thi cử, kiểm tra tiến trình cũng như cuối kỳ. Đặc biệt kết quả thu được không chỉ đánh giá mức độ hoàn thành của SV mà còn là tham chiếu cho sự điều chỉnh, thay đổi trong kế hoạch giảng dạy của GV và kế hoạch học tập của SV.

Tuy nhiên, công tác xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi cũng như công cụ đánh giá các học phần nhằm đảm bảo tính đồng nhất, hệ thống trong việc đo lường kết quả học tập của người học vẫn chưa thực hiện được. Ngoài ra, một bộ phận GV vẫn còn chậm trễ trong công tác đánh giá, công bố kết quả cho người học làm ảnh hưởng đến kế hoạch cải thiện KQHT của người học.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn là: 5.4/7

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ GV (cũng là nghiên cứu viên) của Bộ môn PPDHTA, KNN được tuyển dụng công khai, đúng quy trình và đáp ứng đầy đủ các điều kiện tuyển dụng. Vì thế có thể khẳng định đội ngũ GV có đầy đủ năng lực, phẩm chất và các yếu tố cần thiết phục vụ hiệu quả công tác đào tạo. Về năng lực chuyên môn, đội ngũ GV có trình độ chuyên môn tốt và luôn tích cực phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng giảng dạy thông qua việc tham gia các lớp học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ, đặc biệt là tham gia hoạt động NCKH, ứng dụng kết quả NCKH vào thực tiễn. Việc phân công giảng dạy cũng như các hoạt động liên quan cũng được Bộ môn PPDHTA thực hiện hết sức rõ ràng, hợp lý, lựa chọn nhân sự phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của từng GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích đóng góp của GV được thực hiện công khai, triệt để tạo động lực cho GV hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Công tác tuyển dụng đội ngũ GV, nghiên cứu viên luôn được Trường ĐHCT, KNN quan tâm và thực hiện tốt dựa trên các chuẩn quy định chung về tuyển dụng phù hợp với Điều lệ Trường Đại học, Quy chế tổ chức hoạt động và Quy định tiêu chuẩn tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức của Trường ĐHCT [H6.06.01.01]. Quy trình

tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, minh bạch tuân theo quy trình chung do Phòng Tổ chức cán bộ (PTCCB) Trường ĐHCT thực hiện. Kế hoạch và nhu cầu tuyển dụng được thực hiện dựa trên cơ sở phân tích nhu cầu về việc làm từ các đơn vị, sau đó Trường tổng hợp và ra thông báo tuyển dụng theo định kỳ 2 lần/năm [H6.06.01.02]. Vì vậy có thể khẳng định công tác tuyển dụng nhân sự phục vụ hiệu quả nhu cầu về đào tạo.

Hàng năm, dưới sự chỉ đạo trực tiếp từ Khoa, Bộ môn PPDHTA tiến hành rà soát nguồn nhân lực hiện có, lên kế hoạch chiến lược cho việc phát triển đội ngũ GV bao gồm cả chỉ tiêu tuyển dụng mới cũng như lên kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV hiện tại nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm [H6.06.01.03] nhằm đảm bảo đáp ứng hiệu quả nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Ngoài ra, Bộ môn cũng tranh thủ sự hợp tác hỗ trợ từ các học giả, GV đến từ Đại học KU Leuven - Bỉ, Wollongong – Úc thông qua các hoạt động như tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, xây dựng CTĐT, CTDH cũng như hoạt động NCKH [H4.04.02.02]. Bên cạnh đó, đội ngũ tình nguyện viên quốc tế đến từ các tổ chức như Fulbright, Princeton in Asia trực tiếp hỗ trợ Khoa trong công tác đào tạo, NCKH cũng như tham gia các hoạt động cộng đồng khác [H6.06.01.04].

Nhằm động viên đội ngũ GV tích cực tham gia hoạt động NCKH, Nhà trường cũng ban hành chính sách hỗ trợ dưới hình thức khen thưởng, hỗ trợ kinh phí tham gia báo cáo hội thảo, viết báo... [H6.06.01.05].

Cùng với định hướng và kế hoạch ngắn, trung, dài hạn của Bộ môn, kết quả phát triển đội ngũ GV đã được thực hiện hiệu quả tính đến tháng 04/2020 cả về đa dạng độ tuổi lẫn số lượng GV hiện có đủ để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng do Khoa, Trường phân công (Bảng 6.1).

Bảng 6.1: Thống kê đội ngũ GV Bộ môn PPDHTA, KNN (2015- 2020)

Năm học	Tổng số GV	Độ tuổi trung bình	Giới tính		Bảng cấp			
			Nam	Nữ	PGS	TS	ThS	Cử nhân
2015-2016	26	41	10	16	0	3	23	0
2016-2017	24	42	10	14	0	3	21	0
2017-2018	23	42	10	13	0	4	19	0
2018-2019	22	43	10	12	1	4	17	0
2019-2020	19	45	10	9	1	4	14	0

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV được thực hiện nghiêm túc đúng quy định. Hằng năm, KNN tiến hành rà soát lại kế hoạch về việc gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng với GV sắp nghỉ hưu. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ hưu sẽ được Bộ phận chuyên trách Khoa chủ động thông báo trước cho đương sự nhằm có kế hoạch chủ động cho các công tác liên quan như bàn giao công việc hoặc bố trí nhân sự bổ sung. Các chế độ và phúc lợi xã hội có liên quan cũng được thực hiện theo đúng các chính sách, quy định hiện hành [H6.06.01.05]. Cụ thể trong năm 2019, có 02 cán bộ chấm dứt hợp đồng làm việc, 01 cán bộ xin nghỉ việc không hưởng lương 01 năm, 01 cán bộ nghỉ theo chế độ thai sản và trong năm 2020 có 01 cán bộ chấm dứt hợp đồng làm việc [H6.06.01.06].

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên ngắn hạn, trung hạn và dài hạn được thực hiện theo đúng kế hoạch và chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Khoa,

Trường. Ngoài ra, KNN còn tranh thủ có được sự hỗ trợ từ nguồn tình nguyện viên quốc tế phục vụ trong công tác giảng dạy đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho GV có trình độ TS đang gặp khó khăn do độ tuổi trung bình của đội ngũ GV là khá cao (Xem bảng 6.1).

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Bộ môn PPDHTA lên kế hoạch hỗ trợ, tư vấn GV tham gia đăng ký CTĐT TS thông qua việc lập kế hoạch chi tiết cho từng GV trong việc tham gia các khóa tập huấn chuyên môn và các hoạt động NCKH. Đặc biệt là bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích GV đi học TS.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Năm học 2019-2020, Bộ môn PPDHTA có tổng số 19 cán bộ GV (xem bảng 6.1), trong đó 100% đạt trình độ ThS trở lên. Hồ sơ năng lực của từng cán bộ được cập nhật hằng năm và công khai chi tiết trong sơ yếu lý lịch GV [H6.06.02.01]. Tỷ lệ SV/GV của CTĐT ngành SPTA luôn đảm bảo đáp ứng yêu cầu được nêu trong TT 06/2018/TT-BGD&ĐT (không quá 20 SV/GV) [H6.06.02.02], cụ thể, tỷ lệ này sau khi quy đổi là 170/29 (5,86%) cho năm học 2019-2020.

Theo QĐ số 4412/2015/QĐ-ĐHCT về chế độ làm việc của GV của Trường ĐHCT, mỗi GV có định mức giờ chuẩn khác nhau tùy vào chức danh, trình độ và hệ số lương [H6.06.02.03]. Định mức giờ chuẩn (G) bao gồm tổng của định mức giờ chuẩn

công tác giảng dạy, NCKH và số giờ thực hiện các nhiệm vụ khác. Thời gian làm việc thực hiện theo chế độ 40 giờ mỗi tuần. Theo quy định, GV phải hoàn thành tối thiểu 50% giờ chuẩn liên quan đến hoạt động giảng dạy trên lớp và GV phải thực hiện ít nhất một trong số các công việc liên quan đến hoạt động NCKH. Đối với GV giữ chức vụ lãnh đạo sẽ được miễn giảm một số giờ chuẩn theo quy định. Hằng năm cán bộ GV lên kế hoạch đăng ký tổng số giờ giảng dạy và NCKH [H6.06.02.04] sao cho đạt số lượng giờ G tối thiểu theo quy định (xem bảng 6.2 bên dưới).

Bảng 6.2: Bảng mô tả định mức giờ G theo chức danh, trình độ và hệ số lương
(Theo QĐ 4412/2015/QĐ-ĐHCT)

TT	Chức danh, trình độ, hệ số lương	Định mức giờ chuẩn giảng dạy	Định mức giờ chuẩn NCKH và thực hiện nhiệm vụ khác	Tổng định mức giờ chuẩn
1	GS, GVCC	270	240	510
2	PGS	270	190	460
3	GVC có HSL lớn hơn hoặc bằng 5,76	270	170	440
4	GVC có HSL từ 4,40 đến 5,42	270	150	420
5	GV có HSL lớn hơn hoặc bằng 4,32 và GV có bằng TS	270	110	380
6	GV có HSL từ 3,33 đến 3,99	270	60	330
7	GV có HSL từ 2,34 đến 3,00	270	10	280
8	GV tập sự, thử việc (hưởng 85% lương khởi điểm)	50	10	60

Vào thời điểm kết thúc năm quyết toán khối lượng công tác, GV sẽ tiến hành kiểm tra kê khai khối lượng giờ chuẩn đã thực hiện thông qua phần mềm hệ thống kê khai của Trường tại <https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php>. Về khối lượng công tác giảng

dạy hệ đại học, bao gồm hướng dẫn tiểu luận, luận văn tốt nghiệp; giảng dạy sau đại học, bao gồm giảng dạy và hướng dẫn luận văn, luận án ThS, TS. Về hoạt động liên quan NCKH, bao gồm: chủ trì và tham gia đề tài NCKH các cấp; công bố bài báo quốc tế và trong nước; seminar khoa học. Tất cả các loại hình nêu trên đều có công thức quy đổi ra giờ chuẩn theo đúng quy định [H6.06.02.03]. Bảng 6.3 mô tả kết quả quy đổi giờ G của Bộ môn PPDHTA qua các năm.

Bảng 6.3: Kết quả quy đổi giờ G Bộ môn PPDHTA (2015-2019)

Năm học	Giảng dạy ĐH (chính quy & không chính quy)	Giảng dạy sau ĐH	Công tác NCKH	Viết sách, giáo trình	Báo cáo khoa học	Cán bộ Nữ NCKH	Tổng số giờ chuẩn đã thực hiện	Số lượng GV	Số giờ chuẩn trung bình/ GV	Số GV đạt mức giờ chuẩn
2014-2015	15,027	1,593	295	0	210	7	17,132	26	658,9	24/26
2015-2016	15,113	1,453	310	204	706,3	22,9	17,811	26	685,0	26/26
2016-2017	16,346	1,792	340	256	583,3	20,9	19,339	24	805,79	22/24
2017-2018	14,260	1,988	265	0	228	12,3	16,754	23	728,43	19/23
2018-2019	17,391	1,930	310	0	315	36,5	19,983	22	908,31	18/22

Ngoài việc giám sát và quản lý về khối lượng thực hiện công việc của từng GV [H3.03.02.02], Bộ môn PPDHTA cũng đưa ra nhiều hoạt động nhằm đánh giá chất lượng thực hiện công việc như tổ chức các buổi họp rút kinh nghiệm [H1.01.03.02], dự giờ chuyên môn [H6.06.02.05] và đánh giá cuối năm [H6.06.02.06].

2. Điểm mạnh

Bộ môn PPDHTA, KNN có lực lượng cán bộ giảng dạy đủ về số lượng và chất lượng với tỷ lệ GV/SV đạt so với quy định.

Có văn bản quy định cụ thể trong việc quy đổi cũng như yêu cầu tối thiểu khối lượng công việc của đội ngũ GV. Ngoài ra, khối lượng thực hiện công việc của từng GV được giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống quản lý, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động khác.

3. Điểm tồn tại

Khối lượng hoạt động phục vụ cộng đồng vẫn còn mơ hồ, chưa có cơ chế định lượng cụ thể để đánh giá kết quả và quy đổi. Ngoài ra, vẫn còn trường hợp GV không đạt khối lượng công việc tối thiểu (Xem bảng 6.3) trong từng năm qua.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Bộ môn lên kế hoạch đóng góp ý kiến cho Khoa, Trường trong việc cụ thể hóa loại hình hoạt động phục vụ cộng đồng đặc thù cho KNN, cụ thể là ngành SPTA, trong đó cần cụ thể và định lượng hóa việc quy đổi khối lượng công việc cho GV. Ngoài ra Bộ môn sẽ nghiêm túc rà soát kế hoạch đăng ký giảng dạy không để trường hợp GV thiếu giờ chuẩn quy định.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Công tác tuyển dụng nhân sự tại KNN đều được thực hiện dựa trên nhu cầu công việc cụ thể và được thực hiện theo đúng quy định, quy trình hướng dẫn của Nhà nước và Trường ĐHCT [H6.06.03.01], [H6.06.03.02], [H6.06.03.03]. Các tiêu chí tuyển dụng cơ bản bao gồm: Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; Có bằng ThS trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng TS đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT ThS, TS; Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; Lý lịch bản thân rõ ràng [H6.06.03.04].

Kế hoạch tuyển dụng được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Trường mà đơn vị trực tiếp xử lý đó là PTCCB. PTCCB có nhiệm vụ xúc tiến các thủ tục cần thiết có liên quan sau đó thông tin về Khoa. Khoa có nhiệm vụ rà soát, tổ chức họp lấy ý kiến dưới sự giám sát và chỉ đạo của Chi bộ, Đảng bộ bộ phận. Tất cả thông tin cần thiết về tuyển dụng đều được công bố công khai trên trang web trường tại <https://www.ctu.edu.vn/thong-bao.html>. Các ứng viên có quan tâm có thể thường xuyên truy cập để đăng ký dự tuyển. Ở cấp độ Khoa và Bộ môn, thông tin tuyển dụng cũng được đăng tải trên trang web của Đoàn Khoa Ngoại ngữ tại <https://sfl.ctu.edu.vn/20-dang-doan-the/14-doan-thanh-nien.html>, sẵn sàng hỗ trợ thông tin cần thiết đến ứng viên.

Nhìn chung quy trình tuyển dụng GV được tổ chức chặt chẽ, khoa học, gồm các bước: Thành lập Hội đồng tuyển dụng, tổ chức thi giảng, phỏng vấn. Sau khi có quyết định tuyển dụng, các GV mới đều phải trải qua một năm tập sự, tiến hành thực hiện những nhiệm vụ của GV tập sự như tham gia dự giờ chuyên môn, biên soạn và trình bày

đề cương bài giảng để Bộ môn phê duyệt; lên lớp tập giảng để được góp ý, điều chỉnh trước khi được lên lớp chính thức. Trong 01 năm thử việc, GV tập sự cũng được Khoa phân công một GV có kinh nghiệm theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ [H6.06.03.05].

Quy trình, tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GVC, PGS, GS) cũng như các vị trí quản lý như Trưởng/Phó Bộ môn cũng được KNN, Bộ môn PPDHTA thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường, trong đó, nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về năng lực chuyên môn, quá trình công tác, năng lực NCKH. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm viên chức quản lý trong đơn vị cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, quy định [H6.06.03.06]. Danh sách cán bộ được bổ nhiệm, điều chuyển tại Bộ môn PPDHTA qua các năm được thể hiện ở bảng 6.4.

Bảng 6.4: Danh sách cán bộ được bổ nhiệm, điều chuyển (2015-2020)

Năm	Chức vụ	Bổ nhiệm	Điều chuyển/Miễn nhiệm
2016	Phó Bộ môn		Trần Thị Châu Pha
2018	Phó Bộ môn	Phan Việt Thắng	
2019	Thư ký Bộ môn	Lê Đỗ Thanh Hiền	Phan Việt Thắng
2019	Trưởng Bộ môn	Nguyễn Anh Thi	Nguyễn Văn Lợi

2. Điểm mạnh

Quy trình tuyển dụng tại KNN được thực hiện theo đúng quy định, quy trình và có sự tư vấn và giám sát chặt chẽ của các bên có liên quan. Các tiêu chí tuyển dụng được xây dựng phù hợp với yêu cầu ngành nghề, được phổ biến, thông tin rộng rãi công khai.

3. *Điểm tồn tại:* không có

4. *Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Bộ môn PPDHTA tiếp tục thực hiện đúng sự chỉ đạo của KNN, Trường ĐHCT phát huy công tác tuyển dụng tại đơn vị cũng như đề xuất việc rà soát, điều chuyển, bổ nhiệm cán bộ sao cho phù hợp nhất với tình hình cụ thể theo từng thời điểm.

5. *Tự đánh giá:* tiêu chí đạt yêu cầu với mức 6/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. *Mô tả*

Tổng số GV trực thuộc Bộ môn PPDHTA tính đến thời điểm hiện tại (04/2020) là 19 GV, trong đó có 01 GV có học hàm PGS, 05 GV có trình độ TS và 14 GV có trình độ ThS (xem bảng 6.1).

Hiện 100% GV đạt tiêu chuẩn về chức danh nghề nghiệp theo quy định của Nhà nước [H6.06.04.01]. GV được chia làm 3 hạng: GV hạng I (GV cao cấp), GV hạng II (GV chính) và GV hạng III (GV). Tỷ lệ GV hạng I, hạng II, và hạng III tham gia đào tạo ngành SPTA năm 2018-2019 lần lượt là 5,3%, 31,6% và 63,1%. Hiện tại các GV, đặc biệt là GV có kinh nghiệm đang hỗ trợ rất tích cực cho Bộ môn trong công tác phát triển đào tạo, tư vấn nhằm nâng cao chất lượng về năng lực cho đội ngũ giảng dạy.

Mặc dù khi được tuyển dụng làm GV tại Trường ĐHCT tất cả ứng viên đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học hàm, ngoại ngữ, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, nhưng sau khi trúng tuyển, các GV vẫn tiếp tục được Khoa và Nhà trường tạo điều kiện tham gia các khóa bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm [H4.04.02.02]. Vì thế có thể khẳng định đội ngũ GV tham gia công

tác đào tạo tại Bộ môn PPDHTA có năng lực chuyên môn tốt, có khả năng NCKH và luôn chú trọng việc cải tiến phương pháp giảng dạy cũng như xây dựng, điều chỉnh CTĐT, phương thức kiểm tra đánh giá cho phù hợp với mục tiêu CDR và tình hình thực tế [H6.06.02.01]. Vào đầu năm học, GV thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của Trường và Khoa về việc đăng ký thi đua [H6.06.04.02], đăng ký công trình NCKH, seminar [H4.04.02.02]. Kết quả của việc thực hiện những hoạt động này là cơ sở cho việc đánh giá phân loại viên chức vào cuối năm học [H6.06.02.06].

Về năng lực ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, 100% GV có khả năng sử dụng được hầu hết các phần mềm hỗ trợ dạy học phổ biến hiện nay, ứng dụng phương pháp giảng dạy trực tuyến và khai thác triệt để thế mạnh của mạng xã hội [H6.06.02.01].

Năng lực của GV được đánh giá thường xuyên qua nhiều phương thức. Mỗi GV có trách nhiệm giám sát đánh giá đồng nghiệp, đồng thời tự đánh giá mình cũng như tiếp nhận sự đánh giá phản hồi. Cụ thể, vào cuối mỗi năm học, Bộ môn PPDHTA tiến hành hoạt động đánh giá viên chức và xét thi đua khen thưởng [H6.06.02.06]. Theo quy định, mỗi GV chủ động thực hiện việc tự đánh giá mình theo mẫu phiếu của Trường. Sau đó các thành viên khác cho ý kiến đánh giá từng đồng nghiệp và BCN Bộ môn đưa ra quyết định cuối cùng dựa trên ý kiến tập thể trước khi trình lên cấp Khoa. Kết quả đánh giá hằng năm cho thấy đội ngũ cán bộ luôn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ với tỷ lệ cao [H6.06.04.03]. Ngoài ra việc giám sát, đánh giá GV còn được thực hiện thông qua các hoạt động như kiểm tra việc giảng dạy theo thời khóa biểu phân công, hoạt động tổ chức thi kết thúc học phần [H3.03.02.02], dự giờ chuyên môn [H6.06.02.05] và đánh giá bởi SV thông qua hệ thống lấy ý kiến đánh giá trực tuyến của trường tại <https://oss.ctu.edu.vn/>. Đây cũng là một kênh thông tin quan trọng nhằm giúp GV tự nhìn lại mình và cũng là cơ sở để Bộ môn, Khoa và Trường đánh giá phân loại viên chức một cách chính xác, đầy đủ, khách quan.

2. Điểm mạnh

Năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ giảng dạy tại Bộ môn PPDHTA được xác định rõ ràng và đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu công việc được giao. Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV được thực hiện theo đúng quy định, phương thức đa dạng và kết quả đánh giá hằng năm cho thấy đa phần GV hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại

Nội dung năng lực của GV được ghi nhận chung với các nội dung khác trong hồ sơ của GV chứ Bộ môn chưa có một tập hồ sơ năng lực riêng dành cho GV. Tuy nhiên việc cập nhật năng lực của GV không được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Bộ môn sẽ thực hiện việc xây dựng riêng bộ hồ sơ năng lực của từng GV và tiến hành cập nhật mỗi học kỳ của năm học.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Bộ môn PPDHTA luôn ý thức được tầm quan trọng của việc đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV vì có thể nói đây là đội ngũ có yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo. Hàng năm, dưới sự chỉ đạo của Trường, Khoa, Bộ môn PPDHTA đều tiến hành khảo sát và có kế hoạch chiến lược trong việc phát triển nguồn nhân lực. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ thông qua báo cáo đánh giá hằng năm, Bộ môn đã xây dựng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng năm học và theo giai đoạn ngắn, trung và dài hạn [[H6.06.01.01](#)]. Kế hoạch đào tạo cán bộ hằng năm đều được xây dựng và có sự phê duyệt của nhà Trường, trong đó, có

các GV được đi học TS đúng chuyên ngành [[H6.06.05.01](#)].

Trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cả vật chất và tinh thần để GV thực hiện việc học tập nâng cao trình độ. Cụ thể, GV tham gia học chương trình TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và một số chế độ hỗ trợ khác [[H6.06.05.02](#)]. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài thông qua các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV tham gia.

Nhằm cụ thể hóa hoạt động rà soát nguồn nhân lực sao cho phù hợp kế hoạch phát triển của đơn vị, hằng năm Bộ môn PPDHTA đã tiến hành xác định rõ trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo, ngạch viên chức, học hàm, học vị phù hợp với nhu cầu cho từng cán bộ. Bộ môn yêu cầu từng cá nhân GV tiến hành việc đăng ký kế hoạch phát triển chuyên môn của bản thân, trong đó ghi rõ trình độ chuyên môn cần phấn đấu, thời gian dự kiến đi học và địa điểm dự kiến đi học, sau đó Bộ môn tổng hợp gửi về Khoa trình lên Trường cho kế hoạch đào tạo [[H6.06.01.03](#)].

Thông qua các cuộc họp bộ môn, ngoài hoạt động giám sát kết quả thực hiện các hoạt động theo kế hoạch đề ra, BCN luôn chủ động đề nghị, khuyến khích đội ngũ GV tích cực tham gia các lớp nâng cao năng lực chuyên môn, phương pháp dạy học, năng lực sử dụng CNTT trong giảng dạy [[H1.01.03.02](#)]. Vì thế các khóa tập huấn về nghiệp vụ GV, về đổi mới trong GD&ĐT, đổi mới chương trình Giáo dục phổ thông đều được GV tham gia nhiệt tình, nghiêm túc [[H4.04.02.02](#)], [[H6.06.05.03](#)]. Ngoài ra các hoạt động báo cáo chuyên đề (seminar), hoạt động chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy... nhằm trao đổi cũng như phổ biến những kiến thức chuyên môn mới góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cũng được thực hiện [[H4.04.02.02](#)]. Nhà trường, KNN cũng tạo mọi điều kiện hỗ trợ GV (một phần/toàn phần kinh phí) tham gia các hoạt động NCKH, học tập ngắn hạn, báo cáo hội nghị trong và ngoài nước cũng như có chính sách khuyến khích, động viên khen thưởng cho cán bộ có công trình NCKH [[H6.06.02.03](#)].

2. Điểm mạnh

KNN xác định cụ thể nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ thông qua kế hoạch chi tiết theo từng giai đoạn nhất định.

KNN từng bước triển khai thực hiện kế hoạch theo đúng quy định, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi, chính sách khuyến khích hỗ trợ GV trong việc phát triển nâng cao năng lực.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có kế hoạch, chiến lược phát triển đội ngũ GV thông qua việc phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ, nhưng để đảm bảo kế hoạch được thực hiện hiệu quả thì Khoa chưa thể chủ động vì điều này còn lệ thuộc khá nhiều vào bản thân các GV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, KNN tiếp tục bám sát kế hoạch đã xác định và tiến hành triển khai hành động. Bên cạnh đó, KNN đẩy mạnh công tác động viên, khuyến khích đội ngũ GV trong việc nâng cao năng lực, phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Công tác quản lý, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao tại Bộ môn PPDHTA - KNN được thực hiện hàng năm thông qua việc quản lý, kiểm tra và đôn đốc

hoạt động giảng dạy của GV theo thời khóa biểu phân công; công tác kiểm tra đánh giá vào mỗi học kỳ [H3.03.02.02]; tiến độ thực hiện các đề tài, công trình NCKH cấp cơ sở đã đăng ký [H4.04.02.02], và thông qua việc đăng ký thi đua của mỗi cá nhân vào đầu năm học [H6.06.04.02]. Việc cá nhân chủ động thực hiện đăng ký thi đua đầu năm học thể hiện được tính tự chủ trong việc tự quản lý và thực hiện các công việc của GV.

Khối lượng công tác chuyên môn của GV (xem bảng 6.3) được xác định bao gồm tổng thể các hoạt động chuẩn bị bài giảng, giảng dạy, đánh giá các học phần, tham gia hoạt động NCKH, viết giáo trình, viết sách, tham gia báo cáo hội nghị, hội thảo, học tập nâng cao trình độ và thực hiện các hoạt động khác theo kế hoạch và sự phân công của Bộ môn, Khoa. Khối lượng công tác thực hiện ngoài thời gian làm việc được tính làm việc ngoài giờ, làm việc thêm giờ và được chi trả theo quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.02.03].

Công tác khuyến khích, hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy và NCKH của Trường còn được thể hiện qua chính sách hỗ trợ tài chính cho GV tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế. Ngoài việc hỗ trợ về tài chính để tham gia báo cáo NCKH, các bài báo, các công trình NCKH và giáo trình được xuất bản cũng được trường khuyến khích hỗ trợ thông qua việc cộng thêm giờ chuẩn trong khối lượng giảng dạy của cán bộ, hoặc thông qua phần thưởng là tiền mặt theo đúng quy định nêu rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHCT 2020 [H6.06.01.05].

Để thể hiện tính khách quan trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV, ngoài việc GV tự lên kế hoạch và tự đánh giá, kết quả hoạt động của GV còn được ghi nhận và đánh giá bởi tập thể đồng nghiệp và cấp lãnh đạo nhằm có hình thức ghi nhận và khen thưởng khích lệ các cá nhân có hoàn thành tốt nhiệm vụ và có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác. Thông qua hệ thống đánh giá, xét thi đua khen thưởng thành tích và đóng góp của cán bộ giảng dạy cho sự nghiệp giáo dục và phát triển, Nhà trường và Bộ GD&ĐT có chính sách khen thưởng và ghi nhận thông qua các hình thức khen thưởng như Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Bằng khen của

Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”, danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân, nhà giáo Ưu tú” [H6.06.04.03]. Ngoài ra, Khoa và Trường còn tổ chức các buổi lễ vinh danh viên chức và người lao động có đóng góp và thành tích hoạt động xuất sắc trong năm học [H4.04.01.02]. Trong năm 2019-2020, nhằm ghi nhận sự đóng góp của GV trong việc phát triển, nâng cao chất lượng giảng dạy và uy tín của Khoa, KNN cũng đã tặng quà lưu niệm cho các GV có đóng góp nổi bật cho Khoa vào dịp tổng kết cuối năm. Đây cũng là một hoạt động mang tính khích lệ, động viên rất nhiều cho cán bộ giảng dạy trong tiến trình phấn đấu phát triển chuyên môn và nâng cao chất lượng giảng dạy.

Có thể khẳng định hoạt động đánh giá và khen thưởng cán bộ GV KNN được thực hiện đúng quy định, minh bạch và đảm bảo tính khách quan. Kết quả đánh giá phân loại được công bố công khai rộng rãi đến toàn thể GV qua email, cũng như được lưu trữ tại bộ phận chuyên trách Khoa, Trường. Tất cả GV đều cho thấy sự hài lòng cao về kết quả đánh giá phân loại khen thưởng và MC là không có trường hợp khiếu nại, phản đối nào về kết quả được xét trong những năm qua.

2. Điểm mạnh

Việc lên kế hoạch công tác cụ thể cho từng GV cũng như quản trị theo kết quả thực hiện công việc được Trường, Khoa và Bộ môn PPDHTA áp dụng theo đúng quy định, minh bạch công khai trong thời gian qua đã góp phần xây dựng nên một đội ngũ cán bộ chất lượng, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác. Có thể khẳng định Bộ môn PPDHTA có đội ngũ GV cơ hữu mạnh về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và luôn sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Việc quản trị theo kết quả thực hiện công việc chủ yếu tập trung vào chỉ tiêu hoàn thành khối lượng giảng dạy hằng năm của từng GV làm ảnh hưởng phần nào đến khả

năng phối hợp trong các hoạt động chuyên môn, NCKH giữa các GV trong Bộ môn cũng như với các GV của các Bộ môn/Khoa khác. Ngoài ra, số lượng các sản phẩm NCKH được thực hiện chưa thật sự đồng đều giữa các GV. Các công trình được đăng tải trên các tạp chí có uy tín, có chỉ số ISI, Scopus của Bộ môn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, Bộ môn PPDHTA sẽ nghiêm túc chấn chỉnh lại việc phối hợp thực hiện hoạt động (đào tạo, NCKH) giữa các GV thông qua việc lập kế hoạch chi tiết, cụ thể hóa khung thời gian và kết quả thực hiện phải được đánh giá, phê duyệt. Bộ môn tăng cường tổ chức các khóa bồi dưỡng về NCKH, tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ GV trong việc thực hiện các công trình NCKH có chất lượng, có thể đăng tải ở các tạp chí lớn, có uy tín.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Trường ĐHCT có văn bản quy định chính thức về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV thực hiện hằng năm [[H6.06.02.03](#)], [[H6.06.07.01](#)]. Các loại hình hoạt động NCKH mà GV tham gia bao gồm: thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ các cấp; hướng dẫn SV làm NCKH; công bố bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế; tổ chức các seminar, tọa đàm về NCKH. Nhà trường cũng có quy định, quy đổi giờ chuẩn cho các loại hình hoạt động NCKH [[H6.06.02.03](#)]. Đối với các đề tài NCKH, việc nghiệm thu đề tài dựa trên mức độ hoàn thành dự án, cụ thể là số lượng và chất lượng các sản phẩm được đề ra trong mục tiêu nghiên cứu, bao gồm sản phẩm khoa học, sản phẩm đào tạo, sản phẩm ứng dụng và các sản phẩm cụ thể khác [[H6.06.07.02](#)].

Do đặc thù của Bộ môn PPDHTA là phụ trách đào tạo các lĩnh vực thuộc khối Khoa học xã hội và nhân văn, hình thức NCKH được thực hiện bởi cán bộ GV chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực như: 1) nghiên cứu và báo cáo chuyên đề; 2) đăng ký thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở; 3) xuất bản bài báo trên các tạp chí, kỷ yếu trong nước và quốc tế; 4) hướng dẫn SV, học viên cao học đăng ký và thực hiện đề tài NCKH. [H4.04.02.02].

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, nghiên cứu viên cũng được định kỳ rà soát, đối sánh, điều chỉnh hằng năm nhằm cải tiến chất lượng [H6.06.07.03]. Bảng 6.5 thống kê số lượng công trình NCKH điển hình do Bộ môn PPDHTA thực hiện được trong vòng 05 năm gần đây.

Hằng năm Trường và Khoa đều tổ chức các buổi tọa đàm, tham khảo ý kiến các BLQ (Phòng Quản lý Khoa học Trường, các thành viên trong Khoa) về hoạt động NCKH nhằm đúc kết, rút kinh nghiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH [H6.06.07.04]. Các quy định về quản lý hoạt động NCKH của cán bộ, tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả NCKH đều được kiện toàn và thông tin minh bạch, công khai tại trang thông tin điện tử <https://dra.ctu.edu.vn/>.

Bảng 6.5: Hoạt động NCKH điển hình được thực hiện (2015-2019)

Năm	Công trình NCKH do GV thực hiện		Tổng
	Trong nước	Quốc tế	
<i>2015</i>	Tạp chí: 03 Báo cáo Hội thảo: 0	Tạp chí: 01 Báo cáo Hội thảo: 01	05
<i>2016</i>	Tạp chí: 06 Báo cáo Hội thảo: 0	Tạp chí: 06 Báo cáo Hội thảo: 0	12
<i>2017</i>	Tạp chí: 05 Báo cáo Hội thảo: 0	Tạp chí: 04 Báo cáo Hội thảo: 01	10
<i>2018</i>	Tạp chí: 02 Báo cáo Hội thảo: 0	Tạp chí: 03 Báo cáo Hội thảo: 03	08
<i>2019</i>	Tạp chí: 01 Báo cáo Hội thảo: 0	Tạp chí: 03 Báo cáo Hội thảo: 04	08
Năm	Công trình NCKH do SV thực hiện đã được nghiệm thu		Tổng
	Trong nước	Quốc tế	
<i>2015</i>	0	0	0
<i>2016</i>	03	0	03
<i>2017</i>	0	0	0
<i>2018</i>	01	0	01
<i>2019</i>	0	0	0

2. Điểm mạnh

GV của Bộ môn PPDHTA luôn nỗ lực trong hoạt động NCKH theo đúng quy định của Trường. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau trong đó có nhiều công trình đã được nghiệm thu, xuất bản.

3. Điểm tồn tại

Đến thời điểm hiện tại (04/2020), Bộ môn vẫn chưa có đề tài NCKH trọng điểm có tầm ảnh hưởng lớn. Số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu còn chưa nhiều do GV có thể dùng khối lượng công tác của các hoạt động khác thay thế nhiệm vụ NCKH. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành chưa phong phú. Số lượng bài báo được công bố vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Bộ môn PPDHTA chủ động đề xuất Khoa, Trường yêu cầu các GV phải tham gia hoạt động NCKH như là một trong những tiêu chí bắt buộc trong nhiệm vụ GV. Kết quả thực hiện phải được đánh giá định lượng và được công nhận.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Có thể khẳng định đội ngũ GV, nghiên cứu viên Bộ môn PPDHTA, KNN có trình độ chuyên môn cao, nắm bắt tốt hệ thống các kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng sư phạm phục vụ hiệu quả công tác đào tạo, NCKH, hoạt động cộng đồng. Ngoài ra đội ngũ GV còn cho thấy thái độ tích cực trong công việc, luôn năng động, sáng tạo và tràn đầy nhiệt huyết.

Trong công tác giảng dạy, đội ngũ GV Bộ môn PPDHTA luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ và được ban lãnh đạo cũng như SV đánh giá kết quả thực hiện công việc rất

tích cực. Mặc dù chất lượng và số lượng hoạt động NCKH chưa được khả quan, số lượng công trình NCKH vẫn được duy trì hằng năm cũng cho thấy dấu hiệu tích cực.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Bộ môn PPDHTA, KNN đã đáp ứng tốt nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Trường ĐHCT.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn là: 5/7

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng đào tạo ngành SPTA luôn được đặt lên hàng đầu nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Sự nỗ lực của GV trong công tác đào tạo luôn có sự đồng hành và hỗ trợ từ các đơn vị khác nhau trong Nhà trường. Các cán bộ viên chức và nhân viên làm việc tại các phòng ban, các trung tâm và VPK luôn hỗ trợ tốt nhất cho GV hoàn thành nhiệm vụ đào tạo của Bộ môn.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Kế hoạch quy hoạch đội ngũ cán bộ viên chức và nhân viên làm việc tại TTHL, hệ thống CNTT, các trung tâm và đơn vị phòng ban trong Nhà trường được thực hiện theo chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Trường ĐHCT đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng, trong đó bao gồm cả nguồn nhân lực hỗ trợ đào tạo của KNN góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPTA.

TTHL của Trường ĐHCT với quy mô lớn đảm bảo đáp ứng nhu cầu tối đa cho SV về nguồn học liệu trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường. TTHL hiện nay có 33 cán bộ, trong đó có 05 viên chức hành chính quản lý, 21 nhân viên thư viện và 07 nhân viên phục vụ hành chính có trình độ đại học và trên đại học (chiếm 66,7%) đảm bảo trình độ chuyên môn cho vị trí công việc hiện tại trong đó có 01 cán bộ quản lý có trình độ TS và 08 cán bộ có trình độ thạc sỹ. Cơ cấu tổ chức của TTHL chia thành 04 tổ

chuyên môn bao gồm tổ CNTT, tổ dịch vụ thông tin, tổ tài nguyên thông tin và tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn luôn phối hợp thực hiện tốt công tác thu thập, tổ chức, khai thác, lưu trữ và cung cấp các dịch vụ thông tin tư liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH cho công chức, viên chức, người lao động và SV đang công tác, học tập tại Trường và các đối tượng khác có nhu cầu. Tất cả thông tin liên quan TTHL đều được công bố công khai trên website của TTHL Trường ĐHCT tại <https://lrc.ctu.edu.vn/>.

Các đơn vị Phòng ban, Trung tâm trực thuộc Nhà trường có đội ngũ cán bộ và nhân viên có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí công việc được phân công và luôn đồng hành hỗ trợ công tác đào tạo của Bộ môn góp phần rất lớn trong việc nâng cao chất lượng của CTĐT ngành SPTA (Bảng 7.1).

**Bảng 7.1: Bảng mô tả trình độ chuyên môn của cán bộ và nhân viên các Phòng ban,
Trung tâm năm 2019**

Các Phòng ban	Trình độ cao nhất							
	Dưới sơ cấp	Sơ cấp	TCCN	Cao đẳng	Đại học	ThS	TS	Tổng số lượng
P. Đào tạo	0	0	1	0	7	2	0	10
P. Công tác Chính trị	15	1	0	1	9	1	0	27
P. Công tác SV	0	0	2	0	10	3	1	16
P. Hợp tác quốc tế	0	0	0	0	7	0	3	10
P. Kế hoạch tổng hợp	21	0	0	0	8	2	2	33
P. Quản lý khoa học	0	0	0	0	8	2	3	13
P. Tài chính	0	0	3	0	7	4	0	14
P. Quản trị thiết bị	7	0	1	0	8	2	0	18
P. TCCB	Trường đang cập nhật							
TT QLCL								
TT TT&QTM								
TT đánh giá năng lực ngoại ngữ								
Tổng số lượng	43	1	7	1	64	16	9	141

Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng (TTTT&QTM) (truy cập tại <https://inac.ctu.edu.vn/>) có 04 tổ chuyên trách: Tổ Văn phòng, Tổ Thông tin, Tổ Mạng máy tính và Tổ Hệ thống tích hợp với nhiệm vụ vận hành, quản lý, bảo trì, xây dựng và phát triển các phòng máy tính đa năng của Trường, hệ thống dạy và học trực tuyến, hệ

thống hội nghị, hội thảo qua mạng, xây dựng các giáo trình, bài giảng đa phương tiện, tập huấn ứng dụng CNTT phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu của GV, học viên cao học và SV. Với số lượng cán bộ và nhân viên có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu, TTTT&QTM đáp ứng tối đa nhu cầu sử dụng CNTT trong dạy và học của SV toàn Trường.

Để phục vụ tốt nhất công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ và nhân viên làm việc tại VPK và đội ngũ cán bộ không chuyên trách tại các Bộ môn được thực hiện định kỳ theo kế hoạch chung của Nhà trường. Hiện KNN đã hoàn thành công tác quy hoạch vị trí công việc của cán bộ và nhân viên thuộc Tổ VPK nhằm hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo của các Bộ môn; cụ thể có 01 cán bộ phụ trách công tác đào tạo sau đại học; 01 cán bộ phụ trách công tác đào tạo chính quy; 01 cán bộ phụ trách công tác SV; 01 cán bộ phụ trách hợp tác quốc tế; 01 cán bộ phụ trách văn thư; 01 cán bộ phụ trách kế toán-đào tạo hệ Vừa làm vừa học [H7.07.01.01].

Nhìn chung, đội ngũ chuyên viên phối hợp thực hiện hiệu quả các công việc về học vụ, trang thiết bị dạy và học, tư vấn và hỗ trợ các thủ tục liên quan hoạt động NCKH các cấp, các chương trình trao đổi SV với các nước trong khu vực. Để công tác phối hợp với Tổ văn phòng được thực hiện hiệu quả, Bộ môn PPDHTA đã quy hoạch 01 GV kiêm nhiệm vị trí Thư ký Bộ môn. Nhiệm vụ chính của Thư ký Bộ môn là hỗ trợ công tác văn thư liên quan đến đào tạo của Bộ môn, phối hợp chặt chẽ với BCN Bộ môn thực hiện các hoạt động đào tạo [H7.07.01.02].

Do đặc thù của CTĐT ngành sư phạm, KNN trang bị 02 phòng tập giảng dành cho SV chuyên ngành SPTA. SV đăng ký sử dụng phòng tập giảng với cán bộ phụ trách cơ sở vật chất tại VPK để thực hành giảng dạy ngoài giờ trên lớp giúp SV nâng cao năng lực và kỹ năng giảng dạy trước khi đi thực tập ở trường phổ thông. Để công tác quản lý và hỗ trợ có sở vật chất cho dạy và học đạt hiệu quả tốt nhất, KNN phân công 01 cán bộ

phụ trách quản lý cơ sở vật chất và 01 cán bộ phụ trách kỹ thuật hỗ trợ chỉnh sửa máy móc, thiết bị phục vụ cho các hoạt động [H7.07.01.03]. Về công tác hỗ trợ chuyên môn, Bộ môn phân công 01 GV làm Cố vấn chuyên môn phối hợp với CVHT các lớp để tư vấn, góp ý và định hướng cho SV trong quá trình thực hiện hoạt động tập giảng.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ tại các phòng ban chức năng, trung tâm và VPK KNN được quy hoạch đủ về số lượng và có trình độ chuyên môn phù hợp đảm bảo thực hiện nhiệm vụ một cách chuyên nghiệp nhằm hỗ trợ tích cực, hiệu quả công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của nhà Trường, Khoa, Bộ môn.

Bộ môn đã thực hiện quy hoạch các vị trí kiêm nhiệm bao gồm Thư ký Bộ môn và Cố vấn chuyên môn hỗ trợ tích cực và hiệu quả cho SV trong các hoạt động.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay ở cấp Bộ môn chưa có quy hoạch vị trí chuyên viên hỗ trợ công tác đào tạo, công tác SV và NCKH. Ngoài ra công tác quy hoạch các vị trí kiêm nhiệm tại Bộ môn chưa có cơ chế, quy định cụ thể để đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho GV có kiêm nhiệm công tác khác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, tùy vào đặc thù của các chuyên ngành của mỗi Bộ môn, KNN có kế hoạch quy hoạch vị trí công việc kiêm nhiệm ở cấp Bộ môn và đề xuất lên Trường cụ thể như: Định danh các công việc kiêm nhiệm của mỗi Bộ môn, đề xuất danh sách GV kiêm nhiệm và nêu rõ các quy định về quyền và nghĩa vụ của GV kiêm nhiệm.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Quy trình công tác tuyển dụng được Nhà trường quy định cụ thể trong Quyết định số 4673/QĐ-ĐHCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc tuyển dụng viên chức [H7.07.02.01]. Quy định tuyển dụng thể hiện sự thống nhất, công khai và minh bạch trong công tác tuyển dụng viên chức, người lao động phục vụ nhu cầu phát triển của Trường; giúp cho các ứng viên đăng ký dự tuyển cũng như viên chức, người lao động trong Trường nắm rõ nội dung, cách thức tham gia để đạt hiệu quả cao nhất.

Cụ thể, tiêu chí tuyển dụng đối với ngạch chuyên viên bao gồm: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 3 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại TT 01/2014/TT-BGDĐT [H3.03.02.01]; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo TT số 03/2014/TT-BTTTT [H7.07.02.02]. Quy trình tuyển dụng bao gồm 12 bước: Lập kế hoạch tuyển dụng; Phê duyệt kế hoạch; Thông báo kết quả phê duyệt; Lập kế hoạch tuyển dụng cụ thể; Ra thông báo tuyển dụng; Thu nhận hồ sơ; Lập danh sách ứng viên đủ điều kiện dự tuyển; Phỏng vấn trực tiếp; Nộp hồ sơ liên quan về PTCCB; Hội đồng tuyển dụng viên chức; Thông báo kết quả; Ký kết hợp đồng làm việc [H6.06.01.01].

Hoạt động lấy ý kiến của các BLQ thông qua các cuộc họp Bộ môn, họp giao ban Khoa, Trường góp phần rất lớn trong việc thiết kế, xây dựng quy định, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên. Hiện nay, hoạt động luân chuyển vị trí công tác đối với nhân viên hành chính, nhân viên hỗ trợ là yêu cầu bắt buộc và được

Trường thực hiện thường xuyên [H7.07.02.03]. Quy trình tuyển chọn, bổ nhiệm và phân công cán bộ được thực hiện một cách chặt chẽ dựa trên cơ sở phân tích năng lực chuyên môn của từng người dưới sự chỉ đạo sâu sát của Ban Giám hiệu Trường, Đảng ủy Khoa, BCN Khoa, Chi bộ, Bộ môn [H6.06.03.07]. Ngoài ra, thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được công khai đến từng đơn vị thông qua đường công văn, quyết định cũng như trên trang thông tin điện tử tại website PTCCB Trường tại <https://dp.ctu.edu.vn/>.

2. Điểm mạnh

Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên được thực hiện theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường ĐHCT. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được Trường thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

3. Điểm tồn tại: không có

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, KNN sẽ tiếp tục việc lấy ý kiến nhằm cập nhật tiêu chí cho hoạt động đánh giá mức độ hoàn thành công việc ở từng vị trí cụ thể để có kế hoạch điều chỉnh và luân chuyển vị trí công việc sao cho phù hợp nhất, đảm bảo mức độ hoàn thành công việc ở mức tốt nhất. Ngoài ra việc công khai, phổ biến các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chỉnh sẽ tiếp tục được thực hiện.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 6/7

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Thực hiện theo hướng dẫn và quy trình đánh giá xếp loại cán bộ viên chức hỗ trợ công tác đào tạo tại đơn vị của Trường ĐHCT, KNN lập kế hoạch chi tiết bao gồm các bước thực hiện công tác đánh giá xếp loại cán bộ viên chức từ cấp Bộ môn đến cấp Khoa theo từng vị trí việc làm cụ thể; trong đó có mô tả chi tiết năng lực cần thiết đối với mỗi vị trí công việc theo từng năm học của đội ngũ nhân viên [[H7.07.03.01](#)] (Bảng 7.2).

Bảng 7.2: Số lượng cán bộ phục vụ, trình độ chuyên môn và vai trò cụ thể của từng vị trí năm học 2019-2020

Vị trí	Nhiệm vụ	Số lượng	Bảng cấp		Trình độ chuyên môn
			ĐH	ThS	
Chánh văn phòng	- Phụ trách chung - Công tác tổ chức-cán bộ - Quản trị tài chính - Quản lý tài sản	01	X		Cử nhân Sư phạm tiếng Anh
Phó Chánh văn phòng	- Hỗ trợ các hoạt động đào tạo đại học (chính quy và ngoài trường) - Hỗ trợ việc kiểm tra, tổ chức thi học kỳ - Hỗ trợ thực hiện dự toán văn phòng phẩm cho Khoa, các Bộ môn.	01	X		Cử nhân Xã hội học
Chuyên viên phụ trách	- Hỗ trợ hoạt động hợp tác quốc tế - Hỗ trợ hoạt động đăng	01		X	ThS Lý luận và PPDH tiếng Anh

Vị trí	Nhiệm vụ	Số lượng	Bằng cấp		Trình độ chuyên môn
			ĐH	ThS	
NCKH	ký và thanh toán đề tài nghiên cứu khoa học; báo cáo tình hình hoạt động NCKH của đơn vị. - Hỗ trợ hoạt động trao đổi học thuật, tổ chức báo cáo chuyên đề, hội thảo tại đơn vị. - Hỗ trợ thủ tục và hồ sơ cho tình nguyện viên, chuyên gia nước ngoài đến công tác tại Khoa.				
Chuyên viên phụ trách công tác SV	- Hỗ trợ các công tác SV, in ấn bảng điểm - Tổng kết, lưu trữ bảng điểm các học phần qua mỗi học kỳ - Thanh toán tiền photo đề thi, coi thi cho cán bộ - Quản trị trang web của Khoa	01	X		Cử nhân sư phạm tiếng Pháp
Chuyên viên phụ trách lưu trữ văn thư	- Phụ trách văn thư - Giao nhận công văn - Thư ký tổng hợp	01	X		Cử nhân sư phạm Ngữ văn

Vị trí	Nhiệm vụ	Số lượng	Bảng cấp		Trình độ chuyên môn
			ĐH	ThS	
Chuyên viên phụ trách đào tạo & Đề án NNQG	- Hỗ trợ đào tạo sau đại học - Hỗ trợ quản lý và triển khai các hoạt động của đề án Ngoại ngữ Quốc gia	01	X		Cử nhân sư phạm tiếng Anh

Cụ thể về quy trình đánh giá phân loại cán bộ viên chức (CBVC) được thực hiện ở KNN như sau: CBVC tự đánh giá (bước 1), đánh giá cấp Bộ môn (bước 2), cấp Khoa (bước 3), cấp Trường (bước 4) [H6.06.02.06]. Tất cả các thông tin có liên quan trong các buổi họp đánh giá đều được ghi nhận thông qua biên bản. Kết quả đánh giá phân loại CBVC công khai qua thông báo bằng văn bản và file điện tử gửi đến mỗi cán bộ trong KNN [H6.06.04.03].

Ngoài ra, hằng năm TTQLCL Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ trong đó có người học thông qua khảo sát trực tuyến [H1.01.03.03]; các cuộc gặp trao đổi trực tiếp giữa SV SPTA và BCN KNN [H7.07.03.01] về mức độ hài lòng về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên, từ đó KNN có thêm thông tin để kịp thời khắc phục những thiếu sót. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của các BLQ là rất cao [H3.03.01.02].

Giai đoạn 2015-2019 100% chuyên viên tại KNN đều được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Bên cạnh việc đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ nhân viên và sự hài lòng của các bên có liên quan là các hình thức thi đua, khen thưởng. Kết quả xét thi đua, khen thưởng được thực hiện dựa trên nhiều tiêu chí và được công bố rộng rãi, công khai đến toàn thể CBVC trong Khoa [H6.06.02.06]. Kết quả đánh giá còn được dùng làm tham chiếu phản ánh đúng nhất năng lực cũng như mức độ rèn luyện đạo đức, phẩm chất của từng viên chức.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được KNN thực hiện theo đúng quy định của Trường, đảm bảo tính chính xác, khách quan và độ tin cậy. Thông qua các tiêu chí có thể đo lường chính xác cả về định tính (lấy ý kiến các bên có liên quan) và định lượng (khối lượng công việc hoàn thành), mức độ hoàn thành yêu cầu công việc của đội ngũ nhân viên được xác định, góp phần nâng cao chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có bảng tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể và áp dụng kết hợp hình thức đánh giá định tính và định lượng dành cho đối tượng là chuyên viên đang làm việc tại Khoa, KNN vẫn chưa có một cơ chế đánh giá CBVC dành riêng cho các GV đang kiêm nhiệm công tác tại các Bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN tiếp tục thực hiện việc đánh giá đội ngũ nhân viên theo đúng quy định Nhà trường. Song song đó, KNN rà soát lại bộ tiêu chí đánh giá năng lực của CBVC (bao gồm GV và nhân viên phục vụ) nhằm đề xuất Nhà trường điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết, đảm bảo đạt chất lượng và độ tin cậy cao. Ngoài ra Khoa kiến nghị Trường cần bổ sung tiêu chí đánh giá năng lực làm việc của GV kiêm nhiệm vị trí công việc hỗ trợ ở các Bộ môn một cách cụ thể, định lượng hơn.

Để có cơ sở cho việc đánh giá năng lực làm việc của đội ngũ nhân viên phục vụ và GV kiêm nhiệm, Bộ môn PPDHTA tiếp tục thực hiện khảo sát ý kiến người học, tổ chức tọa đàm lấy ý kiến các bên có liên quan. Các thông tin liên quan đến kết quả làm việc của đội ngũ nhân viên và GV kiêm nhiệm sẽ được tổng hợp báo cáo lên Khoa để làm cơ sở cho việc xác định và đánh giá đúng năng lực.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Đội ngũ nhân viên tại KNN được đánh giá có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng xử lý công việc tốt phục vụ tích cực cho các hoạt động đào tạo, NCKH trong KNN nói chung và chuyên ngành SPTA thuộc Bộ môn PPDHTA nói riêng. Với mục tiêu ngày càng hoàn thiện hơn về chất lượng phục vụ, KNN dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ từ phía Trường ĐHCT đã tiến hành khảo sát cũng như lên kế hoạch về nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo từng vị trí công việc [[H7.07.04.01](#)]. Khảo sát nhu cầu bồi dưỡng; Kế hoạch triển khai theo từng năm-KNN.

Sau khi có kế hoạch KNN tiến hành triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Bảng 7.3 thống kê số lượt nhân viên KNN tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng qua các năm.

Bảng 7.3: Thống kê sự tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ nhân viên KNN (2015-2019)

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Số lượt cán bộ tham gia				
		2015	2016	2017	2018	2019
1	Đào tạo ThS	01				
2	Kỹ năng giao tiếp và lễ tân hành chính		01			
3	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính		01			
4	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm		01			
5	Tập huấn cán bộ phụ trách phần mềm khảo sát tình hình việc làm SV tốt nghiệp tại đơn vị				01	
6	Bồi dưỡng GV tiếng Anh cốt cán quốc gia theo chương trình liên kết quốc tế		01			
7	Tập huấn viết báo cáo tự đánh giá CTĐT theo chuẩn AUN-QA					01
8	Tập huấn các quy trình của phòng hợp tác quốc tế					01
9	Tập huấn phần mềm đánh giá điểm rèn luyện SV			01		
Tổng cộng		01	04	01	01	02

Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên theo Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHCT [H6.06.01.05]. Qua đó, Trường hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho đội ngũ nhân viên được đi học, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ góp phần tạo động lực cho nhân viên phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đáp ứng tốt các yêu cầu hỗ trợ về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT quy định rõ ràng việc xác định, đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hàng năm; có kế hoạch triển khai thực hiện trên cơ sở tổng hợp nhu cầu từ các Khoa, Bộ môn cũng như có cơ chế kiểm tra giám sát. Trường cũng có phân bổ ngân sách cho các hoạt động này và đảm bảo tiến độ triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch, góp phần lớn trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát nhu cầu bồi dưỡng cho nhân viên phục vụ chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm học 2020-2021, KNN sẽ tiếp tục tiến hành khảo sát nhu cầu bồi dưỡng và sớm có kế hoạch thực hiện cho đội ngũ nhân viên. Đồng thời để tránh việc đăng ký nhu cầu bồi dưỡng mang tính chủ quan, BCN KNN sẽ có biện pháp theo dõi quá trình phấn đấu, bồi dưỡng cũng như đánh giá hiệu quả trong công việc của từng nhân viên, kết hợp với nhu cầu cá nhân để vạch ra lộ trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp nhất với vị trí và yêu cầu công việc. Ngoài ra, Khoa xin đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các

khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa và của Trường.

5. *Tự đánh giá*: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. *Mô tả*

Trường ĐHCT có ban hành quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng cán bộ nhân viên cũng như việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả việc thực hiện công việc, trong đó có đội ngũ nhân viên KNN [[H7.07.03.01](#)].

Để đảm bảo mỗi cán bộ nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ phân giao, KNN có cơ chế quản lý chặt chẽ, thường xuyên giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên thông qua phòng Thanh tra - Pháp chế (cấp Trường) và bảng chấm công hàng tháng (tuyển Khoa) [[H7.07.05.01](#)]. Ngoài ra để tiện việc theo dõi cũng như nâng cao hiệu quả công việc, phục vụ tích cực cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác, tất cả nhân viên KNN đều được phân công kế hoạch làm việc cụ thể bao gồm nội dung công việc, khối lượng công việc, tiến độ thực hiện, thời gian hoàn thành và các hỗ trợ khác [[H7.07.01.01](#)]. Kết quả thực hiện công việc đều phải định kỳ báo cáo lại lãnh đạo thông qua các buổi họp [[H1.01.03.01](#)].

Hằng năm, theo kế hoạch chung của Trường, KNN tiến hành đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên thông qua công tác xét thi đua khen thưởng cho các danh hiệu: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, khen thưởng các cấp... [[H6.06.02.06](#)]. Công tác xét thi đua khen thưởng được thực hiện đúng quy định dựa trên cơ sở đóng góp ý kiến của các BLQ trong đó có đội ngũ nhân viên [[H4.04.01.02](#)],

[H4.04.01.02] và bao gồm đầy đủ các bước một cách dân chủ. Do đó, công tác quản trị kết quả công việc của cán bộ hỗ trợ đang làm việc tại Khoa được thực hiện minh bạch, công khai thể hiện được tính công bằng trong khen thưởng và công nhận thành quả công việc của mỗi cán bộ.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch công việc của mỗi cán bộ nhân viên được Khoa phân giao cụ thể, rõ ràng và có cơ chế giám sát hiệu quả công việc được thực hiện. Công tác quản trị kết quả công việc của cán bộ nhân viên hỗ trợ được thực hiện một cách minh bạch đảm bảo tính công bằng trong công tác đánh giá và công nhận kết quả làm việc một cách kịp thời mang lại sự hài lòng của các cán bộ hỗ trợ của KNN.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù của mảng công tác hỗ trợ là khác nhau nên việc đánh giá kết quả công việc của mỗi cán bộ dựa trên bộ tiêu chí đánh giá chung đôi khi chưa phản ánh đầy đủ và khách quan kết quả thực hiện công việc được giao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, KNN hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá nội bộ bên cạnh bộ tiêu chí chung của Trường, trong đó chú trọng xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể cho từng mảng công việc hỗ trợ. Ngoài ra Khoa thành lập tổ xét thi đua khen thưởng, xây dựng các chính sách phù hợp với các đối tượng người lao động trực thuộc KNN, thực hiện nhiệm vụ giám sát và đề xuất các loại hình khen thưởng kịp thời để động viên khuyến khích và tạo động lực cho các cán bộ.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ cán bộ nhân viên KNN đảm bảo về số lượng, có trình độ chuyên môn, năng lực làm việc đáp ứng yêu cầu công việc một cách hiệu quả. Công tác đánh giá năng lực làm việc, công tác quản trị kết quả làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên được thực hiện một cách công khai đảm bảo tính công bằng để tạo niềm tin và là sự động viên rất lớn cho toàn thể cán bộ trong KNN trong quá trình làm việc. Các công tác quy hoạch, phát triển, luân chuyển đội ngũ cán bộ hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành đào tạo được Khoa, Trường thực hiện nghiêm túc, minh bạch theo đúng chiến lược phát triển của Khoa và Trường.

Tuy nhiên công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với đội ngũ GV kiêm nhiệm tại KNN còn khó khăn do Bộ môn, Khoa chưa có công cụ đánh giá cụ thể.

Hoạt động khảo sát nhu cầu bồi dưỡng cho nhân viên phục vụ chưa được thực hiện thường xuyên. Vì thế dẫn đến sự chậm trễ trong công tác quy hoạch, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ nhân viên.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn là: 5.2/7

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trường ĐHCT có chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể, khoa học; phương thức xét tuyển công khai, hợp lý theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Việc giám sát các hoạt động đào tạo và rèn luyện của người học được thực hiện rất chặt chẽ, minh bạch cùng với hệ thống CNTT, tư vấn và hỗ trợ người học luôn đáp ứng kịp thời. Ngoài ra, Trường còn chú trọng việc nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, quan tâm đầu tư, cải thiện môi trường tâm lý xã hội, cảnh quan đơn vị tích cực hỗ trợ người học trong các hoạt động đào tạo, NCKH góp phần nâng cao chất lượng Trường.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả

Chính sách tuyển sinh, trong đó có ngành SPTA được thực hiện theo đúng quy chế tuyển sinh do Bộ GD&ĐT ban hành [H8.08.01.01]. Hằng năm, hình thức, chỉ tiêu, quy trình thi tuyển, xét tuyển được quy định rõ ràng và được công bố công khai, minh bạch trên trang “Tuyển sinh ĐHCT” của Nhà trường tại <https://tuyensinh.ctu.edu.vn/>. Ngoài ra, Nhà trường còn công khai chính sách tuyển sinh trên các phương tiện truyền thông, tư vấn tuyển sinh trực tuyến (<https://tuyensinh.ctu.edu.vn/lich-tu-van-truc-truyen.html>) kết hợp tổ chức ngày Hội Tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp để các thí sinh có thể tiếp cận thông tin một cách dễ dàng và đầy đủ nhất [H8.08.01.02].

Ngoài các kênh thông tin đề cập ở trên, hằng năm KNN được sự cho phép của Trường thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, tư vấn tuyển sinh, giới thiệu ngành nghề đào tạo riêng biệt dành cho KNN, trong đó có ngành SPTA tại các trường phổ thông trên địa bàn Thành phố Cần Thơ và một số tỉnh lân cận [H1.01.03.04].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 05 năm qua, KNN đã có số lượng thí sinh được tuyển và số lượng SV chính thức theo học ngành SPTA như sau:

Bảng 8.1: Số lượng thí sinh trúng tuyển và theo học ngành SPTA (2015-2020)

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Số nhập học thực tế (người)
2015-2016	535	88	88
2016-2017	221	82	57
2017-2018	928	45	45
2018-2019	493	30	29
2019-2020	441	40	39

Số lượng SV ngành SPTA trong 05 năm gần đây được thể hiện trong bảng 8.2.

Bảng 8.2: Số lượng SV ngành SPTA (2015-2020)

Năm học	Người học				Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	
2015-2016	88	89	123	97	397
2016-2017	57	88	89	123	357
2017-2018	45	57	88	89	279
2018-2019	29	45	57	88	219
2019-2020	39	29	45	57	170

Kể từ năm 2016, chính sách tuyển sinh Trường được thay đổi từ hình thức thi tuyển sang hình thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia và tiêu chí xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT [[H8.08.01.01](#)]. Kết quả xét tuyển được thông báo công khai trên cổng thông tin tra cứu điểm thi tuyển sinh của Nhà trường; quy trình ra quyết định trúng tuyển, gửi giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển được thực hiện đúng quy định.

Nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh Trường ĐHCT thường xuyên tổ chức các buổi họp đánh giá, rút kinh nghiệm, và đưa ra kế hoạch điều chỉnh nhằm kịp thời bổ sung các tiêu chí cũng như phương thức tuyển sinh để đảm bảo hoạt động tuyển sinh đạt chất lượng và hiệu quả cao nhất [[H8.08.01.03](#)].

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Trường ĐHCT, trong đó có ngành SPTA được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; chính sách tuyển sinh của Trường được lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho Bộ môn PPDHTA - KNN có thể tuyển được thí sinh đúng năng lực. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học phù hợp.

3. Điểm tồn tại: không có

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục cập nhật quy định từ Bộ GD&ĐT và không ngừng công khai chính sách tuyển sinh đến các BLQ. Từ năm 2020-2021, KNN lên kế hoạch đề xuất với Nhà trường thực hiện việc khảo sát ý kiến của tân SV về chính sách tuyển sinh hằng năm nhằm có thêm kênh thông tin tham chiếu phục vụ cho hoạt động tuyển sinh được hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Nhà trường xác định rõ ràng, cập nhật theo đúng quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01]. Tiêu chí và phương pháp xét tuyển ngành SPTA được tiến hành theo 03 tổ hợp: D01 (Văn, Toán, Anh văn); D14 (Văn, Sử, Anh văn); D15 (Văn, Địa, Anh văn). Hình thức tuyển sinh xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT Quốc gia. Điểm xét tuyển được tính như sau: Chỉ tính điểm 3 môn thi trong tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên khu vực đối tượng (nếu có); Không nhân hệ số môn thi; Không xét học bạ. Kết quả xét tuyển dựa theo chỉ tiêu phân bổ hàng năm và điểm trúng tuyển được xét theo nguyên tắc lấy điểm tổng từ cao xuống thấp.

Bảng 8.3 thể hiện số liệu số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển, trúng tuyển và thông số điểm ngành SPTA trong 05 năm qua. Số liệu thống kê cho thấy điểm chuẩn đầu vào ngành SPTA từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 cơ bản khá cao và giữ ổn định từ 22,75 đến 23,5 điểm.

**Bảng 8.3: Thống kê số lượng dự tuyển và trúng tuyển ngành SPTA (hệ chính quy)
(2015-2020)**

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển
2015-2016	535	88	22,75/30	25,63
2016-2017	221	82	21/30	21
2017-2018	928	45	24,50/30	25,88
2018-2019	493	30	21,75/30	23,75
2019-2020	441	40	23,50/30	25,13

Chính sách và quy định về công tác tuyển sinh hằng năm đều được công khai dưới nhiều hình thức. Trường ĐHCT thường xuyên tổ chức hoạt động đánh giá, rút kinh nghiệm với sự có mặt đầy đủ các BLQ nhằm lấy ý kiến phản hồi về tiêu chí, phương pháp tuyển chọn đầu vào... Thông qua đó kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhằm cải tiến chất lượng hoạt động tuyển chọn người học hàng năm [[H8.08.01.05](#)].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Trường rõ ràng, minh bạch theo đúng Quy chế tuyển sinh do Bộ GD&ĐT ban hành và được công khai rộng rãi. Chính sách tuyển sinh luôn được cập nhật và có sự đóng góp ý kiến của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp tuyển sinh ngành SPTA vẫn chưa đa dạng, chủ yếu được thực hiện theo phương pháp xét tuyển truyền thống.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, Trường ĐHCT tiếp tục thực hiện bám sát tiêu chí và phương pháp xét tuyển người học theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Tiếp tục duy trì việc tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 6/7

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Đối với hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập của người học, Nhà trường có quy định phân công cụ thể các bộ phận, cán bộ chuyên trách như đội ngũ GV, CVHT, trợ lý giáo vụ và đào tạo, đội ngũ nhân viên các phòng/ban/trung tâm, các tổ chức đoàn thể. Về những quy định cụ thể, Nhà trường có ban hành Quy chế học vụ trong đó thể hiện rất rõ quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học [[H4.04.01.01](#)].

Về cơ chế giám sát, báo cáo và phản hồi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, KNN cũng thực hiện thường xuyên thông qua các kênh như sau:

- CVHT: có nhiệm vụ theo dõi, góp ý và điều chỉnh quá trình học tập của SV trong suốt thời gian học tại Trường. Theo quy định, mỗi lớp đều được cố vấn bởi 01 CVHT trong suốt khóa học (04 năm). Cụ thể, vào thời điểm đầu năm của năm học thứ nhất, trong buổi sinh hoạt đầu khóa SV gặp gỡ CVHT của mình. CVHT có nhiệm vụ tổ chức họp mặt với lớp định kỳ 4 lần trong mỗi học kỳ nhằm cung cấp thông tin cũng như hỗ trợ cho SV. Ngoài ra, nhờ vào Quy chế học vụ trong đó quy định rất chi tiết các vấn đề liên quan việc đăng ký kế hoạch học tập, đăng ký học phần, quy định về hoạt động kiểm tra, đánh giá... SV (dưới sự hỗ trợ của CVHT) có thể dễ dàng tiếp cận và thực hiện. Bên

cạnh đó, CVHT dễ dàng theo dõi, giám sát sự tiến bộ của người học.

- Các cuộc họp Giao ban Khoa, họp Bộ môn: thực hiện rà soát, đánh giá và lên kế hoạch chiến lược cho các hoạt động của Khoa, của Bộ môn. Cụ thể, định kỳ 2 tuần/lần, KNN tiến hành họp Giao ban với thành phần tham gia bao gồm BCN Khoa, Đảng ủy Khoa, BCN các Bộ môn, Trợ lý Đào tạo, VPK, Đoàn thanh niên và Công đoàn Khoa [H1.01.03.01] và định kỳ 1 tháng/lần Bộ môn PPDHTA tiến hành họp Bộ môn với thành phần tham gia bao gồm tất cả GV đang công tác tại Bộ môn [H1.01.03.02].

Kế hoạch học tập của SV ngành SPTA được Bộ môn xác định ngay khi SV vừa nhập học (học kỳ 1 năm thứ nhất) và sau đó được thực hiện xuyên suốt trong các học kỳ còn lại [H8.08.03.01]. Trong mỗi học kỳ, dưới sự hướng dẫn hỗ trợ của BCN Bộ môn và CVHT, SV thực hiện việc đăng ký học phần (tự sắp thời khóa biểu và chọn lựa môn học phù hợp). Việc đăng ký học phần được thực hiện trên hệ thống thông tin tích hợp tại website Hệ thống quản lý (<https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php>). Ngoài ra, hệ thống này còn đảm bảo việc kiểm tra học phần tiên quyết khi nhập kế hoạch học tập và kiểm tra việc trùng lịch học khi đăng ký môn học. Vì vậy, tiến độ học tập của các SV luôn được đảm bảo đúng trình tự và được xác định.

Việc theo dõi sự tiến bộ của người học thông qua kết quả học tập và điểm rèn luyện cũng được thực hiện xuyên suốt. Thông qua tài khoản cá nhân trên Hệ thống quản lý, CVHT có thể kiểm tra kết quả học tập của SV. Trên cơ sở đó, CVHT có thể một mặt tư vấn cho SV điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp, mặt khác báo cáo về BCN Bộ môn, Khoa để nắm tình hình và có hành động can thiệp khi cần thiết. Nhờ vậy, kết quả học tập của SV được giám sát qua từng năm học (Bảng 8.4).

Bảng 8.4: Thành tích học tập của SV ngành SPTA (2015 - 2019)

	Năm tốt nghiệp									
	2015- 2016 (K37)	Tỷ lệ %	2016 - 2017 (K3 8)	Tỷ lệ %	2017 - 2018 (K3 9)	Tỷ lệ %	2018- 2019 (K40)	Tỷ lệ %	2019- 2020 (K41)	Tỷ lệ %
Số lượng SV toàn khóa	108	100	97	100	123	100	89	100	88	100
Xuất sắc	15	13,9	10	15,5	23	18,7	18	20,2	14	15,9
Giỏi	50	46,3	60	61,9	57	46,3	49	55	59	67
Khá	23	21,3	18	18,6	16	13	2	2,2	4	4,5

Ngoài ra, Phòng CTSV trực thuộc Trường (<https://dsa.ctu.edu.vn/>), bộ phận quản lý SV của Khoa cũng thực hiện việc theo dõi sự tiến bộ của người học trong hoạt động học tập, rèn luyện cũng như theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, và tốt nghiệp của SV thông qua hệ thống Quản lý đào tạo (cập nhật mỗi 2 học kỳ của 1 năm học). Ngoài ra, Đoàn khoa KNN có nhiệm vụ giám sát sự tiến bộ trong kế hoạch rèn luyện của SV và thực hiện việc chấm điểm rèn luyện vào cuối mỗi học kỳ theo đúng quy định [H5.05.01.03]. Vì thế các báo cáo kết quả và sự phản hồi về sự tiến bộ của người học luôn được thống kê, đánh giá định kỳ.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch học tập được thực hiện cụ thể, khoa học giúp người học có nhiều cơ hội lựa chọn các môn học, thời gian học phù hợp với nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

3. Điểm tồn tại

Hàng năm vẫn còn một tỷ lệ nhỏ SV chưa tốt nghiệp đúng tiến độ do chưa hoàn thành các yêu cầu về học phần. Ngoài những nguyên nhân chủ quan, việc đào tạo theo tín chỉ và do số lượng SV trong ngành đào tạo ngày càng ít cũng hạn chế khả năng đăng ký học lại đối với SV còn nợ học phần do phải đợi nhiều học kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2020-2021, Bộ môn PPDHTA sẽ tiếp tục công tác giám sát, thông tin đến từng SV chưa hoàn thành các học phần đúng tiến độ để có thể chủ động lên kế hoạch học tập thích hợp. Bộ môn PPDHTA yêu cầu đội ngũ GV, GV kiêm nhiệm vai trò CVHT, thường xuyên nhắc nhở, theo sát để hỗ trợ SV hoàn thành tốt việc học.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

SV ngành SPTA luôn được hỗ trợ, tư vấn kịp thời những thông tin liên quan đến

việc học và các hoạt động khác thông qua nhiều kênh. Cụ thể, mỗi lớp chuyên ngành SPTA được cố vấn bởi một CVHT giàu kinh nghiệm (về chuyên môn và hiểu rõ những quy định trong công tác học vụ). Mỗi CVHT có nhiệm vụ quản lý lớp được phân giao trong suốt khóa học nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho SV cũng như GV làm việc cùng nhau. Thông tin liên lạc của CVHT được công khai đến SV của lớp thông qua website hệ thống quản lý tại <https://tansinhvien.ctu.edu.vn/hoc-tap/bo-tri-lop-thoi-khoa-bieu-va-co-van-hoc-tap>. Nhiệm vụ và thời gian làm việc của CVHT được quy định rõ trong Quy chế của Trường, điển hình CVHT thực hiện một số công tác chính như sau:

- Tư vấn, hỗ trợ và giúp đỡ SV trong việc lên kế hoạch cũng như cung cấp thông tin cần thiết trong suốt quá trình học tập và rèn luyện.
- Tổ chức họp lớp trong mỗi học kỳ theo thời khóa biểu do nhà trường định sẵn (tiết 09, ngày thứ tư; 4 tuần 1 lần) để nắm tình hình lớp, định hướng việc học và thông tin cũng như triển khai các thông báo của Bộ môn, Khoa và Trường.
- Tổ chức đánh giá điểm rèn luyện cho SV.

Hằng năm, BCN Khoa và Bộ môn đều tổ chức buổi sinh hoạt đầu khóa chào đón tân SV. Trong buổi sinh hoạt, luôn có mặt đại diện BCN Khoa, Bộ môn, CVHT, Trợ lý đào tạo cùng đội ngũ GV và hoạt động giải đáp thắc mắc cũng như tư vấn cho SV luôn là hoạt động thu hút nhiều sự quan tâm chú ý nhất [[H2.02.03.01](#)].

Ngoài ra, SV của Khoa cũng có cơ hội gặp trực tiếp BGH Trường thông qua cuộc gặp mặt thường niên nhằm phản ánh về thông tin của Trường; về việc dạy và học cũng như điều kiện phục vụ cho việc dạy và học; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập và rèn luyện; xây dựng trường lớp, vệ sinh môi trường, tinh thần kỷ luật, ý thức tự quản, phong trào SV; và các ý kiến đề xuất, kiến nghị có liên quan đến công tác chung của thầy và trò (<https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1612-hieu-truong-gap-go-dai-bieu-sinh-vien-nam%202019.html>). Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng và lãnh đạo Nhà trường có hướng chỉ đạo thực hiện.

Liên quan đến hoạt động học tập và đào tạo, SV ngành SPTA nhận được sự hỗ trợ tích cực. Dưới sự chỉ đạo của Trường, PĐT tiến hành lập kế hoạch và công bố (trên website và văn bản gửi về Khoa) các thông báo liên quan đến học tập, đào tạo của SV như kế hoạch đăng ký học phần trực tuyến, kế hoạch đăng ký học phần của từng học kỳ, các thông báo về xóa lớp học phần không đủ sĩ số, thông báo mở lại website nhập kế hoạch học tập... PĐT cũng kết hợp với Bộ môn, Khoa và Phòng CTSV hướng dẫn thực hiện các công tác khác liên quan đào tạo như việc xét miễn, công nhận điểm hoặc rút học phần.

Bên cạnh đó, đội ngũ GV nắm vững kiến thức chuyên môn và tâm lý sư phạm tạo nên môi trường lớp học rất dân chủ, có sự tương tác và tôn trọng giữa GV và SV, từ đó giảm bớt áp lực cho SV trong học tập và giúp SV tâm huyết với ngành học của mình. Đặc biệt, SV có cơ hội từng bước tiếp cận hoạt động NCKH thông qua việc tham gia các đề tài nghiên cứu [H8.08.04.01]... Nhờ vào sự hỗ trợ tích cực từ các bên, SV ngành SPTA luôn được tạo điều kiện tốt nhất để phát triển.

Để tạo bầu không khí tâm lý thoải mái, giúp SV yên tâm học tập và nghiên cứu, KNN (dưới sự hỗ trợ của Đoàn Thanh niên KNN tại <https://sfl.ctu.edu.vn/20-dang-doan-the/14-doan-thanh-nien.html>) thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ giữa các đơn vị trong và ngoài Trường, tổ chức dã ngoại, tham quan học tập, tham gia câu lạc bộ, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, hoạt động học thuật, hướng nghiệp [H8.08.04.02].

Nhà trường cũng có kế hoạch triển khai các hoạt động tư vấn hỗ trợ việc làm cho người học như tổ chức sự kiện hội chợ việc làm, mời các nhà tuyển dụng giới thiệu với SV những vị trí, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp [H1.01.03.02]. Đặc biệt, SV ngành SPTA còn có cơ hội trải nghiệm hoạt động giảng dạy, học tập tại các trường phổ thông thông qua 02 học phần Kiến tập và Thực tập sư phạm. Đây được xem là hoạt động thực tập nghề nghiệp chủ chốt và là cơ hội để SV tiếp xúc trực tiếp với các nhà tuyển dụng

tiềm năng (là các trường THPT), nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Cũng chính vì thế, dưới sự chỉ đạo của Trường, KNN kết hợp với Khoa Sư phạm lên kế hoạch và triển khai hoạt động này một cách chuyên nghiệp để hỗ trợ SV, từ khâu liên hệ các Sở giáo dục, các trường học đến lập các kế hoạch chi tiết phân công cán bộ hướng dẫn đoàn [H3.03.02.04]. Trong công tác chuẩn bị cho hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm gần đây nhất (2019) KNN đã tổ chức buổi tọa đàm, mời giáo viên có kinh nghiệm từ Trường Phổ thông đến tập huấn, chia sẻ kỹ năng cho SV với mục đích trang bị cho SV cả về kiến thức lẫn tinh thần giúp SV có sự chuẩn bị và đạt kết quả tốt nhất cho hoạt động kiến tập, thực tập [H1.01.03.04].

Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV, cựu SV về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm [H1.01.03.03]. Kết quả phản hồi cho thấy mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Bộ môn PPDHTA - KNN là rất cao [H3.03.01.02].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động liên quan đến việc tư vấn, hỗ trợ được Bộ môn PPDHTA, KNN thực hiện rất hiệu quả. Thông tin về cơ cấu tổ chức của Nhà trường, của Khoa và của Bộ môn luôn được cập nhật và công bố công khai nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn liên quan đến lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm. Việc tiếp cận và sử dụng một cách hiệu quả sự trợ giúp của các BLQ (CVHT, trợ lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, Ban chấp hành liên chi đoàn, Hội SV, GV) cũng mang lại hiệu quả tích cực.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về các hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của các BLQ chưa được chi tiết hóa. KNN chưa đa dạng hóa trong phương thức hướng nghiệp cho các em do nhu cầu việc làm cho SV ngành SPTA sau khi tốt nghiệp ở thời điểm hiện tại là khá đa dạng chứ không đơn thuần là làm công tác giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN đề xuất và phối hợp với TTQLCL Trường chi tiết hóa nội dung đánh giá về các hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập theo từng chuyên ngành cụ thể. KNN sẽ có kế hoạch mở rộng hoạt động liên hệ thực tập thực tế cho SV tại nhiều loại hình cơ sở đào tạo (trường học, trung tâm ngoại ngữ, ...), đa dạng hóa cơ hội việc làm cho SV.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Trường ĐHCT có khuôn viên rộng lớn, trong đó có 3 khu tọa lạc tại TP Cần Thơ [H8.08.05.01]. SV ngành SPTA chủ yếu học tập và tham gia các hoạt động khác tại KNN tọa lạc trong khuôn viên Khu 1 trên đường 30/4 và Khu 2 trên đường 3/2 – Thành phố Cần Thơ. Khu 1 bao gồm KNN (văn phòng KNN, phòng học, phòng đa phương tiện, phòng hội thảo và hội trường KNN) và một số khu chức năng khác [H8.08.05.02]. Khu 2 có Nhà Điều hành, khu nhà học, các Khoa, Viện, Ký túc xá (KTX) SV, Trạm y tế của Trường, Nhà thi đấu đa năng và phòng tập gym... [H8.08.05.03]. Cảnh quan của Trường được quy hoạch theo hướng xanh, sạch, đẹp tạo môi trường tâm lý, xã hội tích cực gắn kết môi trường thân thiện với các hồ sen, bãi cỏ xanh, vườn hoa, vườn cây bàng có thiết kế các nhà mát với bàn ghế, ổ điện, wifi toàn trường nhằm phục vụ nhu cầu học, tự học, nghiên cứu, họp nhóm, thảo luận, sinh hoạt câu lạc bộ và các hoạt động ngoài trời của SV. Hệ thống chiếu sáng đầy đủ, có chốt gác và bảo vệ trực ngày và đêm quanh các khu vực của Trường.

Nhằm tạo sự thoải mái cho SV trong việc học tập, ngoài số lượng phòng học do KNN quản lý tại Khu 1, Khoa cũng có thể sử dụng hệ thống phòng học chung của Trường. Tất cả các phòng đều được trang bị đầy đủ các phương tiện phục vụ việc dạy và học như máy chiếu cố định hoặc TV màn hình lớn, hệ thống âm thanh, ánh sáng... với sức chứa từ 40 đến 160 SV. Đối với việc tổ chức những sự kiện học thuật hay hoạt động ngoại khóa đặc thù dành cho SV ngành SPTA, hội trường KNN với sức chứa trên 100 người thường là địa chỉ quen thuộc. Ngoài ra, với những hoạt động có quy mô lớn hơn hay có nhiều hoạt động diễn ra đồng thời, KNN có thể mượn hội trường của các Khoa khác trong Trường hoặc sử dụng hệ thống Hội trường của Nhà điều hành, hội trường lớn của Trường. Các phòng học và hội trường được trang bị đầy đủ, cùng với hệ thống wifi ổn định, tạo thuận lợi cho các hoạt động dạy và học, NCKH và các hoạt động khác trong toàn Trường.

Trường có ba khu KTX: Khu A, B và C (Hòa An) với tổng sức chứa hơn 8.500 chỗ đều có nhà gửi xe, và các dịch vụ tiện ích khác [H8.08.05.04]. KTX được thiết kế với các loại phòng khác nhau (phòng 02 người, 04 người, và 08 người), giá cả phù hợp giúp SV và học viên cao học có nhiều sự lựa chọn phù hợp với nhu cầu học tập và tài chính của bản thân. Khu KTX có hệ thống chiếu sáng và nguồn cung cấp nước sạch đầy đủ, có công kiểm soát chặt chẽ nên đảm bảo an ninh cho người ở. Bên cạnh đó, hệ thống wifi miễn phí giúp cho việc học tập và nghiên cứu của SV được thuận tiện hơn. SV được cung cấp Cẩm nang SV và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử trong quá trình lưu trú tại KTX [H8.08.05.05].

Trường ĐHCT tuyệt đối tuân thủ quy định về chăm sóc sức khỏe cho SV toàn Trường. Chính vì vậy, 100% SV KNN được tham gia bảo hiểm y tế. Vào đầu khóa học, SV được tổ chức khám sức khỏe nhằm đảm bảo sức khỏe tốt nhất phục vụ việc học tập, NCKH và tham gia các hoạt động khác [H8.08.05.06]. Ngoài ra, trạm Y tế của Trường có bác sĩ khám bệnh và cấp phát thuốc trong giờ hành chính, viên chức y tế khác trực 24/24 để xử lý các tình huống y tế.

Hằng năm, KNN đều tổ chức các buổi lấy ý kiến SV và các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong đơn vị nhằm có thêm thông tin để lãnh đạo KNN, Trường có kế hoạch điều chỉnh, cải tiến nhằm mang lại không gian, môi trường tích cực nhất cho SV học tập, NCKH, vui chơi giải trí [H1.01.03.03]. Kết quả phản hồi cho thấy mức độ hài lòng của các BLQ đối với môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan xung quanh của đơn vị là rất tích cực [H3.03.01.02].

2. Điểm mạnh

Môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn cùng với hệ thống chăm sóc y tế, sức khỏe tích cực luôn được ban lãnh đạo Trường ĐHCT, KNN quan tâm tạo điều kiện thuận lợi nhất để SV phát huy tối đa nhiệm vụ học tập, NCKH và phát triển toàn diện bản thân. Ngoài ra SV thường xuyên được cập nhật thông tin, nắm bắt kịp thời những quy định mới góp phần tạo nên môi trường sống và học thuật hoàn thiện hơn.

3. Điểm tồn tại

Hiện các phòng làm việc cũng như phòng học tọa lạc tại Khu 1, KNN chủ yếu là sửa chữa và trưng dụng lại từ các tòa nhà cũ nên nhìn chung hệ thống khuôn viên, môi trường cảnh quan tại Khoa vẫn còn khá chật hẹp và chưa được hiện đại như các khu khác của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN kiến nghị Trường xúc tiến đầu tư cải tạo, sửa chữa lại toàn bộ khuôn viên KNN, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đội ngũ GV làm việc cũng như thúc đẩy việc học tập, NCKH, sinh hoạt của SV, đặc biệt ngành SPTA đạt hiệu quả cao nhất. Ngoài ra, BCN Khoa, Bộ môn sẽ tổ chức thường xuyên hơn các buổi tọa đàm, tuyên truyền ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ cảnh quan trong khuôn viên của Khoa cho toàn thể đối tượng SV và nhân viên.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Chất lượng đào tạo ngành SPTA được đánh giá thông qua kết quả, mức độ đạt được mục tiêu CDR của SV. Cũng chính vì thế, KNN luôn chú trọng đến công tác hỗ trợ (học thuật, NCKH, dịch vụ) và tư vấn thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Việc xác định rõ mục tiêu tuyển sinh đầu vào cùng với các tiêu chuẩn nhất định, sau đó là công tác đào tạo xuyên suốt được xem là yếu tố quyết định cho chất lượng. Bên cạnh đó việc tạo môi trường học tập, NCKH và sinh hoạt thân thiện xanh sạch đẹp cũng mang lại những giá trị rất tích cực.

Tuy nhiên, phương thức tuyển sinh ngành SPTA vẫn chưa đa dạng do chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm được phân bổ khá hạn chế. Vì vậy phương thức xét tuyển chủ yếu được thực hiện theo phương pháp truyền thống. Ngoài ra công tác hướng nghiệp cho SV sau khi tốt nghiệp chưa đáp ứng đầy đủ, kịp thời so với sự thay đổi nhanh chóng trong thị trường việc làm cũng như nhu cầu về việc làm của ngành SPTA. Bên cạnh đó diện tích, cảnh quan môi trường tại KNN vẫn còn khá chật hẹp và chưa được hiện đại hóa. Đây cũng là một trở ngại hạn chế chất lượng đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học. Chính vì thế, trong thời gian sắp tới KNN tranh thủ sự hỗ trợ, chỉ đạo từ Trường tiến hành thực hiện các kế hoạch hành động phù hợp thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ, nâng cao chất lượng người học.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn là: 5,2/7

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHCT nói chung, KNN nói riêng luôn xác định cơ sở vật chất (CSVCh) và trang thiết bị đóng vai trò rất quan trọng trong việc hỗ trợ đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý, đào tạo, NCKH. Điều này được thể hiện cụ thể qua hệ thống CSVCh mà Trường đã đầu tư cho Khoa và có kế hoạch cải tiến theo từng năm học.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

KNN được trang bị hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp hỗ trợ tích cực các hoạt động đào tạo và NCKH [[H9.09.01.01](#)]. Hiện nay, Khoa đang sử dụng Nhà số 2, 3, 4 tại Khu 1, đường 30 tháng 4, Thành phố Cần Thơ, gồm hệ thống các phòng làm việc của các đơn vị trực thuộc Khoa như VPK, văn phòng các Bộ môn, văn phòng Đoàn Thanh niên, Công đoàn, phòng lưu trữ, phòng chuyên gia nước ngoài, phòng họp, phòng chuyên đề, hội trường 120 chỗ và phòng làm việc cho Trưởng/Phó Trưởng Khoa.

Bộ Môn PPDHTA trực thuộc KNN là đơn vị trực tiếp quản lý ngành SPTA có văn phòng Bộ môn riêng, được trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết bao gồm 03 máy tính, 03 máy in, 01 máy scan, 01 tủ đựng tài liệu và các trang thiết bị khác đảm bảo đúng tiêu chuẩn về điều kiện ánh sáng, nhiệt độ, an toàn lao động [[H9.09.01.02](#)]. Mỗi cán bộ GV được cung cấp một hòm thư riêng để lưu trữ vật dụng cá nhân, thư từ, công văn giấy tờ... nhằm thuận tiện cho việc trao đổi, liên lạc với đồng nghiệp, SV và các BLQ.

Nhằm phục vụ cho hoạt động dạy và học, NCKH, KNN được Trường phân giao sử dụng các phòng học dãy K1 tọa lạc trong khuôn viên Khu 1. Các phòng được trang bị máy lạnh, có sức chứa từ 25-35 SV. Ngoài ra, Khoa còn sử dụng hệ thống phòng học chung tọa lạc ở Khu 2 của Trường. Tất cả các phòng đều được trang bị màn hình LCD/projector có kết nối cáp quang hoặc wifi trong phòng học. Hệ thống bàn ghế tiện nghi, SV có thể di chuyển sắp xếp bàn ghế phù hợp các hoạt động thảo luận nhóm, làm bài tập thực hành. Do đặc thù ngành SPTA là ngành đào tạo giáo viên giảng dạy ngôn ngữ tiếng Anh, vì thế để phục vụ cho các hoạt động thực tập kỹ năng sư phạm cũng như kỹ năng ngôn ngữ, KNN cũng đầu tư 01 phòng tập giảng với các trang thiết bị phù hợp cho hoạt động. SV sau khi học xong các học phần lý thuyết về giảng dạy trên lớp có thể trung dụng phòng tập giảng để thực tập dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của GV và nhân viên phụ trách mảng CSV. Ngoài ra SV cũng có thể sử dụng các dịch vụ nghe nhìn, thông tin học liệu... tại TTHL với thủ tục đăng ký sử dụng trực tuyến rất đơn giản và nhanh gọn tại <https://lrc.ctu.edu.vn/>. Nhằm phục vụ các hoạt động, KNN có trang bị 01 hội trường lớn, 01 phòng họp, 01 phòng chuyên đề.

Hàng năm KNN thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của GV thông qua các cuộc họp Bộ môn [H1.01.03.02], Giao ban Khoa [H1.01.03.01] cũng như buổi tổng kết năm học [H4.04.01.02], khảo sát ý kiến người học về mức độ hài lòng đối với hệ thống CSV trong việc hỗ trợ các hoạt động học tập, NCKH của SV [H1.01.03.03].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT, KNN có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc cũng như các phòng chức năng được trang thiết bị đầy đủ, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất có thể nhằm phục vụ cho việc đạt được các mục tiêu CDR trong CTĐT ngành, cụ thể là các hoạt động liên quan đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động ngoại khóa.

3. Điểm tồn tại

Phòng làm việc của Bộ môn PPDHTA có diện tích nhỏ so với quy mô đội ngũ GV. Do đó, chưa khuyến khích được GV tích cực đến văn phòng Bộ môn, hạn chế việc trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy cũng như hoạt động gặp gỡ SV. Hiện KNN chưa có thư viện riêng đặt tại Khoa. Điều này cũng hạn chế sự linh hoạt cho các hoạt động học thuật, NCKH trong SV và GV.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo KNN tiếp tục xin ý kiến chỉ đạo của Trường tiến hành rà soát, sửa chữa, nâng cấp, hoặc xây mới một số công trình, đầu tư mới hệ thống CSVC cho KNN. Cụ thể KNN lên kế hoạch tạo thêm không gian cho SV thực tập ngôn ngữ, kỹ năng giảng dạy (các phòng seminar, tập giảng...), gặp gỡ GV trao đổi thêm về các nội dung trên lớp, chia sẻ thêm kinh nghiệm sống và học tập. Ngoài ra Bộ môn sẽ đề nghị lên Khoa làm cơ sở báo cáo Trường xin đầu tư thêm một thư viện đặt tại KNN phục vụ cho SV, GV.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nguồn cung cấp học liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT ngành SPTA chủ yếu đến từ TTHL trực thuộc Trường ĐHCT (<https://lrc.ctu.edu.vn/>). Xét về quy mô, TTHL được xây dựng trên diện tích đất 7.560 m² tọa lạc tại khu 2, đường 3 tháng 2, Thành phố Cần Thơ, là một trong những TTHL lớn nhất nước và hoạt động có hiệu quả nhất hiện nay. TTHL cũng là thành viên tích cực của Mạng lưới Liên

Thư viện trực tuyến AUN (AUNILO) với các hoạt động chi sẻ nghiệp vụ, học thuật, và liên kết tài nguyên có nhiều ý nghĩa.

TTHL được xây dựng thành 04 tầng với tổng diện tích sử dụng là 7.200 m² (xem Bảng 9.1).

Bảng 9.1: Bản mô tả sơ đồ bố trí TTHL

Tầng	Mô tả
01	Sân cỏ hoạt động ngoài trời; Căn tin giải khát và học tập; Hồ cá thư giãn; Thùng trả sách 24/24; Khu vực tự học ngồi trên sàn; Quầy mượn, trả, gia hạn tài liệu, giao dịch làm thẻ và các dịch vụ có thu; Bộ phận giao dịch thanh toán ra Trường; Khu vực tài liệu tham khảo; Khu vực bàn tự học; Khu vực máy tính; Quầy mượn chìa khoá gửi đồ cá nhân & Bàn Thông tin; Khu vực tủ gửi đồ cá nhân; Photo và in tài liệu theo yêu cầu; Góc SV sáng tạo nghệ thuật; Không gian chia sẻ tri thức.
02	Quầy tư vấn thông tin học thuật; Khu vực máy tính tra cứu nhanh tài liệu (OPAC); Phòng thảo luận; Khu vực học yên tĩnh; Khu vực giới thiệu sách mới; Khu vực máy tính; Khu vực tài liệu chuyên khảo tiếng Việt; Phòng Dịch vụ Thông tin; Cây tri thức.
03	Dịch vụ nghe nhìn và học ngoại ngữ; Phòng Thảo luận nhóm; Phòng Nghiên cứu Sau đại học; Khu vực máy tính; Quầy tư vấn thông tin học thuật; Luận án ThS, TS; Tài liệu tham khảo ngoại văn; Báo - Tạp chí; Tạp chí đóng bộ lưu trữ 5-10 năm; Khu vực thư giãn có TV; Phòng huấn luyện; Phòng Tài nguyên Thông tin.
04	Hội Trường 160 chỗ ngồi với trang thiết bị hiện đại, có cầu truyền hình và hệ thống phiên dịch song song; Phòng Hội nghị 120 chỗ ngồi; Phòng

Tầng	Mô tả
	tập huấn 32 máy tính; Phòng họp 40 chỗ ngồi; Khu vực trưng bày; Ban Giám đốc; Phòng Hành chính; Phòng CNTT Hội Trường và các phòng hội nghị được cho thuê và phục vụ các Hội nghị, Hội thảo trong và ngoài nước.

Bảng 9.2 mô tả tổng quan về CSVC tại TTHL phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động của cán bộ nhân viên, SV trong đó có ngành SPTA.

Bảng 9.2: Tổng quan về CSVC tại TTHL (4/2020)

Loại hình	Số lượng
Máy tính	411
Dữ liệu nghe nhìn	
- CD, VCD	8,400
- Video	100
Phòng tự học/nghiên cứu	12
Đầu sách	297,068
- Đầu sách phục vụ ngành SPTA	7,451
Thư viện điện tử có liên kết	35

Ngoài ra TTHL còn thường xuyên cập nhật tài liệu, nguồn tư liệu điện tử nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập và NCKH cho SV. TTHL đã mua và sử dụng các cơ sở dữ liệu điện tử như Emeraldinsight, ProQuest, Cabi, Springerlink, Ebrary,

Research4Life, IGI Global... Hệ thống cơ sở dữ liệu này cho phép người dùng truy cập từ hệ thống trong lẫn bên ngoài trường. Năm 2019, TTHL đã mua bản quyền truy cập bộ sách điện tử Ebrary Academic Complete với khoảng 150.000 quyển sách điện tử đa ngành. [H9.09.02.01]. Hàng năm, TTHL đều thực hiện dự toán phân bổ kinh phí cho việc mua sách, báo, tạp chí hay các cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ cho các đơn vị [H9.09.02.02].

Để giúp người dùng khai thác tốt các nguồn tài nguyên học liệu, ngoài các hướng dẫn quy định sử dụng TTHL được công bố công khai trên trang thông tin điện tử (<https://lrc.ctu.edu.vn/index.php/manual>), TTHL thường xuyên mở các lớp hướng dẫn sử dụng, khai thác TTHL [H9.09.02.03] cũng như có sổ theo dõi tình hình sử dụng dịch vụ của TTHL [H9.09.02.04]. Ngoài ra, ban lãnh đạo luôn chú trọng việc lắng nghe ý kiến phản hồi của người dùng để cải thiện chức năng phục vụ của TTHL được tốt hơn qua khảo sát online [H9.09.02.05].

Ngoài nguồn học liệu chính từ TTHL, SV ngành SPTA cũng có thể sử dụng chung nguồn học liệu từ thư viện Khoa Sư phạm nơi tập trung một lượng lớn đầu sách ngoại văn, sách về kỹ năng ngôn ngữ, kiến thức về văn hóa, văn chương, lịch sử và các kỹ năng cần thiết cho nghề giảng dạy (Kỹ năng nói trước công chúng, kỹ năng thuyết trình...). Ngoài ra SV còn có thể tham khảo thêm một số đầu sách chuyên ngành có sẵn ở tủ sách của Bộ môn PPDHTA. Tuy nhiên số lượng cũng như quy mô đầu sách còn khá hạn chế.

2. Điểm mạnh

Nhà Trường luôn chú trọng đến công tác cung cấp dịch vụ, tư liệu học tập cho cán bộ và SV thông qua nhiều kênh điển hình là TTHL Trường. Với sự đầu tư lớn về các nguồn tư liệu phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu cùng với hệ thống quy định, hướng dẫn cụ thể rõ ràng và luôn có sự cập nhật, TTHL góp phần việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Giáo trình, tài liệu phục vụ kỹ năng, phương pháp giảng dạy chuyên biệt dành cho ngành SPTA còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Bộ môn lên kế hoạch rà soát định kỳ những danh mục tài liệu liên quan đến mảng kỹ năng, phương pháp giảng dạy môn tiếng Anh yêu cầu TTHL bổ sung trong những đợt cập nhật tư liệu hằng năm.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

KNN được trang bị đầy đủ hệ thống phòng thực hành phục vụ nhu cầu đào tạo cũng như NCKH cho khối ngành ngoại ngữ trong đó có ngành SPTA [[H9.09.01.01](#)]. Hiện tại, KNN được trang bị 02 phòng máy tính hỗ trợ các hoạt động học thuật, mỗi phòng có 28 máy tính được kết nối mạng internet; 01 phòng thực hành ngôn ngữ được trang bị đầy đủ trang thiết bị hiện đại như hệ thống âm thanh, tai nghe, màn chiếu và tivi. Ngoài ra, KNN còn có 01 phòng thực hành sư phạm phục vụ nhu cầu tập giảng cho SV, tạo điều kiện thuận lợi để SV triển khai các hoạt động liên quan đến hoạt động thực tập giảng dạy. Trong khuôn khổ Đề án ngoại ngữ Quốc gia, Trường và Khoa còn được hỗ trợ kinh phí xây dựng phòng Lab sử dụng riêng cho việc đào tạo ngoại ngữ với đầy đủ máy tính và các chương trình phần mềm phục vụ giảng dạy tiếng Anh và một phòng học kiểu mẫu dành riêng cho việc thực tập giảng dạy được đặt tại nhà học C2 tại Khu 2 [[H9.09.03.01](#)]. Vì thế SV ngành SPTA có thêm môi trường thực hành, tập giảng và thực hiện các hoạt động chuyên môn khác. Ngoài ra Đề án còn cung cấp cho người học hệ

thống các phần mềm chuyên môn phục vụ cho công tác tập sự giảng dạy nâng cao năng lực chuyên môn [[H9.09.03.02](#)].

Việc bảo dưỡng và cập nhật thiết bị mới cho các phòng chức năng cũng được KNN quan tâm và thực hiện hằng năm theo đúng chính sách chung của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH [[H9.09.03.03](#)].

Nhằm đảm bảo công tác phục vụ cũng như thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát mức độ hiệu quả việc sử dụng các phòng thực hành tại KNN, TTHL của Trường, ban lãnh đạo Khoa và Nhà trường đều phân công hợp lý đội ngũ cán bộ phụ trách ở từng khu vực cụ thể; có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị [[H9.09.03.04](#)].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng thực hành, trang thiết bị phục vụ đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu cho hoạt động đào tạo và NCKH cho GV và SV ngành SPTA. Được Khoa và Trường quan tâm và hỗ trợ tích cực trong việc sửa chữa, mua sắm và trang bị thêm các thiết bị mới cũng như có chính sách theo dõi quản lý phục vụ hiệu quả cho việc dạy và học của GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Việc sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị đôi lúc còn chậm, việc thu thập thông tin phản hồi về chất lượng dịch vụ chưa được thực hiện thường xuyên, ảnh hưởng đến việc cập nhật và điều chỉnh chất lượng dịch vụ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, KNN tiến hành rà soát lại tất cả hệ thống trang thiết bị, phòng chức năng nhằm đánh giá chất lượng dịch vụ và đề xuất nhà Trường có kế hoạch bổ sung, thay thế nếu cần thiết. Ngoài ra, Khoa còn thực hiện việc lấy ý kiến, xử

lý ý kiến phản hồi từ phía người sử dụng dịch vụ thường xuyên hơn nhằm mang lại hiệu quả sử dụng tối ưu nhất.

5. *Tự đánh giá:* tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT cũng như hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử... tại đơn vị Trường ĐHCT, cũng như KNN do TTTT&QTM đảm nhiệm (<https://inac.ctu.edu.vn/>). Có thể khẳng định hệ thống CNTT tại Trường ĐHCT hoạt động ổn định, chất lượng hỗ trợ tích cực các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Ngoài hệ thống máy tính có kết nối mạng Internet, các hệ thống khác như mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, hệ thống dạy và học trực tuyến (e-learning), trang thông tin điện tử và một TTHL hiện đại với quy mô lớn và công nghệ tiên tiến cũng được đầu tư.

Hệ thống mạng Internet và website của Trường hoạt động rất hiệu quả. Wifi được phủ sóng trên phạm vi toàn Trường tạo điều kiện tối đa cho GV và SV tiếp cận thông tin để học tập và nghiên cứu. Tại Trường ĐHCT, mỗi cán bộ GV và SV đều được cung cấp một tài khoản email cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc liên hệ, thông tin liên lạc. Đồng thời mỗi cán bộ GV và SV còn được cấp 1 tài khoản thông tin tích hợp cá nhân trên hệ thống của Trường. Vì thế, cán bộ GV có thể cập nhật thông tin cá nhân, xem thời khóa biểu giảng dạy, khối lượng công tác và quản lý SV trên tài khoản này. SV cũng vào tài khoản để lập kế hoạch học tập, đăng ký môn học, xem điểm và đánh giá GV vào mỗi khóa học.

Trường ĐHCT còn có hệ thống dạy học và đánh giá trực tuyến rất mạnh, sử dụng các phần mềm dạy học trực tuyến phổ biến hiện nay như Dokeos, Edmodo, Moodle. Thông tin hệ thống học tập trực tuyến có thể truy cập tại website <https://elde.ctu.edu.vn>. Có thể thấy đây là những công cụ hỗ trợ hữu hiệu giúp giáo viên chia sẻ thông tin, cung cấp kiến thức và đánh giá kết quả học tập của SV.

Để đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động tốt, hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp trong phạm vi toàn Trường [H9.09.04.01]. Bên cạnh đó, việc tập huấn CNTT cho cán bộ nhằm kịp thời cập nhật và có thể sử dụng hiệu quả hệ thống công nghệ cũng được tổ chức thường xuyên [H9.09.04.02].

Nhằm kịp thời điều chỉnh, thay đổi chính sách liên quan hệ thống CNTT phục vụ nhu cầu đào tạo, NCKH cho cán bộ, SV, Trường ĐHCT cũng thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và các BLQ [H1.01.03.03]. Thông qua khảo sát, mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT được đánh giá một cách chính xác, làm tham chiếu cho hoạt động lên kế hoạch và điều chỉnh.

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT tại Trường ĐHCT hoạt động ổn định, thường xuyên được bảo trì, cập nhật góp phần to lớn trong việc hỗ trợ các hoạt động quản lý, đào tạo, học thuật cũng như NCKH, mang lại hiệu quả cao. Ngoài ra, việc số hóa các hoạt động cũng giúp các BLQ tiếp cận thông tin và sử dụng hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống wifi ở một số khu vực hoạt động chưa ổn định, gây trở ngại trong việc đào tạo và nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN tiếp tục khuyến khích cán bộ tích cực khai thác, sử dụng các phần mềm nhà Trường đã mua. Song song đó, kiến nghị TTTT&QTM rà soát nâng cấp các khu vực wifi hoạt động không ổn định.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Các tiêu chuẩn về môi trường tự nhiên, sức khỏe và an toàn cho đội ngũ cán bộ, SV được trường ĐHCT chú trọng và là ưu tiên hàng đầu [H9.09.05.01]. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và SV được quy định rõ ràng theo đúng quy định của Nhà nước, cụ thể Nghị định 80/2017/NĐ - CP của Thủ tướng chính phủ [H9.09.05.02].

Cơ sở hạ tầng của Trường được thiết kế và xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn về môi trường có diện tích cây xanh và công viên nhiều hơn diện tích xây dựng. Khuôn viên Trường ĐHCT được cây xanh bao phủ tạo cảm giác mát mẻ là nơi học tập và vui chơi lý tưởng cho SV. Nhà trường có đội ngũ nhân viên vệ sinh đảm bảo khuôn viên trường luôn được xanh sạch đẹp phù hợp với một môi trường học thuật lành mạnh. Đoàn Trường cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường học tập, cụ thể như: quét dọn làm vệ sinh, trồng cây xanh theo quy hoạch của Trường, làm cỏ, phát hoang bụi rậm tạo mỹ quan và chống muỗi truyền bệnh [H9.09.05.03].

Khuôn viên của KNN và các nhà học cũng được đầu tư và chỉnh trang đảm bảo mảng xanh cho môi trường làm việc. Công tác dọn vệ sinh cũng như ý thức giữ gìn vệ sinh được kiểm tra thường xuyên. Bên cạnh đó, Đoàn Khoa KNN thường xuyên tổ chức

các buổi lao động trồng cây và dọn vệ sinh, thu gom phế liệu nhằm giúp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của SV, cũng như giữ gìn và xây dựng môi trường làm việc học tập tại Khoa xanh, sạch, đẹp [[H9.09.05.04](#)].

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và SV, Trường có chính sách hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ mỗi năm [[H9.09.05.05](#)]. Trường có trạm y tế khá đầy đủ trang bị sơ cứu ban đầu và điều trị các bệnh thông thường, đồng thời sẵn sàng tư vấn hỗ trợ cán bộ và SV về vấn đề sức khỏe. Ngoài ra Trường cũng như Khoa luôn quan tâm đến các dịch bệnh và chủ động phản ứng kịp thời. Cụ thể là việc Trường đã thành lập ngay các Tổ phòng chống dịch Covid 19 và có những phương án nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro về sức khỏe cho cán bộ và SV trường trong suốt thời gian diễn ra dịch bệnh [[H9.09.05.06](#)]. Ngoài ra, phòng CTSV Trường cũng thường xuyên phối hợp với các cơ sở y tế trên địa bàn Thành phố Cần Thơ tổ chức tọa đàm, hội thảo tư vấn hướng dẫn quy trình khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm y tế cho SV hay các chuyên đề giao lưu nhằm trang bị kiến thức chăm sóc sức khỏe cá nhân và nâng cao ý thức sức khỏe cộng đồng [[H9.09.05.07](#)]. Trường cũng tổ chức các hội thi “An toàn vệ sinh giới”, thực hiện “Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động” với nội dung, kế hoạch hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, đánh giá cụ thể bên cạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn vệ sinh lao động [[H9.09.05.08](#)].

Vấn đề an ninh trong khuôn viên Trường ĐHCT cũng được thực hiện rất chặt chẽ. Tất cả các khu làm việc, nhà học đều có cổng ra vào, có đội bảo vệ canh gác 24/24 và có hệ thống camera an ninh giám sát. Hệ thống đèn chiếu sáng luôn được đảm bảo đầy đủ đảm bảo an toàn cho GV và SV yên tâm giảng dạy và học tập. Nhà trường đã xây dựng hệ thống các quy định về việc đi lại, ăn mặc, nơi để xe, nơi bỏ rác, ... khi vào trường góp phần hiệu quả trong việc xây dựng môi trường học tập văn minh và an toàn trong khuôn viên Nhà trường.

Công tác phòng chống cháy nổ được xem là mối quan tâm hàng đầu, hàng năm

đều được lãnh đạo Trường chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy, chữa cháy và có thể thực hiện việc cứu nạn tại chỗ khi có tai nạn xảy ra. Nhà Trường luôn đảm bảo sẵn sàng lực lượng ứng phó thường trực, trang bị phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ xảy ra nhằm hạn chế tối đa thiệt hại. Ngoài ra Trường cũng thường xuyên tổ chức các lớp diễn tập đối phó sự cố và KNN cũng cử cán bộ tham gia tập huấn [[H9.09.05.09](#)].

Về việc phục vụ nhu cầu đặc thù cho người khuyết tật cũng được lãnh đạo Nhà trường quan tâm. Các khu nhà học được xây dựng gần đây như khu D1 và D2 và TTHL cũng đã chú trọng đến việc xây dựng và bố trí các khu vực và thiết bị vệ sinh dành riêng cho nhóm người có nhu cầu đặc biệt cũng như bố trí lối đi thuận lợi hơn cho người phải sử dụng xe lăn. Đối với nhà học không có lối đi riêng cho người khuyết tật thì mỗi đơn vị sẽ đề nghị nhà Trường ưu tiên xếp các lớp học có SV khuyết tật ở tầng trệt của tòa nhà nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các em.

Nhằm đẩy mạnh hiệu quả phục vụ, nâng cao chất lượng, hằng năm TTQLCL Trường tiến hành việc lấy ý kiến khảo sát người học và các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn, tạo môi trường tích cực nhất cho người học [[H1.01.03.03](#)].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm hỗ trợ trong việc thực hiện các tiêu chuẩn liên quan vấn đề môi trường, sức khỏe và an toàn cho toàn thể cán bộ, SV, tạo điều kiện thuận lợi nhất cũng như sự an tâm nhất để cán bộ và SV thực hiện những nhiệm vụ của mình.

3. Điểm tồn tại

Đa phần các tòa nhà, khu vệ sinh KNN không có lối đi, không gian riêng dành cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN tiếp tục xin ý kiến chỉ đạo của Trường về kế hoạch xây mới lại khuôn viên cũng như các phòng chức năng Khoa, có đầy đủ các điều kiện cần thiết về môi trường, sức khỏe và an toàn đảm phục vụ cán bộ và SV của Khoa, đặc biệt là người khuyết tật.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

KNN dưới sự quản lý của Trường ĐHCT có hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động đào tạo, NCKH. Đặc biệt đối với ngành SPTA, mặc dù hiện tại hệ thống CSVC tại KNN chưa được đầu tư hiện đại nhưng đội ngũ GV và SV tận dụng triệt để hiệu quả hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, tạo tiền đề cho việc thực hiện nhiệm vụ, công việc trong tương lai. Hệ thống TTHL, CNTT của Trường cũng tạo điều kiện tối đa cho cán bộ và SV ngành SPTA trong việc nghiên cứu, trao đổi học thuật. Ngoài ra mặc dù còn nhiều hạn chế về điều kiện môi trường, cảnh quan xung quanh KNN, tập thể KNN luôn nỗ lực hết sức trong việc xây dựng cảnh quan môi trường, tạo điều kiện tối đa đảm bảo sức khỏe và an toàn cho tập thể cán bộ và SV hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn là: 5/7

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng đào tạo là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Trường ĐHCT bởi nó là yếu tố quyết định trực tiếp đến sự tồn tại của Trường. Chất lượng đào tạo thể hiện sự uy tín, tính chuyên nghiệp cũng như vị thế của Trường trong khu vực cũng như trên thế giới. Cũng chính vì thế, để đảm bảo ngành SPTA đạt chất lượng cao, thỏa các mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cho xã hội, Trường ĐHCT nói chung, KNN, Bộ môn PPDHTA nói riêng đã luôn phấn đấu hoàn thiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng đào tạo một cách có hệ thống, chặt chẽ. Bộ môn và Khoa luôn chú trọng việc tiếp nhận thông tin đóng góp, phản hồi từ các BLQ (GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng...) để có thêm cơ sở trong việc điều chỉnh, bổ sung, thiết kế, phát triển mới CTDH đảm bảo chất lượng cao nhất từ khâu đào tạo, kiểm tra đánh giá, NCKH đến các loại hình hoạt động khác có liên quan.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả

Việc nâng cao chất lượng đào tạo, cụ thể là nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy và học cần phải được thực hiện liên tục, theo đúng kế hoạch và nhiệm vụ đề ra. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học gắn liền với việc lắng nghe các thông tin phản hồi từ các BLQ làm căn cứ cho hoạt động điều chỉnh, cải tiến CTĐT bao gồm mục tiêu CĐR và CTDH.

CTĐT ngành SPTA được điều chỉnh, cải tiến đồng bộ với chủ trương điều chỉnh, cải tiến CTĐT của trường lần lượt vào các năm 2014 (chương trình áp dụng cho khóa 40

đến 44) [[H2.02.01.01](#)] và 2019 (chương trình áp dụng cho khóa 45 trở về sau) [[H1.01.03.05](#)]. Trước mỗi đợt điều chỉnh, bộ môn PPDHTA đều thực hiện việc khảo sát ý kiến GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần thông qua các buổi họp [[H1.01.03.02](#)] làm căn cứ đánh giá điểm mạnh, điểm hạn chế của CTDH cũ cũng như đề xuất kế hoạch, giải pháp cải tiến chương trình dạy học mới.

Nhằm tăng cường tính cập nhật và chất lượng của CTDH, ngoài các buổi họp chuyên môn được thực hiện định kỳ tại Bộ môn, KNN cũng tranh thủ cơ hội mời các chuyên gia nước ngoài có trình độ chuyên môn cao cũng như giàu về kinh nghiệm giảng dạy chia sẻ với Bộ môn những nội dung cách thức thiết kế, xây dựng CTDH, góp phần hỗ trợ tích cực cho hoạt động điều chỉnh, phát triển CTDH cho ngành SPTA [[H4.04.02.02](#)].

Một kênh thông tin quan trọng khác góp phần giúp Bộ môn có cái nhìn tổng thể về tính hiệu quả của CTĐT hiện tại và có kế hoạch thay đổi điều chỉnh cho CTDH mới chính là bộ phận SV, cựu SV và nhà tuyển dụng. Hàng năm KNN đều thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, chia sẻ nội dung các hoạt động kiến tập, thực tập cho SV mà khách mời là các nhà tuyển dụng tương lai cho ngành SPTA (các Trường phổ thông) [[H1.01.03.04](#)]. Bên cạnh hỗ trợ thông tin cho SV, Bộ môn PPDHTA tranh thủ lắng nghe ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về việc thực hiện công việc tại các cơ sở giảng dạy mà SV sẽ đảm nhận sau khi tốt nghiệp. Đây cũng là cơ sở giúp Bộ môn điều chỉnh lại CTDH sao cho phù hợp, giúp SV đạt mục tiêu CDR hiệu quả nhất. Ngoài ra, Bộ môn dưới sự chỉ đạo của Khoa, kết hợp với TTQLCL Trường thực hiện công tác khảo sát ý kiến đối với SV, cựu SV hàng năm [[H1.01.03.03](#)]. Thông tin từ hoạt động khảo sát giúp Bộ môn có thông tin tham chiếu phục vụ công tác phát triển CTDH hiệu quả hơn.

2. Điểm mạnh

Trong quá trình thiết kế, xây dựng CTDH, KNN thu thập và xử lý ý kiến phản hồi và nhu cầu các BLQ như đội ngũ GV, chuyên gia, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng để làm căn cứ cho hoạt động, góp phần xây dựng CTDH ngày càng hoàn thiện hơn.

3. Điểm tồn tại

Việc tiếp cận và ghi nhận thông tin phản hồi từ các BLQ, đặc biệt là từ phía nhà tuyển dụng vẫn chưa thường xuyên, đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN tiếp tục duy trì việc lắng nghe ý kiến phản hồi của các BLQ, đặc biệt là nhà tuyển dụng về chất lượng CTDH. Bộ môn sẽ lên kế hoạch tăng cường số lượng các buổi tọa đàm giữa các BLQ tại đơn vị, chia sẻ nội dung liên quan đến hoạt động xây dựng, cải tiến chất lượng CTDH. Ngoài ra, Bộ môn sẽ kết hợp với các Bộ môn khác xin ý kiến chỉ đạo từ Khoa, Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động trao đổi, liên kết, các buổi tọa đàm với các chuyên gia nước ngoài để có cái nhìn bao quát và sâu sắc hơn về hoạt động xây dựng CTĐT, CTDH phục vụ cho hoạt động xây dựng, thiết kế và phát triển CTDH cho các ngành tại KNN, trong đó có ngành SPTA.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành SPTA được KNN, Trường ĐHCT xác lập theo đúng quy trình và quy định chung của Bộ GD&ĐT về việc đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ [H1.01.02.01]. Theo đó, CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT, cụ thể nhấn mạnh vai trò trung tâm của CĐR và mối liên kết giữa các thành phần

của CTDH. Tất cả các thành phần liên quan như nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá... đều phải tương thích với các mục tiêu CDR [H1.01.02.03].

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành SPTA lần lượt được rà soát, đánh giá thông qua hoạt động điều chỉnh CTĐT và được thực hiện gần đây vào các năm 2014 [H2.02.01.01], 2018 [H1.01.03.05]. Công tác rà soát, đánh giá được thực hiện một cách thống nhất theo đúng quy định của Nhà trường: Nhà trường ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, Bộ môn họp triển khai và phân công cán bộ phụ trách theo hướng dẫn; Hội đồng Khoa xem xét và phê duyệt và cuối cùng là nhà Trường họp và thông qua. Trong mỗi lần điều chỉnh, KNN đều dựa trên ý kiến góp ý, phản hồi đa chiều từ phía chuyên gia [H4.04.02.02], hội đồng Khoa [H5.05.01.02], đội ngũ GV [H1.01.03.02], SV [H1.01.03.03]. Thông tin phản hồi được sử dụng làm tham chiếu cho hoạt động cải tiến điều chỉnh quy trình nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

Ngoài những đợt chỉnh sửa CTDH theo quy định của Trường, Bộ môn chủ động tổ chức các buổi họp tổ chuyên môn và tiến hành đề xuất cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH nội bộ theo nhiều cách khác nhau [H1.01.03.02]. Ví dụ ở môn “Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Anh” (SG200), Bộ môn xác định cần mời giáo viên phổ thông tới giới thiệu yêu cầu của một tiết dạy công nghệ tại trường phổ thông cũng như dạy mẫu một tiết ứng dụng CNTT với lý do những đóng góp thực tế từ các giáo viên mời giảng này góp phần tạo một kênh tham chiếu quan trọng giúp đội ngũ GV tại Bộ môn điều chỉnh CTDH.

Bên cạnh đó, Bộ môn hiện vẫn duy trì hoạt động họp Tổ chuyên môn thường xuyên giữa những GV cùng tham gia giảng dạy một học phần. Các GV gặp gỡ trao đổi, thống nhất về nội dung cũng như xác định quy trình thiết kế và phát triển CTDH môn mình đảm nhận sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Phần lớn các học phần trong CTĐT được thiết kế theo hình thức tích hợp (Nghe và Nói; Đọc và Viết...) nên việc các GV thảo luận

cách thức thực hiện CTDH hoặc xác định khả năng tương hỗ giữa các kỹ năng với nhau là vô cùng quan trọng do bởi chính GV là đối tượng trực tiếp thực hiện CTDH. Ngoài ra việc khuyến khích hoạt động giám sát tiến trình thực hiện CTDH cũng như ghi nhận những phản hồi của người học trong suốt quá trình giảng dạy được đánh giá là kênh thông tin quan trọng trong việc hỗ trợ việc cải tiến quy trình và thiết kế CTDH bên cạnh hệ thống lấy ý kiến trực tuyến của Trường tại <https://oss.ctu.edu.vn/trang-chu>, nơi SV đánh giá công tác giảng dạy học phần mà họ đã tham gia.

2. Điểm mạnh

Có hệ thống quy định quy trình thiết kế và phát triển CTDH rất chi tiết, thống nhất cao từ mục tiêu đào tạo, mục tiêu CDR đến việc tổ chức thực hiện, cải tiến và phát triển CTDH.

Bộ môn chủ động duy trì hoạt động lấy ý kiến phản hồi của GV, người học... làm tham chiếu cho hoạt động thiết kế, xây dựng CTDH.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi nhà tuyển dụng làm tham chiếu cho việc rà soát, đánh giá, cải tiến CTDH chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2020-2021, Bộ môn PPDHTA, KNN có kế hoạch thực hiện những nội dung sau. Thứ nhất, tiếp tục duy trì các tổ chuyên môn theo từng học kỳ, họp định kỳ trao đổi nhu cầu cải tiến CTDH của tổ học phần kèm biên bản lưu trữ. Thứ hai, tổ chức mời chuyên gia nước ngoài về báo cáo cập nhật xu hướng giảng dạy tiếng Anh mới từ các quốc gia khác để có tham chiếu, từ đó tranh thủ ý kiến chuyên gia tiến đến cải tiến CTDH tại đơn vị. Cuối cùng là tiếp tục tổ chức lấy ý kiến các BLQ, đặc biệt là nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học cũng như phương pháp kiểm tra đánh giá hoạt động học tập của người học tại Trường ĐHCT, KNN được thực hiện thường xuyên theo đúng quy định [H1.01.02.01], [H4.04.01.01]. Tất cả các học phần giảng dạy trong một học kỳ được công bố trên Hệ thống Quản lý đào tạo của Trường thông qua trang web <https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php>. SV và GV cũng như cán bộ quản lý có thể truy cập và theo dõi một cách nhanh chóng, dễ dàng.

Hoạt động rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp giảng dạy nhằm đảm bảo độ tương thích với các mục tiêu CDR của từng học phần cũng được thực hiện thường xuyên thông qua nhiều kênh như họp Bộ môn [H1.01.03.02], hoạt động dự giờ chuyên môn trong suốt học kỳ giảng dạy [H6.06.02.05] và thông qua việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi học kỳ [H1.01.03.03].

Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của SV cũng được thực hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần [H1.01.02.02], trong đó chỉ rõ các phương pháp giảng dạy, hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng đợt kiểm tra, đánh giá bao gồm: tham gia giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, dự án, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Việc ra đề thi, chấm thi cũng được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định. Việc nhập điểm và công bố kết quả thi được thực hiện nghiêm túc theo quy chế. Kết quả học tập của SV được quản lý chặt chẽ và được thanh tra, kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được trình

bày chi tiết trong Quy chế học vụ của Trường ĐHCT [[H4.04.01.01](#)].

Bộ môn PPDHTA tổ chức họp định kỳ mỗi tháng 01 lần thảo luận các kế hoạch cần thực hiện trong đó nội dung kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học là nội dung then chốt [[H1.01.03.02](#)]. Ngoài ra việc ghi nhận đóng góp của các BLQ chủ yếu là GV và SV cũng được thực hiện nhằm làm căn cứ điều chỉnh chương trình dạy, cách thức đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo [[H1.01.03.03](#)].

Hàng năm TTQLCL Trường phối hợp với các Khoa tổ chức hội thảo về công tác đảm bảo chất lượng với nội dung bàn về quy trình dạy và quá trình học tập, quy trình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV [[H10.10.03.01](#)]. Bên cạnh đó, TTQLCL phối hợp với KNN tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá [[H1.01.03.03](#)]. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành SPTA đều được lấy ý kiến. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và ngày càng được SV đánh giá cao [[H3.03.01.02](#)]. Sau khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ người học và người dạy, GV Bộ môn có thể vào xem và sử dụng kết quả lấy ý kiến một cách có hiệu quả trong việc điều chỉnh, cải tiến hoạt động dạy học nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Đối với công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy và học, thi cử, KNN cũng thành lập một tổ thanh tra theo dõi. Thành viên của Tổ bao gồm BCN Khoa, BCN các Bộ môn và cán bộ Quản lý Đào tạo Khoa. Những thành viên này theo sự phân công của Khoa có nhiệm vụ giám sát việc học tập và thi cử ở tất cả các học phần do Khoa đảm nhận giảng dạy [[H3.03.02.02](#)].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp Trường đến Khoa và Bộ môn và đảm bảo sự tương thích chặt chẽ các mục tiêu CDR của CTĐT.

Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với mục tiêu CDR.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy của GV còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Bộ môn PPDHTA sẽ tiếp tục xin ý kiến chỉ đạo của KNN tăng cường các biện pháp ràng buộc để tăng tỷ lệ SV thực hiện hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của GV.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Hoạt động NCKH học đóng vai trò rất quan trọng trong việc góp phần cải thiện chất lượng dạy và học của GV và SV Trường ĐHCT. Vì thế hoạt động NCKH nhận được sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo Trường. Hằng năm Trường dành một khoản kinh phí nhất định cho hoạt động NCKH, Khoa học công nghệ [[H6.06.01.05](#)]. Kết quả hoạt động NCKH đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện chất lượng đào tạo, nâng cao hiệu quả công việc.

Do đặc thù Bộ môn PPDHTTA là đào tạo chuyên ngành SPTA, trong 05 năm qua, phần lớn các đề tài NCKH do GV, SV thực hiện cũng như các báo cáo chuyên đề được tiến hành nhằm mục tiêu cải tiến chất lượng việc dạy và học ngoại ngữ (Xem bảng 6.5).

Tất cả các sản phẩm, kết quả NCKH đều được nghiệm thu và công bố theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và được sử dụng trong việc cải tiến việc dạy và học trong đơn vị tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu nhất định. Các kết quả nghiên cứu cũng được sử dụng làm tài liệu học tập và nghiên cứu cho SV trong suốt quá trình đào tạo và rèn luyện.

Xuất phát từ yêu cầu về nâng cao chất lượng giảng dạy tại đơn vị cũng như năng lực đào tạo và nghiên cứu, Bộ môn, Khoa và Trường luôn có chính sách khuyến khích động viên đội ngũ GV tích cực nộp hồ sơ xét duyệt các đề tài NCKH các cấp [H4.04.02.02]. Các GV có kinh nghiệm trong lĩnh vực NCKH cũng được khuyến khích hỗ trợ SV trong các đề tài nghiên cứu mà các em đang thực hiện. Có thể thấy trong thời gian qua đội ngũ GV Bộ môn PPDHTA không ngừng nỗ lực tham gia các hoạt động nghiên cứu cải tiến công tác dạy học [H6.06.02.01]. Thông qua các buổi báo cáo seminar và kết quả ứng dụng sản phẩm NCKH, đội ngũ GV cũng như SV tăng cường khả năng học hỏi, chia sẻ lẫn nhau và góp phần hỗ trợ cho công tác đào tạo tại KNN ngày càng hiệu quả hơn.

2. Điểm mạnh

KNN tạo mọi điều kiện hỗ trợ tích cực nhằm khuyến khích cán bộ GV Bộ môn PPDHTA cũng như SV tham gia hoạt động NCKH. Sản phẩm NCKH được thực hiện có nội dung gắn kết chặt chẽ với mục tiêu đào tạo và được ứng dụng triệt để vào hoạt động cải tiến chất lượng giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài NCKH do SV thực hiện chủ yếu dừng lại ở mức đọc hiểu và trải nghiệm hoạt động làm NCKH. Vì thế mức độ đóng góp vào việc cải tiến chất lượng dạy và học là chưa đáng kể.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Bộ môn sẽ lên kế hoạch thúc đẩy hoạt động NCKH trong GV và SV, cụ thể ưu tiên tuyển chọn các đề tài có tính ứng dụng cao trong việc nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học, có kế hoạch hỗ trợ kinh phí và điều kiện cần thiết để hoạt động NCKH đạt hiệu quả ứng dụng cao nhất.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 4/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Trường ĐHCT, KNN xác định rất rõ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ như hệ thống thư viện, trung tâm học liệu, các phòng chức năng cũng như hệ thống CNTT góp phần rất lớn vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH cho cán bộ và SV ngành SPTA. Vì vậy, công tác đánh giá chất lượng các dịch vụ này cũng được nhà Trường, KNN quan tâm và thực hiện nghiêm túc [[H1.01.01.04](#)], [[H4.04.01.02](#)].

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cho các hoạt động, Nhà trường đã thành lập các đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho người học như Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ (<https://ctts.ctu.edu.vn/>), TTHL (<https://lrc.ctu.edu.vn/>), Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ (<https://ccac.ctu.edu.vn/>), Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV (<https://scs.ctu.edu.vn/>), Không gian sáng chế (<https://mis.ctu.edu.vn/>).

Nhà trường tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ cho người học như hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ khởi nghiệp, việc làm... góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội về chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đối với ngành SPTA.

Hệ thống các phòng thực hành sư phạm, phòng thực hành ngôn ngữ cho SV Bộ

môn PPDHTA - KNN cũng được lên kế hoạch sử dụng dưới sự hỗ trợ theo dõi của cán bộ chuyên trách. Việc giám sát, đánh giá tính hiệu quả của các phòng thực hành cũng như hệ thống CNTT của Khoa được thực hiện thường xuyên. Cán bộ quản lý phòng thực hành có sổ theo dõi tình hình hoạt động của phòng học ghi chú rõ tên GV, thời gian sử dụng và nội dung thực hành cho từng buổi học [H9.09.03.03]. Trong mỗi cuộc họp giao ban Khoa (2 tuần/lần) cũng như vào thời điểm kết thúc mỗi năm học, KNN đều tiến hành hoạt động tổng kết, đánh giá mức độ, hiệu quả sử dụng cũng như thống kê tất cả những vấn đề phát sinh liên quan các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích nhằm chủ động trong việc lên kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ cho SV [H1.01.03.01], [H4.04.01.02].

Hệ thống CNTT cũng được Trường ĐHCT chú trọng. Hiện tại hệ thống mạng Internet, wifi của Trường được lắp đặt đầy đủ phục vụ tối đa nhu cầu tra cứu cho tất cả cán bộ và SV. Ngoài ra hệ thống CNTT cũng được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, nâng cấp bởi TTTT&QTM [H10.10.05.01] và được cán bộ cũng như SV đánh giá cao [H1.01.03.03].

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ luôn được Trường ĐHCT, KNN quan tâm và đánh giá kịp thời. Hằng năm, Trường đều lên kế hoạch rà soát, bảo trì và mua mới các thiết bị cần thiết phục vụ tối đa nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động có liên quan. Ngoài ra việc lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của người sử dụng cũng được thực hiện tốt, mang lại hiệu quả đáng kể cho tập thể cán bộ và SV Trường.

3. Điểm tồn tại

Đôi khi còn chậm trễ trong việc xử lý phản hồi từ các BLQ về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Ngoài ra do lệ thuộc khá nhiều vào kế hoạch ngân sách từ Trường nên việc sửa chữa, mua mới thiết bị hư hỏng đôi khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2020-2021, KNN tiếp tục rà soát lại toàn bộ hệ thống CSVC, CNTT trong đơn vị nhằm tiến hành đánh giá năng suất sử dụng và có kế hoạch điều chỉnh hợp lý, đặc biệt là các phòng chức năng (tập giảng, thực hành ngôn ngữ) và hệ thống wifi. Ngoài ra, KNN có kế hoạch xin ý kiến Nhà trường về việc xây dựng một thư viện đặt tại KNN, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV trong việc giảng dạy, học tập và NCKH.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Việc thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, có tính hệ thống và nội dung đánh giá luôn được cập nhật cải tiến phù hợp với tình hình thực tế hàng năm. Ý kiến phản hồi của SV được thu thập theo từng học kỳ. Ý kiến phản hồi của SV sau khi tốt nghiệp được thu thập hằng năm. Ý kiến của nhà tuyển dụng và các BLQ khác được thu thập thường xuyên theo nhu cầu thực tế của xã hội [[H1.01.03.03](#)].

Quy trình lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV được thực hiện theo công văn 1276/BGDĐT-NG [[H10.10.06.01](#)]. Quy trình này được thực hiện hoàn toàn trực tuyến bao gồm các bước như sau: (1) Thu thập thông tin, (2) Tổng hợp và phân tích dữ liệu, (3) Phân tích kết quả, (4) Lập kế hoạch cải tiến, (5) Đánh giá kết quả cải tiến. Vào cuối mỗi học kỳ, SV đăng nhập vào tài khoản cá nhân và tiến hành đóng góp ý kiến phản hồi thông qua việc trả lời một khảo sát trực tuyến. Nội dung khảo sát bao gồm các câu hỏi về mức độ hài lòng của SV về nội dung khóa học, phương pháp giảng dạy và đánh giá, tài liệu học tập... SV được quyền xác định mức độ hài lòng về

môn học và được đưa ra ý kiến đề nghị với giáo viên và nhà trường nếu có. Sau khi có kết quả phản hồi, TTQLCL Nhà trường tiến hành thống kê và phân tích kết quả và kết quả được chuyển về Khoa. Cuối cùng, BCN Khoa, Bộ môn và các cán bộ phụ trách việc phân tích, đánh giá các kết quả có cuộc họp đánh giá, rút kinh nghiệm [[H1.01.03.01](#)], [[H1.01.03.02](#)], [[H4.04.01.02](#)].

Việc lấy ý kiến phản hồi từ cựu SV cũng được nhà Trường thực hiện hằng năm nhằm cung cấp thêm thông tin góp phần đề nghị sửa đổi cải tiến những điểm chưa phù hợp. Thông qua việc khảo sát, TTQLCL thu thập dữ liệu cần thiết, cụ thể nội dung phản hồi bao gồm mức độ hài lòng của các BLQ về năng lực chuyên môn của SV tốt nghiệp, về CTĐT của Nhà trường và những ý kiến đóng góp khác nhằm xây dựng CTĐT sao cho chất lượng đầu ra đạt hiệu quả cao nhất [[H3.03.01.02](#)].

Từ năm 2016, Bộ môn thực hiện khảo sát tình hình việc làm của SVTN trong thời gian 1 năm tính từ thời điểm tốt nghiệp. Kết quả khảo sát được lãnh đạo Bộ môn và KNN phân tích và đánh giá, đối sánh và có các đề xuất biện pháp tăng tỷ lệ có việc làm của SVTN trong các năm tiếp theo, nhận diện các nguyên nhân của những thành tựu và tồn tại, qua đó giúp cải tiến nội dung, chương trình môn học, phương pháp dạy và học, cùng các đổi mới có ý nghĩa giúp nâng cao chất lượng đào tạo.

Kênh phản hồi sau cùng đến từ chính cán bộ viên chức của KNN. Hằng năm, thông qua đại hội Hội nghị viên chức, cán bộ KNN có cơ hội phản hồi những ý kiến của mình về hệ thống CSVC, CTĐT, CTDH cũng như các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giảng dạy, NCKH khác. Tất cả nội dung phản hồi đều được ghi nhận và tham mưu cho BCN Khoa, lãnh đạo Trường xem xét và tiến hành điều chỉnh nhằm mang lại hiệu quả, chất lượng cao nhất. [[H4.04.01.02](#)].

Nhìn chung cơ chế phản hồi của các BLQ tại ĐHCT, KNN được quan tâm đặc biệt, có tính hệ thống, đáng tin cậy và hiệu quả. Hằng năm, TTQLCL cùng với lãnh đạo

các Khoa tiến hành đánh giá lại hiệu quả và lên kế hoạch cập nhật cải tiến hệ thống cũng như nội dung khảo sát sao cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường và xã hội.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các BLQ đã được Trường ĐHCT, KNN thiết lập có tính hệ thống cao, được đánh giá và có cơ chế cải tiến. Ngoài ra, tính minh bạch, dân chủ, công khai được thể hiện rất rõ tạo điều kiện cho tất cả các bên có liên quan có thể góp ý một cách thuận tiện nhất.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát nhà tuyển dụng chưa được thực hiện thường xuyên, phạm vi thực hiện chưa rộng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN tiếp tục đẩy mạnh việc lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Việc thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng phục vụ cho ngành SPTA. Cũng chính vì thế Trường ĐHCT, KNN luôn quan tâm sâu sắc và có kế hoạch, chính sách thực hiện rất nghiêm túc. Kết quả có được từ sự đóng góp ý kiến của các BLQ được sử dụng như một tham chiếu đáng tin cậy trong việc xây dựng, hoàn thiện chất lượng CTĐT, CTDH. Ngoài ra ý kiến phản hồi từ các BLQ còn giúp KNN cải thiện, thay đổi hợp lý các chính sách hiện tại nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của xã hội.

Việc nâng cao giá trị phục vụ, giá trị sử dụng các dịch vụ cũng mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện chất lượng sản phẩm NCKH và tạo sự thoải mái nhất có thể để đội ngũ cán bộ, SV hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Tuy nhiên, việc tiếp cận và ghi nhận thông tin phản hồi từ các BLQ, đặc biệt là từ phía nhà tuyển dụng vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Hoạt động điều chỉnh, bổ sung CTĐT, phát triển CTDH được thực hiện tại Trường ĐHCT chưa được thường xuyên, khó đáp ứng kịp nhu cầu thay đổi nhanh của thị trường lao động thời hội nhập. Đối với hoạt động NCKH, số lượng các đề tài được thực hiện vẫn còn khá hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn là: 4,83/7

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là một nội dung rất quan trọng, luôn được Trường ĐHCT, KNN quan tâm và xác định đó là nhiệm vụ hàng đầu. Chính vì thế việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng chuẩn đầu ra của CTĐT, cụ thể là ngành SPTA là hết sức cần thiết. Có thể khẳng định chất lượng đào tạo ngành SPTA tại Trường ĐHCT là rất tốt. Điều này được thể hiện rất rõ từ khâu tuyển sinh đầu vào (điểm đầu vào, tỷ lệ cạnh tranh cao) (xem bảng 8.1), sau đó là SV được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp dưới sự giám sát, theo dõi chặt chẽ từ phía lãnh đạo nhà Trường, Khoa, và Bộ môn trong suốt thời gian học. Ngoài hoạt động dạy và học, KNN còn đẩy mạnh công tác NCKH trong GV, SV, nhằm tìm ra giải pháp nâng cao mức độ hoàn thành mục tiêu CĐR cũng như nâng cao chất lượng dạy và học. Kết quả đầu ra của SV và ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng cũng cho thấy mức độ hoàn thành các tiêu chí trong CĐR của CTĐT là rất khả quan, tạo tiền đề cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng sư phạm tốt cùng với thái độ phục vụ rất tích cực, hiệu quả cho khu vực ĐBSCL và trên phạm vi cả nước.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Phòng CTSV và PĐT phối hợp chặt chẽ với KNN quản lý các chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành SPTA. Cụ thể, Phòng CTSV có nhiệm vụ thống kê và gửi KQHT về Khoa, sau đó là Bộ môn và CVHT đặc biệt là SV có kết quả học tập yếu kém 1 học kỳ, 2 học kỳ liên tiếp, SV sắp hết thời gian hoàn thành chương trình học tại Trường, SV bị buộc thôi học... để Bộ môn, CVHT kịp thời thông tin đến SV và phối hợp tìm ra các

biện pháp hỗ trợ SV trong việc hoàn thành việc học đúng thời gian quy định [H11.11.01.01]. Bên cạnh các công văn cảnh báo học vụ của SV, PDT thực hiện rà soát và công bố danh sách SV đủ điều kiện để xét tốt nghiệp theo kế hoạch hằng năm [H11.11.01.02]. Bảng 11.1 thể hiện tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành SPTA trong 5 năm gần đây.

Bảng 11.1: Tỷ lệ % SV tốt nghiệp (2014-2019)

Năm học	Khóa	Tổng số lượng	Tốt nghiệp	Tỷ lệ %
2014 - 2015	37	108	87	80,6%
2015 - 2016	38	97	88	90,7%
2016 – 2017	39	123	96	78,0%
2017 – 2018	40	89	69	77,5%
2018 - 2019	41	88	77	87,5%

Kết quả thống kê cho thấy tỷ lệ SV ngành SPTA hoàn thành chương trình học khá cao chứng minh việc quản lý kết quả học tập của SV được thực hiện rất chặt chẽ từ năm nhất, từ đó CVHT, Khoa và Trường có biện pháp phù hợp và kịp thời để hỗ trợ SV hoàn thành CTĐT theo đúng tiến độ.

Ngoài ra, tỷ lệ SV thôi học cũng được theo dõi và đối sánh hằng năm (Bảng 11.2).

Bảng 11.2. Tỷ lệ SV thôi học (2015-2020)

Năm học	Khóa	Số lượng toàn khóa	Tỷ lệ % người học thôi học trong thời gian đào tạo			
			Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư
2015-2016	41	88	1,14%	1,14%	0%	0%
2016-2017	42	57	0%	3,5%	0%	0%
2017-2018	43	45	0%	0%	0%	0%
2018-2019	44	29	3,4%	6,9%	0%	0%
2019-2020	45	39	0%	0%	0%	0%

Có thể thấy tỷ lệ SV thôi học hằng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ và thông qua CVHT nguyên nhân được xác định chủ yếu là do các SV thay đổi định hướng nghề nghiệp, chuyển nơi sinh sống hay đi du học.

2. Điểm mạnh

Công tác xác lập, phân tích và đánh giá tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học ngành SPTA được thực hiện rất tốt, theo đúng quy định góp phần nâng cao chất lượng CTĐT. Ngoài ra, việc cập nhật, đối sánh các tỷ lệ cũng được thực hiện thường xuyên, cung cấp tham chiếu đáng tin cậy cho hoạt động cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Công tác theo dõi, tìm hiểu thông tin kết quả học tập của SV đôi khi gặp phải một số khó khăn, đặc biệt đối với việc thôi học hoặc bỏ môn học phần của SV vì những lý do cá nhân mà CVHT chỉ có thể biết thông tin khi kết quả đánh giá học phần được công bố.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Khoa tiếp tục phối hợp các phòng ban và đội ngũ CVHT thực hiện việc rà soát kết quả học tập của SV mỗi học kỳ để có kế hoạch can thiệp kịp thời. Ngoài ra Khoa nhắc nhở CVHT thường xuyên lắng nghe chia sẻ của SV trong suốt quá trình học tập nhằm chủ động có định hướng cho các SV có ý định thôi học.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Thời gian dành cho một CTĐT là thời gian cần thiết để SV hoàn thành tất cả các yêu cầu về mục tiêu đào tạo cũng như những điều kiện cần thiết để được công nhận và được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian đào tạo tại Trường ĐHCT trung bình là 4 năm, thời gian tối đa là 8 năm [[H4.04.01.01](#)].

Để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường có hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo trực tuyến, trong đó có đầy đủ cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT, đặc biệt là thông tin về thời gian đào tạo của mỗi SV. Hằng năm, ngoài kế hoạch học tập được thực hiện dưới sự tư vấn từ CVHT, Phòng CTSV với vai trò là bộ phận chuyên trách hỗ trợ việc giám sát hoạt động học tập của SV định kỳ gửi công văn kèm

theo danh sách SV sắp hết hạn đào tạo, chậm tiến độ đến Khoa quản lý chuyên ngành và CVHT để kịp thời thông báo đến SV [[H11.11.01.01](#)].

Để đảm bảo yêu cầu hoàn thành CTĐT đúng thời hạn cũng như hạn chế tối đa tỷ lệ chậm tiến độ, KNN thường xuyên nhắc nhở Bộ môn tiến hành giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua kênh CVHT, Trợ lý đào tạo [[H1.01.03.01](#)]. Đối với các trường hợp chậm tiến độ, CVHT có nhiệm vụ tìm hiểu nguyên nhân cụ thể và đưa ra hướng tư vấn thích hợp (lập kế hoạch học tập và đăng ký học phần cụ thể cho SV) nhằm giảm thiểu tối đa thời gian tốt nghiệp cho SV [[H2.02.03.02](#)].

Bộ môn dưới sự chỉ đạo của Khoa định kỳ tổ chức họp đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học trong việc lập kế hoạch rút ngắn thời gian đào tạo cho SV vào đầu và cuối mỗi học kỳ của năm học [[H1.01.03.02](#)]. CVHT có nhiệm vụ báo cáo tình hình và song song đó là đề xuất hướng thực hiện dưới sự đóng góp, chia sẻ ý kiến từ BCN Bộ môn và tập thể đội ngũ GV.

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản hướng dẫn cụ thể về các hoạt động liên quan hoạt động học tập của SV. Ngoài ra đội ngũ CVHT và các phòng ban tích cực thông tin, hỗ trợ tư vấn kịp thời giúp người học giảm thiểu tối đa thời gian tốt nghiệp. Việc cung cấp khung kế hoạch học tập cứng và hoạt động cập nhật điều chỉnh trong suốt thời gian đào tạo góp phần hạn chế tối đa việc chậm tiến độ của SV. Việc quản lý kế hoạch học tập qua Hệ thống trực tuyến cũng là một điểm mạnh.

3. Điểm tồn tại

Công tác tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn còn gặp khó khăn do một số SV còn bị động trong việc lập kế hoạch học tập và hạn chế trao đổi với CVHT. Kết quả là công tác tư vấn, hỗ trợ SV bị chậm trễ, ảnh hưởng đến thời gian tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Bộ môn PPDHTA tiếp tục tăng cường giám sát, yêu cầu CVHT rà soát kết quả học tập của SV, luôn nhắc nhở SV chủ động tự rà soát kết quả học tập của mình và kịp thời thông tin đến CVHT để có hướng giải quyết phù hợp nhất.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

KNN dưới sự chỉ đạo của Trường luôn tạo điều kiện cũng quan tâm hỗ trợ tốt nhất để SV có thể phát huy tối đa hệ thống kiến thức chuyên môn, kỹ năng cần thiết áp dụng vào việc thực hiện yêu cầu công việc, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng sau khi tốt nghiệp. Theo số liệu khảo sát năm do TTQLCL Trường thực hiện [H11.11.03.01], tỷ lệ SV KNN có việc làm sau khi tốt nghiệp là rất cao (Bảng 11.3) và môi trường làm việc cũng rất đa dạng (Bảng 11.4).

Bảng 11.3: Tỷ lệ việc làm của SVTN ngành SPTA (2016-2019)

Năm khảo sát	Tổng số SVTN	Tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ phản hồi	Tỷ lệ có việc	Tình hình việc làm (người)		
					Có việc	Đang học nâng cao trình độ	Chưa có việc
2016	89	32	35,96%	100%	31	1	0
2017	96	72	75%	91,67%	57	9	6
2018	84	80	95,3%	88%	70	4	6
2019	84	80	95,24%	92,50%	70	4	6

Bảng 11.4: Khu vực làm việc của SVTN ngành SPTA (2016-2019)

Năm khảo sát	Tổng số SVTN	Tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ phản hồi	Tỷ lệ có việc	Khu vực làm việc			
					Nhà nước	Tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm
2016	89	32	35,96%	100%	16	15	0	0
2017	96	72	75%	91,67%	24	26	7	0
2018	84	80	95,3%	88%	12	36	2	2
2019	84	80	95,24%	92,50%	12	36	2	2

Ngoài ra, tỷ lệ người học ngành SPTA có việc làm cũng được đối sánh giữa các CTĐT khác trong Trường nhằm làm tham chiếu cho hoạt động đánh giá cũng như có kế hoạch cụ thể trong việc điều chỉnh, nâng cao chất lượng CTĐT [H11.11.03.01].

Hằng năm, Trường ĐHCT, KNN đều tổ chức các buổi hội thảo tư vấn hướng nghiệp cho SV [H1.01.03.07], sự kiện hội chợ việc làm giúp SV có cơ hội gặp gỡ trực tiếp nhà tuyển dụng [H11.11.03.02], nắm bắt kịp thời thông tin có liên quan nhằm có sự chuẩn bị tốt về việc làm sau khi tốt nghiệp.

TTQLCL Trường ĐHCT duy trì hoạt động thu thập thông tin từ cựu SV, tham khảo ý kiến từ nhà tuyển dụng [H1.01.03.04] cũng như tiến hành giám sát chặt chẽ các tỷ lệ việc làm qua từng giai đoạn. Đồng thời thực hiện việc phân tích, đối sánh số liệu giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng uy tín cho đơn vị [H4.04.01.02].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ có việc làm của SV ngành SPTA sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh rõ ràng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPTA, hỗ trợ tối đa khả năng có việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn số ít SV chưa có việc làm hoặc tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp ở những lĩnh vực khác sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN thông qua việc xác lập tỷ lệ việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tiến hành tìm hiểu nguyên nhân cụ thể cho vấn đề không có việc làm nhằm tìm ra giải pháp tối ưu nhất. KNN tiếp tục hoạt động khảo sát thông tin các BLQ cùng với việc mở rộng liên kết với các nhà tuyển dụng địa phương lẫn quốc tế, tranh thủ cơ hội việc làm cho SV ngành SPTA.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Ngoài Phòng QLKH chuyên trách tất cả các hoạt động liên quan NCKH trên phạm vi toàn Trường (<https://dra.ctu.edu.vn/>), KNN còn có bộ phận chuyên trách riêng quản lý các hoạt động NCKH của Khoa, có nhiệm vụ lên kế hoạch, thông tin, hỗ trợ cho toàn thể đội ngũ cán bộ và SV thực hiện các đề tài NCKH. Bên cạnh đó, Bộ môn PPDHTA còn có đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, có năng lực NCKH góp phần vào việc định hướng, hướng dẫn SV tham gia vào các đề tài NCKH (Tỷ lệ PGS: 5,3%, TS: 26,3%, NCS: 5,3%; ThS: 63,1%). Hằng năm Bộ môn còn kết hợp Khoa tổ chức

nhiều buổi tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm NCKH có sự tham gia của nhiều GV, SV [[H4.04.02.02](#)].

KNN cũng quan tâm, khuyến khích SV tham gia các hoạt động NCKH thông qua nhiều kênh. Hoạt động NCKH của SV ngành SPTA chủ yếu tập trung các bài dưới hình thức các bài báo khoa học, các đề tài NCKH cấp Trường được nghiệm thu (Xem bảng 6.5).

Hàng năm, Bộ môn PPDHTA được Khoa giao quyền chủ động triển khai công tác NCKH của SV, tổ chức Hội nghị SV NCKH. Các đề tài nghiên cứu khoa học của SV ngành SPTA được Nhà trường đánh giá cao.

Bên cạnh đó, đội ngũ GV của Bộ môn còn chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp và chủ động kêu gọi sự tham gia đóng góp của SV. Đồng thời, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học với sự tham gia của các cán bộ, học viên cao học, SV và các nhà khoa học trong và ngoài nước [[H4.04.02.02](#)].

Hàng năm, Nhà trường đều đề xuất và có chính sách hỗ trợ cho SV đăng ký thực hiện các đề tài NCKH các cấp [[H4.04.02.02](#)], ưu tiên các lĩnh vực phù hợp với xu thế phát triển của xã hội, mang lại chất lượng trong đào tạo và các hoạt động khác.

2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng đề tài NCKH trong SV được xác lập, giám sát cụ thể cùng với chính sách hỗ trợ, tư vấn từ phía lãnh đạo tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc xúc tiến hoạt động NCKH.

3. Điểm tồn tại

Do việc làm NCKH chưa có cơ chế bắt buộc trong CTĐT ngành SPTA nên tỷ lệ SV ngành SPTA tham gia các hoạt động NCKH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm học 2020-2021, Bộ môn PPDHTA tiếp tục đẩy mạnh hoạt động NCKH trong SV. Cụ thể, Bộ môn đề xuất bộ phận NCKH Khoa sớm thông qua kế hoạch và thời gian thực hiện cụ thể trong việc tư vấn đề tài NCKH cho SV, định hướng nghiên cứu, hỗ trợ kịp thời về kiến thức, tinh thần và tìm nguồn tài chính phù hợp cho SV tham gia NCKH. Khoa sẽ lên kế hoạch tổ chức Hội nghị Khoa học định kỳ thường niên khuyến khích tất cả SV tham gia.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường, KNN định kỳ tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt. Thông qua hoạt động này, ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học (đào tạo, NCKH, nâng cấp CSVC, ...) cũng như đề xuất kế hoạch hành động cho năm học mới sẽ được thực hiện [[H4.04.01.02](#)]. Thông qua Hội nghị, toàn thể cán bộ viên chức tham gia đối thoại trực tiếp với lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các Phòng Ban trong môi trường dân chủ, thẳng thắn nêu quan điểm về các vấn đề liên quan chính sách, kế hoạch... trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT.

Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần cũng được thực hiện định kỳ sau mỗi học kỳ thông qua khảo sát online nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá chất lượng học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công, từ đó có sự điều chỉnh, cải tiến CTDH và dịch vụ hỗ trợ cũng được thực hiện mỗi học kỳ của năm học [[H1.01.03.03](#)].

Ngoài ra, đội ngũ CVHT cũng được BCN Bộ môn yêu cầu thực hiện triệt để việc lắng nghe thường xuyên các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai trong suốt quá trình SV tham gia hoạt động học tập. Từ đó, BCN Bộ môn tổng hợp ý kiến để báo cáo BCN Khoa, Hội đồng Khoa nhằm đề xuất các giải pháp kịp thời để cải tiến chất lượng đào tạo.

Đề tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi một cách có hệ thống, quy mô lớn, Nhà trường chỉ đạo TTQLCL Trường thực hiện khảo sát các BLQ hằng năm [H1.01.03.03]. Kết quả khảo sát [H3.03.01.02] được Trường, Khoa đối chiếu so sánh làm tham chiếu cho kế hoạch cải tiến chất lượng.

2. Điểm mạnh

Việc khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về các hoạt động của Nhà trường, Khoa được thực hiện thường xuyên, kết quả khảo sát được xác lập, giám sát là cơ sở để Trường, Khoa nâng cao chất lượng dạy học, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các ý kiến phản hồi từ các BLQ được Trường, Khoa nghiêm túc tiếp thu và phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến cần thiết, nâng cao chất lượng phục vụ của đơn vị.

3. Điểm tồn tại

Công tác lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, đặc biệt là là phương pháp phỏng vấn trực tiếp còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, KNN sẽ tiếp tục phối hợp với TTQLCL tiến hành xác lập và phân tích chi tiết các dữ liệu có được từ thông tin phản hồi của các BLQ về các hoạt động đào tạo, NCKH... tại KNN, từ đó đánh giá chính xác và có kế hoạch cải tiến thích hợp. Ngoài ra, việc trực tiếp lắng nghe ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng cũng sẽ được lên kế hoạch và thực hiện.

5. *Tự đánh giá:* tiêu chí đạt yêu cầu với mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Nhìn chung việc thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ đối với ngành SPTA mang lại kết quả rất tích cực, giúp KNN có thêm thông tin điều chỉnh, bổ sung kịp thời, nâng cao chất lượng đào tạo cho ngành SPTA. SV ngành SPTA sau khi tốt nghiệp có tỷ lệ có việc làm cao, đáp ứng được yêu cầu công việc của nhà tuyển dụng. Điều này cho thấy hiệu quả thực hiện mục tiêu CDR, nâng cao ứng dụng kết quả hoạt động NCKH tại đơn vị Bộ môn PPDHTA, KNN là rất tích cực. Tuy nhiên công tác theo dõi tiến độ học tập của SV đôi lúc còn chậm trễ và hoạt động khảo sát các BLQ đối với nhóm nhà tuyển dụng chưa được thực hiện định kỳ và rộng rãi.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn là: 5/7

PHẦN III: KẾT LUẬN

Hoạt động đánh giá CTĐT có ý nghĩa rất quan trọng trong việc góp phần thực hiện sứ mệnh của Trường ĐHCT. Hoạt động đánh giá CTĐT góp phần hữu hiệu trong công tác cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học cũng như hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả dạy và học. Hoạt động đánh giá CTĐT cũng là cơ hội để đơn vị nâng cao hiệu quả hệ thống đảm bảo chất lượng và kết quả kiểm định sẽ làm tham chiếu tích cực cho công tác kiểm định chất lượng định kỳ.

Trên cơ sở phân tích các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA, kết quả cho thấy nội dung cần đánh giá trong CTĐT là đạt. Sau đây là tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành SPTA.

1. Điểm mạnh

1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng và được cụ thể hóa trong bản mô tả CTĐT. Tất cả các mục tiêu CĐR trong CTĐT đều được quy ra thành nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo được thực hiện theo từng năm đào tạo bao quát tổng thể các yêu cầu chung và chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình học. CĐR của CTĐT được thiết kế theo trình tự logic, khoa học có sự tham vấn từ đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học nhằm phát huy tối đa năng lực tự học, sáng tạo cũng như khả năng tìm hiểu, tra cứu, và chia sẻ thông tin của người học. Ngoài ra mức độ tương tác giữa GV và người học cũng như khả năng hỗ trợ người học của đội ngũ GV, đội ngũ CVHT được thể hiện rõ trong cách thiết kế nội dung chương trình. CĐR của CTĐT ngành SPTA phản ánh đầy đủ, rõ ràng yêu cầu các BLQ và thường xuyên được rà soát, điều chỉnh. Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT được công bố công khai thông qua nhiều kênh thông tin khác

nhau. Vì thế SV có thể dễ dàng tiếp cận ngay từ khi mới bắt đầu cho đến khi kết thúc CTĐT.

1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT cập nhật thông tin đầy đủ, rõ ràng. Ma trận CDR của CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần, giúp SV có nhiều lựa chọn theo định hướng chuyên môn và thế mạnh của mình.

Đề cương chi tiết các học phần thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CTĐT và mục tiêu CDR của CTĐT trên cơ sở phân tích ý kiến phản hồi của các BLQ. Các thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá được cung cấp đầy đủ để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập theo từng học kỳ, năm học và trong toàn khóa học. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai, rộng rãi dưới nhiều hình thức, tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ dễ dàng tiếp cận, đóng góp ý kiến góp phần vào hoạt động điều chỉnh CTĐT cho phù hợp.

1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Cấu trúc và nội dung CTDH ngành SPTA được thiết kế cụ thể, rõ ràng bám sát mục tiêu CDR trong CTĐT. Có thể thấy CTDH có cấu trúc, trình tự logic và nội dung được cập nhật và mang tính tích hợp rất khoa học. Vì thế, CTDH luôn đảm bảo cho người học có thể tiếp cận khối kiến thức theo nguyên tắc từ dễ đến khó, từ cơ bản đến nâng cao, từ khối kiến thức rộng đến khối kiến thức hẹp, từ đó người học có thể dễ dàng trong việc phát triển năng lực chuyên môn, hệ thống kỹ năng cần thiết và thái độ thích hợp. Ngoài ra việc thiết kế các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành trong CTĐT được cân nhắc rất cẩn thận đảm bảo tính linh hoạt nhất có thể, vì thế không gây khó khăn cho SV khi đăng ký các học phần do không bị ràng buộc quá nhiều bởi các học phần tiên quyết.

1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Phương pháp tiếp cận trong dạy học thể hiện tính chính xác, cập nhật và chỉ định rõ các mục tiêu cần đạt được trong CDR của CTĐT. Ngoài ra phương pháp tiếp cận trong dạy học được công bố công khai, rộng rãi đến các BLQ. Nhìn chung, các hoạt động dạy và học được đầu tư, đa dạng có sự kết hợp khoa học giữa hệ thống lý thuyết và thực hành; hỗ trợ SV trong việc nâng cao trình độ, thúc đẩy việc rèn luyện hệ thống các kỹ năng hiệu quả, đặc biệt là khả năng tự học, và học tập suốt đời.

1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện ở Bộ môn PPDHTA bám sát quy định về công tác kiểm tra đánh giá do Trường quy định cũng như bám sát các mục tiêu CDR của từng học phần trong CTĐT. Các nội dung liên quan hoạt động kiểm tra đánh giá như thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, ... đều được công khai minh bạch tới người học ngay từ đầu mỗi học phần. Bộ môn PPDHTA cũng áp dụng đa dạng phương pháp đánh giá và luôn lấy độ giá trị, tin cậy, công bằng làm kim chỉ nam cho hoạt động. Ngoài ra, kết quả đánh giá đều được phản hồi đến người học theo đúng thời gian quy định và mọi thông tin liên quan thủ tục, quy trình khiếu kiện đều được thông báo công khai rộng rãi.

1.6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Với kế hoạch tuyển dụng và việc quy hoạch được thực hiện bài bản, chuyên nghiệp và theo đúng quy định, đội ngũ GV tại Bộ môn PPDHTA, KNN là một điểm mạnh. Với trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm cộng với thái độ làm việc chuyên nghiệp, đội ngũ GV luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và được SV đánh giá cao. Hằng năm, lãnh đạo đơn vị luôn tạo điều kiện để cán bộ GV, nâng cao trình độ và chính sách hỗ trợ luôn được quan tâm sâu sắc.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV ngày càng được Nhà trường triển khai sâu rộng, tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên của KNN, Bộ môn PPDHTA đủ về số lượng, năng lực chuyên môn và phẩm chất hỗ trợ tích cực cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Mọi hoạt động liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được thực hiện theo đúng quy định, minh bạch, và công khai. Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường, của Khoa được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn quy định.

Hằng năm, Nhà trường có chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Ngoài ra việc lấy ý kiến phản hồi về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên cũng được thực hiện nghiêm túc.

1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Về đối tượng người học và các hoạt động hỗ trợ, có thể thấy thông qua công tác tuyển sinh được thực hiện rất bài bản, cẩn thận và đúng quy định, Trường ĐHCT thành công trong việc tuyển chọn SV đạt chất lượng theo đúng chuyên ngành đào tạo. Trong suốt thời gian đào tạo, SV luôn được Nhà Trường, Khoa và Bộ môn hỗ trợ, tư vấn kịp thời nhằm giải quyết những vấn đề khó khăn. Ngoài ra, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV cũng được thực hiện hiệu quả. Môi trường tâm lý xã hội, cảnh quan phục vụ cho công tác dạy và học cũng mang lại hiệu quả tích cực.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Về hệ thống CSVC và trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo chuyên ngành SPTA, KNN tranh thủ tối đa mọi nguồn lực để đầu tư trang thiết bị nâng cao hiệu quả cho công tác đào tạo. Hệ thống các phòng thực hành sư phạm, phòng lab, hệ thống

phòng máy tính và TTHL đảm bảo phục vụ tối đa nhu cầu của SV. Bên cạnh đó, số lượng các công trình NCKH, đầu sách, giáo trình... cũng góp phần rất lớn trong việc hỗ trợ SV nâng cao trình độ chuyên môn, và kỹ năng cần thiết.

1.10. Nâng cao chất lượng

Công tác nâng cao chất lượng CTĐT ngành SPTA được đơn vị thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Thông qua kế hoạch khảo sát thông tin phản hồi của các BLQ kết hợp với kế hoạch rà soát, bổ sung, đánh giá chất lượng CTĐT định kỳ, Trường, và Khoa NN có thêm thông tin tham chiếu và tiến hành điều chỉnh, thay đổi cần thiết phục vụ tốt nhiệm vụ đào tạo, nâng cao chất lượng, uy tín cho đơn vị.

Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc; các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với quy chế đào tạo tín chỉ và quy định chung của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHCT.

Cơ chế đóng góp ý kiến phản hồi của người học về các nội dung liên quan đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ cũng được Trường thực hiện định kỳ hằng năm làm tham chiếu cho công tác kiểm tra, giám sát, bổ sung, điều chỉnh nâng cao chất lượng.

1.11. Kết quả đầu ra

Công tác xác lập các thông số liên quan đến kết quả đầu ra của SV, tỷ lệ việc làm của SV sau khi tốt nghiệp và thống kê kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ như đội ngũ GV, nhân viên, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng cũng như kiến nghị đề xuất cho việc nâng cao chất lượng CTĐT, dịch vụ hỗ trợ... luôn được Trường, Khoa, Bộ môn quan tâm và thực hiện xuyên suốt, tạo cơ sở khoa học cho mọi hoạt động liên quan nâng cao chất lượng.

2. Điểm tồn tại

2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành SPTA còn chậm được đổi mới, cập nhật để phù hợp với các quy định mới, các yêu cầu mới về nội dung và phương pháp dạy học. Ngoài ra, việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, đặc biệt là nhà tuyển dụng còn chưa rộng rãi.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên. Ngoài ra, hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về CTĐT chưa được thực hiện.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Công tác khảo sát ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng trong quá trình xây dựng CTDH chưa được thực hiện thường xuyên.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Bộ môn chưa tìm ra phương thức hiệu quả nhất trong việc thiết kế các tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học của SV.

Tỷ lệ phản hồi, đóng góp ý kiến thông qua hoạt động khảo sát hằng năm chưa cao. Chưa mở rộng liên kết với các nhà tuyển dụng nhằm tạo cơ hội tìm hiểu thêm những yêu cầu công việc mà SV sau khi tốt nghiệp phải đảm trách qua đó giúp tăng cường và cập nhật các phương pháp tiếp cận trong dạy học.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Bộ môn PPDHTA chưa xây dựng được ngân hàng đề thi cho các học phần. Bộ môn chưa tìm ra phương thức hiệu quả nhất trong việc thiết kế các tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học của SV. Ngoài ra một số giáo viên còn chậm trễ trong công tác đánh giá kết quả học tập, ảnh hưởng đến kế hoạch điều chỉnh, cải thiện kết quả của người học.

2.6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Việc nâng cao trình độ chuyên môn (TS) cho đội ngũ GV gặp khó khăn. Việc đánh giá mức độ hoàn thành khối lượng công việc phục vụ cộng đồng còn chưa rõ ràng. Ngoài ra, số lượng đề tài NCKH trong GV còn hạn chế.

2.7. Đội ngũ nhân viên

Chưa có cơ chế, quy định cụ thể để đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho GV có kiêm nhiệm công tác khác.

Hoạt động khảo sát nhu cầu bồi dưỡng cho nhân viên phục vụ chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Phương pháp tuyển sinh ngành SPTA vẫn chưa đa dạng do chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm được phân bổ khá hạn chế. Hằng năm vẫn còn số lượng nhỏ SV tốt nghiệp chậm tiến độ. Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về các hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của các đơn vị liên quan chưa được chi tiết hóa.

Ngoài ra, không gian làm việc của Bộ môn PPDHTA còn khá chật hẹp dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ SV.

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Không gian phòng làm việc cho các cán bộ GV còn hạn chế; số lượng trang thiết bị, nguồn học liệu về phương pháp dạy học môn tiếng Anh chưa phong phú. Chưa đầu tư các thiết bị, dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật trong khu vực KNN. Việc sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị đôi lúc còn chậm. Hệ thống wifi một số khu vực hoạt động kém.

2.10. Nâng cao chất lượng

Đối với hoạt động NCKH, số lượng các đề tài được thực hiện vẫn còn khá hạn chế. Ngoài ra, hoạt động thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ, đặc biệt là từ phía nhà

tuyển dụng vẫn chưa được thực hiện thường xuyên. Đôi khi còn chậm trễ trong việc xử lý phản hồi từ các BLQ về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Kết quả SV đánh giá chất lượng giảng dạy của GV còn dừng lại ở mức tham khảo, chưa có văn bản quy định và hướng dẫn việc sử dụng kết quả.

2.11. Kết quả đầu ra

Công tác theo dõi, tìm hiểu thông tin kết quả học tập của SV đôi khi gặp phải một số khó khăn. Một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân dẫn đến việc không hoàn thành chương trình học đúng hạn. Hoạt động khảo sát các BLQ nhóm nhà tuyển dụng chưa được thực hiện định kỳ và rộng rãi.

3. Kế hoạch hành động

3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Từ năm học 2020-2021, KNN thường xuyên tổ chức công tác tổ chức đánh giá, rà soát mục tiêu của CTĐT ít nhất 2 năm 1 lần theo hướng phù hợp hơn với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHCT, với Luật Giáo dục đại học và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội, xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.

Tiếp tục thực hiện việc hoạt động rà soát, điều chỉnh mục tiêu CĐR dựa trên ý kiến khảo sát, phản hồi từ các BLQ cũng như đóng góp ý kiến cho Trường về những chính sách liên quan đến công tác rà soát, điều chỉnh sao cho hợp lý, bền vững và hiệu quả nhất.

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Lập kế hoạch thực hiện việc cập nhật CTĐT thường xuyên dựa trên ý kiến phản hồi của các BLQ ít nhất 2 năm 1 lần tạo điều kiện thuận lợi nhất cho lực lượng GV, SV tiếp cận tri thức mới, cải tiến, nâng cấp nội dung, cấu trúc và cách thức truyền tải các học phần, đáp ứng kết quả thực hiện mục tiêu CĐR của CTĐT.

Tiếp tục tiến hành các hoạt động nhằm mục đích giới thiệu CTĐT ngành SPTA đến các BLQ. Đẩy mạnh công tác quảng bá thông tin về bản mô tả CDR của CTĐT và đề cương chi tiết các học phần tới cộng đồng xã hội.

3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Lên kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT theo chu kỳ 2 năm/lần và tiếp tục đẩy mạnh việc lấy ý kiến phản hồi từ SV, GV và đặc biệt là nhà tuyển dụng về việc cải tiến CTĐT, CTDH nhằm chủ động bổ sung, điều chỉnh hợp lý và logic hơn, góp phần đạt được kết quả cao trong việc thực hiện CTDH, đạt được mục tiêu đề cập ở CDR trong CTĐT.

Tranh thủ tạo thêm môi trường thực hành sư phạm cho SV. Qua đó việc đánh giá chất lượng CTDH của các học phần trong CTĐT sẽ được rõ ràng và cụ thể hơn.

Tiếp tục rà soát cấu trúc, cân nhắc các khối kiến thức, các học phần để CTĐT, trong đó có CTDH được hoàn thiện hơn. Bên cạnh đó, tích cực tham khảo, lắng nghe ý kiến của các BLQ, đặc biệt là nhà tuyển dụng nhằm cụ thể và chất lượng hoá CTĐT, CTDH.

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Tiếp tục thực hiện việc cụ thể hoá các mục tiêu và tiếp cận trong giáo dục thành hành động cụ thể thông qua các chương trình hành động, các nhiệm vụ đào tạo và các hoạt động giảng dạy, hợp tác, phát triển chuyên môn cũng như đào tạo kỹ năng cũng như tiến hành việc khảo sát, bổ sung, điều chỉnh lại tất cả các hoạt động dạy và học đối với tất cả các học phần.

Bộ môn tiếp tục kiện toàn hệ thống cơ sở vật chất, duy trì việc lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ cũng như lên kế hoạch mới cho công tác NCKH trong GV, SV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cũng như khả năng tự học, học tập suốt đời và tự phát triển bản thân.

3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Bộ môn PPDHTA sẽ lên kế hoạch xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi. Việc đánh giá mức độ hoàn thành CĐR ở nội dung thái độ người học cũng sẽ được lượng hóa cụ thể hơn.

Bộ môn PPDHTA tăng cường việc tập huấn, đào tạo cho cán bộ của Bộ môn về hoạt động kiểm tra đánh giá, nâng cao năng lực thực hiện việc kiểm tra, đánh giá. Ngoài ra, việc nghiên cứu đổi mới, đa dạng phương pháp kiểm tra đánh giá cũng như xây dựng quy trình đánh giá chặt chẽ và hiệu quả hơn cũng được quan tâm. Tiếp tục thực hiện đúng quy định, quy trình hoạt động khiếu nại về kết quả học tập cũng như tích cực phổ biến rộng rãi các quy định tới toàn thể SV.

Bộ môn tiếp tục tiến hành hoạt động phân tích ý kiến phản hồi các BLQ, chủ yếu là người học nhằm làm tham chiếu cho kế hoạch điều chỉnh hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đạt hiệu quả tốt nhất.

3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Bộ môn tiếp tục đề xuất Khoa kế hoạch điều chuyển, bổ nhiệm cán bộ sao cho phù hợp nhất với tình hình cụ thể theo từng thời điểm.

Ngoài ra Bộ môn còn chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho GV thông qua các khóa học nâng cao trình độ, tập huấn cũng như tăng cường tham gia các hoạt động NCKH. Song song đó, việc yêu cầu các GV phải tham gia hoạt động NCKH như là một trong những tiêu chí bắt buộc trong việc xét thi đua, phân loại khen thưởng cũng sẽ được thực hiện.

3.7. Đội ngũ nhân viên

BCN KNN sẽ có biện pháp theo dõi quá trình phấn đấu, bồi dưỡng cũng như đánh giá hiệu quả trong công việc của từng nhân viên, kết hợp với nhu cầu cá nhân để vạch ra lộ trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp nhất với vị trí và yêu cầu công việc.

KNN có kế hoạch quy hoạch vị trí công việc kiêm nhiệm ở cấp Bộ môn và đề xuất lên Trường. Ngoài ra việc công khai, phổ biến các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chỉnh sẽ tiếp tục được thực hiện.

KNN sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ về chất lượng đội ngũ nhân viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao nhằm làm cơ sở cho công tác quy hoạch đội ngũ này ngày một hiệu quả hơn.

3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường tiếp tục phát huy chiến lược, kế hoạch cũng như công khai chính sách tuyển sinh. Tiếp tục công tác giám sát, thông tin đến từng SV chưa hoàn thành các học phần để có thể chủ động lên kế hoạch học tập thích hợp. Ngoài ra, KNN lên kế hoạch hỗ trợ cho SV trong công tác tiếp cận với nhà tuyển dụng, đồng thời thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng cũng như mở rộng mạng lưới kết nối với cựu SV để tăng cơ hội việc làm cho SV.

KNN kiến nghị Trường xúc tiến đầu tư cải tạo, sửa chữa lại toàn bộ khuôn viên KNN, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đội ngũ GV làm việc cũng như thúc đẩy việc học tập, NCKH, sinh hoạt của SV. Các buổi tọa đàm, tuyên truyền ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ cảnh quan trong khuôn viên của Khoa cho toàn thể đối tượng SV và nhân viên của đơn vị cũng sẽ được thực hiện.

3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

KNN tiếp tục xin ý kiến chỉ đạo của Trường tiến hành rà soát, sau đó là nâng cấp, hoặc xây mới một số công trình, đầu tư mới hệ thống CSVC cho Khoa, lưu ý đến đối tượng người khuyết tật. Về tài nguyên học tập, Khoa đề nghị TTHL bổ sung thêm đầu sách phục vụ chuyên ngành SPTA. KNN lên kế hoạch tạo thêm không gian cho SV thực tập ngôn ngữ, kỹ năng giảng dạy (các phòng seminar, tập giảng, ...), gặp gỡ GV trao đổi thêm về các nội dung trên lớp, chia sẻ thêm kinh nghiệm sống và học

tập. Ngoài ra Bộ môn sẽ đề nghị lên Khoa làm cơ sở báo cáo Trường xin đầu tư thêm một thư viện đặt tại KNN phục vụ cho SV, GV.

3.10. Nâng cao chất lượng

KNN tiếp tục rà soát lại toàn bộ hệ thống CSVC, CNTT trong đơn vị nhằm tiến hành đánh giá năng suất sử dụng và có kế hoạch điều chỉnh hợp lý, đặc biệt là các phòng chức năng.

Nhằm nâng cao chất lượng công tác NCKH trong GV và SV, KNN lên kế hoạch thúc đẩy hoạt động NCKH thông qua việc thành lập các nhóm NCKH và thường xuyên gặp gỡ trao đổi thông tin. Ngoài ra, tiến hành lên kế hoạch tập huấn cho SV về kiến thức, kỹ năng NCKH thường xuyên trong từng học kỳ và có kế hoạch phân công GV hỗ trợ tư vấn cho SV thực hiện đề tài NCKH.

KNN tiếp tục duy trì việc lắng nghe ý kiến phản hồi của các BLQ, đặc biệt là nhà tuyển dụng về chất lượng CTDH. Tiếp tục công tác xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng GV hợp lý, định lượng hơn.

3.11. Kết quả đầu ra

Khoa tiếp tục phối hợp Bộ môn thực hiện việc rà soát kết quả học tập của SV mỗi học kỳ để kịp thời có biện pháp giúp SV cải thiện kết quả học tập. Ngoài ra tăng cường giám sát, yêu cầu CVHT luôn nhắc nhở SV rà soát kế hoạch học tập, kết quả học tập và kịp thời điều chỉnh.

KNN tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát lại CTĐT ngành SPTA, các mục tiêu CDR sao cho bám sát với yêu cầu công việc trong thời đại mới. KNN tăng cường việc xác lập tỷ lệ việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, khảo sát thông tin các BLQ cùng với việc mở rộng liên kết với các nhà tuyển dụng.

KNN sẽ tiếp tục phối hợp với TTQLCL tiến hành xác lập và phân tích chi tiết các dữ liệu có được từ thông tin phản hồi của các BLQ về các hoạt động đào tạo, NCKH, ... tại KNN, từ đó đánh giá chính xác và có kế hoạch cải tiến thích hợp.

Với những điểm nổi bật và một số tồn tại đã nêu ra ở trên, kết quả tự đánh giá CTĐT ngành SPTA được thể hiện thông qua bảng sau:

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Cần Thơ**

Tên chương trình đào tạo: **Sư phạm tiếng Anh**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100%

Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								5,40	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2						6				
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5						6				
Tiêu chuẩn 6								5,00	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3						6				
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								5,20	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2						6				

Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								5,20	5	100%
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2						6				
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								5,00	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								4,83	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						

Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								5,00	5	100%
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								5,06	50	100%

Cần Thơ, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 01/04/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Trường Đại học Cần Thơ
- Tiếng Anh: Can Tho University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

- Tiếng Việt: ĐHCT
- Tiếng Anh: CTU

3. Tên trước đây (nếu có): Viện Đại học Cần Thơ

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Khu 2, Đường 3-2, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0292 3832 663 Số fax : 0292 3838 474

7. E-mail: dhct@ctu.edu.vn Website: www.ctu.edu.vn

8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 31/03/1966

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1966

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1970

11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒

Bán công ☐

Dân lập ☐ Tư thực

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Khoa Ngoại ngữ
- Tiếng Anh: School of Foreign Languages

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo:

- Tiếng Việt: Khoa Ngoại ngữ
- Tiếng Anh: SFL

14. Tên trước đây (nếu có):

15. Tên chương trình đào tạo

- Tiếng Việt: Sư phạm Tiếng Anh
- Tiếng Anh: English Teacher Education

16. Mã chương trình đào tạo: 72140231

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo: 411 Đường 30 tháng 4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

19. Số điện thoại liên hệ: 0292. 3872 285 Số fax: 0292. 3872 285

20. E-mail: knn@ctu.edu.vn Website: <https://sfl.ctu.edu.vn/>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập: 2015)

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của chương trình đào tạo): 1976

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của chương trình đào tạo): 1980

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo:

Khoa Ngoại ngữ được thành lập vào ngày 23 tháng 03 năm 2015 (Quyết định số 714/QĐ – ĐHCT), trụ sở/văn phòng làm việc đặt tại số 411 đường 30 tháng 4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu I - Trường Đại học Cần Thơ). Được tách từ Khoa Sư phạm và Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, với số lượng Viên chức – Người lao động khi thành lập là 97 người, từ tháng 3/2015 Khoa đã không ngừng hoàn thiện và phát triển vững mạnh trong công tác đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế.

Việc thành lập KNN đáp ứng nhu cầu phát triển của Trường ĐHCT, là đơn vị đầu mối chuyên sâu trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ, tư vấn cho BGH Trường trong NCKH và phát triển các quy trình, giải pháp liên quan đến ngoại ngữ, giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ, văn hóa nước ngoài và biên dịch-phiên dịch; tranh thủ sự hỗ trợ trong nước và quốc tế để đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, quản lý thuộc lĩnh vực ngoại ngữ và giảng dạy ngoại ngữ; chuyển giao kiến thức và cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, NCKH thuộc lĩnh vực ngoại ngữ vùng ĐBSCL và các đối tượng có nhu cầu.

KNN còn làm nhiệm vụ tư vấn cho BGH về công tác khảo thí, đánh giá năng lực ngoại ngữ cho SV và các đối tượng có nhu cầu tại khu vực ĐBSCL theo nhiệm vụ do Bộ GD&ĐT phân công; xây dựng lộ trình phát triển và nghiên cứu mở rộng thêm nhiều ngành đào tạo, chương trình giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa của thế giới và cộng đồng ASEAN, đặc biệt là đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển CTĐT, chương trình giảng dạy tiếng Khơ-me, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Hàn, ...

Hoạt động đào tạo

Về đào tạo và bồi dưỡng: Khoa có hơn 1.611 SV chính quy với 04 ngành đào tạo và 01 chuyên ngành bao gồm Sư phạm tiếng Anh, Sư phạm tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Anh và Chuyên ngành Biên dịch – Phiên dịch tiếng Anh và chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Ngôn ngữ Anh. Khoa tham gia đào tạo hơn 1.600 SV tại các Trung

tâm liên kết đào tạo của ĐBSCL. Về đào tạo Sau đại học, hiện có 226 học viên cao học ngành Lý luận Phương Pháp Dạy học Bộ Môn tiếng Anh và Lý luận Phương Pháp Dạy học Bộ Môn tiếng Pháp. Tham gia xây dựng chương trình và giảng dạy tiếng Anh tăng cường cho SV các lớp đào tạo tiên tiến và chất lượng cao của Trường ĐHCT. Giảng dạy tiếng Anh, tiếng Pháp căn bản cho SV không chuyên ngữ toàn Trường. Triển khai nhiệm vụ bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia và thực hiện công tác bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiếng Anh cho học viên các tỉnh /thành do Bộ GD&ĐT phân giao.

Hoạt động Nghiên cứu khoa học và Hợp tác Quốc tế

Về hợp tác quốc tế: Khoa đóng vai trò nòng cốt trong nhiều dự án của Tổ chức Pháp ngữ (Organisation Internationale de la Francophonie – OIF), Tổ chức các trường đại học Pháp ngữ (Agence Universitaire de la Francophonie – AUF) có liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Hỗ trợ tích cực UBND thành phố Cần Thơ trong các chương trình hợp tác. Thường xuyên tiếp nhận các tình nguyện viên từ các tổ chức quốc tế (Anh, Pháp, Mỹ, ...) đến hỗ trợ giảng dạy ngoại ngữ tại đơn vị. Khoa có nhiều mối quan hệ tốt với các Trường Đại học ở Châu Á. Khoa đã chủ động tìm kiếm đối tác và thành công trong các hoạt động hợp tác, tạo được niềm tin và được đối tác đánh giá cao. Các chương trình hợp tác quốc tế của Khoa đã nâng cao vai trò, vị trí của Khoa đồng thời thể hiện vai trò của Khoa trong việc hỗ trợ phát triển năng lực chuyên môn cho GV và giáo viên của các cơ sở đào tạo khu vực ĐBSCL. Các chương trình hợp tác với các đối tác nói tiếng Pháp đã nâng cao vị trí của Khoa với các trường trong nước và trong khu vực; chương trình hợp tác với các trường Đại học Rangsit, Phranakhon và Nakhon Pathom Thái Lan đã tạo một bước tiến quan trọng trong công tác đào tạo đại học và sau đại học của Khoa. Chương trình hợp tác với Đại học Sydney và các nước ASEAN đã hỗ trợ rất tốt cho việc phát triển chuyên môn, năng lực NCKH của GV.

Các chương trình HTQT của Khoa nhằm tập trung trao đổi GV và SV hướng tới việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ, nghiệp vụ sư phạm, tăng cường kiến thức ngôn ngữ và văn

hóa, năng lực NCKH cho GV và SV.

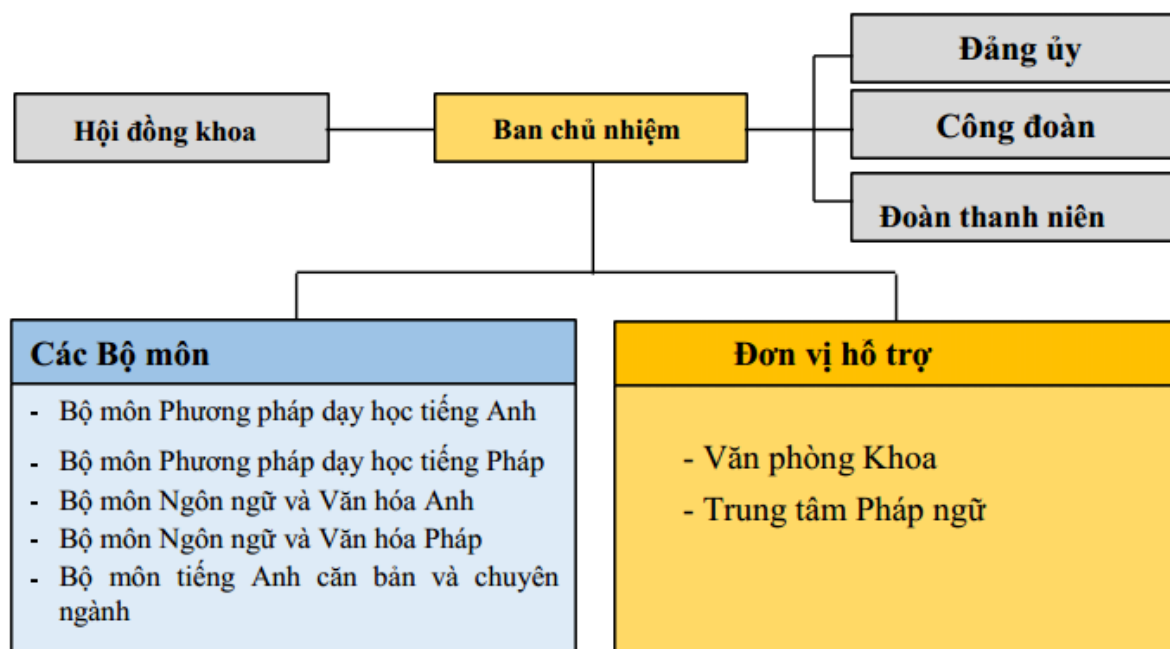
25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Trường ĐHCT là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành đa lĩnh vực. Hiện nay, Trường đào tạo 99 chuyên ngành đại học (có 2 ngành đào tạo Chương trình tiên tiến và 8 ngành đào tạo Chương trình chất lượng cao), 48 chuyên ngành cao học (trong đó 1 ngành liên kết với nước ngoài, 3 ngành đào tạo bằng tiếng Anh), 19 chuyên ngành nghiên cứu sinh.

Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHCT như sau:



Về phía KNN, sơ đồ tổ chức của Khoa như sau:



Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trong Khoa được mô tả như sau:

Bộ môn Phương pháp dạy học tiếng Anh (Department of English Language Teacher Education): Quản lý chương trình đào tạo Cử nhân SPTA, ThS chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Anh; Tham gia giảng dạy các hoạt động chuyên môn của Đề án Ngoại ngữ 2020 tại Trường ĐHCT và các CTĐT khác do Khoa quản lý; Nghiên cứu khoa học về giảng dạy ngoại ngữ và ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm đổi mới dạy và học tại cơ sở trong Khu vực ĐBSCL.

Bộ môn Phương pháp dạy học tiếng Pháp (Department of French Language Teacher Education): Quản lý chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm tiếng Pháp, ThS chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Pháp, đào tạo giáo viên tiếng Pháp, phát triển chuyên môn về giảng dạy tiếng Pháp và nâng cao năng lực chuyên môn tiếng Pháp cho giáo viên thuộc Khu vực ĐBSCL; Tham gia giảng dạy các CTĐT khác do Khoa quản lý; NCKH và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực khoa học ngôn ngữ, khoa học giáo dục và đặc biệt là giảng dạy ngoại ngữ.

Bộ môn Ngôn ngữ và Văn hóa Anh (Department of English Language and Culture): Quản lý chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Phiên dịch – Biên dịch tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh chất lượng cao; Tham gia giảng dạy các hoạt động chuyên môn của Đề án Ngoại ngữ 2020 tại Trường ĐHCT và các CTĐT khác do Khoa quản lý; Nghiên cứu khoa học về giảng dạy ngoại ngữ và ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm đổi mới dạy và học tại cơ sở trong Khu vực ĐBSCL; đánh giá CTĐT; nghiên cứu về văn hóa, ngôn ngữ và văn chương.

Bộ môn Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp (Department of French Language and Culture): Quản lý CTĐT Cử nhân Ngôn ngữ Pháp; Tham gia giảng dạy môn Pháp văn căn bản và tiếng Pháp tăng cường cho SV toàn Trường. NCKH và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực khoa học ngôn ngữ, dịch thuật, khoa học giáo dục và đặc biệt là giảng dạy ngoại ngữ.

Bộ môn tiếng Anh căn bản và Chuyên ngành (Department of General English and ESP) quản lý chuyên môn việc giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản 1, 2 và 3 dành cho SV không chuyên ngữ hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học của Trường ĐHCT, giảng dạy các học phần tiếng Anh tăng cường cho SV các ngành chất lượng cao và tiên tiến, và giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho một số ngành thuộc Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, và Khoa Khoa học Chính trị tại Trường ĐHCT. NCKH về giảng dạy ngoại ngữ và ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm đổi mới dạy và học tại cơ sở trong khu vực ĐBSCL.

VPK (Administration Office): VPK là bộ phận tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo đơn vị trong việc tổ chức và quản lý mọi mặt công tác hành chính, tổ chức cán bộ, SV, tài chính, tài sản, vật tư, thiết bị, đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế của đơn vị.

Trung tâm Pháp ngữ (French Language Center): Trung tâm là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu về giảng dạy ngôn ngữ/ ngoại ngữ trực thuộc Trường ĐHCT và KNN quản lý về chuyên môn. Trung tâm có nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng CNTT trong việc dạy và học ngoại ngữ, đổi mới

thi kiểm tra và đánh giá.

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	<i>Ban giám hiệu</i>					
	Hiệu trưởng	Hà Thanh Toàn	1963	GS.TS	0292 3830 604	huttoan@ctu.edu.vn
	Phó hiệu trưởng	Trần Thị Thanh Hiền	1965	PGS.TS	0292 3872 098	ttthien@ctu.edu.vn
	Phó hiệu trưởng	Lê Việt Dũng	1960	PGS.TS	0292 3687 666	lvdung@ctu.edu.vn
	Phó hiệu trưởng	Trần Trung Tính	1973	PGS.TS	0292 3872 073	tttinh@ctu.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					

I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	<i>BCN Khoa</i>					
	Trưởng Khoa	Trịnh Quốc Lập	1967	PGS.TS	0939411261	tqlap@ctu.edu.vn
	Phó Trưởng Khoa	Trần Văn Lựa	1962	TS	0918238281	tvlua@ctu.edu.vn
	Phó Trưởng Khoa	Phương Hoàng Yến	1978	PGS.TS	0919756660	phyen@ctu.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	<i>Đảng ủy Khoa</i>					

	Bí thư	Trần Văn Lựa	1962	TS	0918238281	tvlua@ctu.edu.vn
	Phó Bí thư	Diệp Kiến Vũ	1970	TS	0919054124	dkvu@ctu.edu.vn
2.	<i>Công đoàn</i>					
	Chủ tịch	Hồ Phương Thùy	1972	Ths	0988390090	hpthuy@ctu.edu.vn
	Phó Chủ tịch	Huỳnh Minh Hiền	1975	Ths	0903015111	hmhien@ctu.edu.v n
3.	<i>Chi Đoàn CB</i>					
	Bí thư	Huỳnh Thị Anh Thư	1990	Ths	0907880380	htathu@ctu.edu.vn
III.	Các phòng, ban					
1.	<i>VPK</i>					
	Chánh VPK	Nguyễn Thị Minh Thư	1976	CN	0915679489	ntmt@ctu.edu.vn

IV.	Các bộ môn					
1.	<i>BM NN&VH Anh</i>	Phuong Hoàng Yến	1978	PGS.TS	0919756660	phyen@ctu.edu.vn
2	<i>BM NN&VH Pháp</i>	Diệp Kiến Vũ	1970	TS	0919054124	dkvu@ctu.edu.vn
3	<i>BMPPD H tiếng Anh</i>	Nguyễn Anh Thi	1985	TS	0919137545	nathi@ctu.edu.vn
4	<i>BMPPD H tiếng Pháp</i>	Võ Văn Chương	1973	TS	0918867743	vvchuong@ctu.edu.vn
5	<i>BMTAC B&CN</i>	Lê Xuân Mai	1980	TS	0939286161	lxmai@ctu.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo:

Số lượng chuyên ngành đào tạo TS: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo ThS: 2

Số lượng ngành đào tạo đại học: 4

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0.

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☒	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

29. Tổng số các ngành đào tạo: 4

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu:79 <i>Trong đó: (72 CB biên chế; 07 CB hợp đồng)</i>	35	44	79
I.1	Cán bộ trong biên chế	31	41	72
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	04	03	07
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	35	44	79

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	04	02	0	02	02	0
3	TS khoa học	0	0	0	0	0	0
4	TS	20	18	0	04	02	0
5	ThS	51	49	02	02	0	0
6	Đại học	01	01	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	76	70	02	08	04	0

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 72 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 72/79 (91,14%)

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ Tiến sĩ khoa học nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với trường đại học, học viện*).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	02	02	0	02	02	0	09
3	TS khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	2,0	18	18	0	04	02	0	39,2

5	ThS	1,0	51	49	02	02	0	0	51,6
6	Đại học	0,5	01	01	0	0	0	0	0,5
	Tổng		72	70	02	08	04	0	100,3

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

TT	Trình độ/học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	02	2,78	01	01	0	01	0	01	0
3	TS khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	18	25	12	06	0	05	10	03	0
5	ThS	51	70,83	21	30	0	17	28	06	0

6	Đại học	01	1,39	01	0	0	0	0	01	0
Tổng		72	100	35	37	0	23	38	11	0

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 44 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: 20/72 (27,77%)

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: 51/72 (70,83%)

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	100	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	-	-
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	-	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	-	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (trên 0-20% thời gian của công việc)	-	-
Tổng		100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo):

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Tổng số người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thật tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2015-2016	535	88	535/80	88	22,75/30	25,63	0
2016-2017	221	82	221/50	57	21,0/30	21,0	0
2017-2018	928	45	928/40	45	24,5/30	25,88	0
2018-2019	493	30	493/20	29	21,75/30	23,75	0
2019-2020	441	40	441/30	39	23,5/30	25,13	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học chương trình đào tạo trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên					

cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. SV đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	88	57	45	29	39
Hệ không chính quy	35	171	83	0	0

37. Số sinh viên quốc tế theo học chương trình đào tạo trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

38. Người học của chương trình đào tạo có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m2)	77.259.12	77.259.12	77.259.12	75.619.62	73.463.60
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	7	4	4	3	2
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	147	102	72	68	51
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m2/người)	9.5	6.3	6.3	6.3	6.3

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của chương trình đào tạo tham gia nghiên cứu khoa học:

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng	0	3	0	1	0

(người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	0%	5,26%	0%	3,45%	0%

40. Thống kê số lượng người học của chương trình đào tạo tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015	2016	2017	2018	2019
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án TS					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp đại học, trong đó:					
Hệ chính quy	87	88	96	69	77
Hệ không chính quy	34	143			

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của chương trình đào tạo:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	87	88	96	69	77
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	80,6%	90,7%	78,0%	77,5%	87,5%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	96,15%	94%	96%	93%	100%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	3,85%	4%	2%	7%	0%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0%	2%	2%	0%	0%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.		100%	91,6%	88%	92,5%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.					
B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tổng (đã quy đổi)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	1	0	0	0	1,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	01	02	02	03	01	4,5
4	Tổng		01	03	02	03	01	5,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 5,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,07

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2015-2016	0	0	0
2	2016-2017	0	0	0

3	2017-2018	0	0	0
4	2018-2019	0	0	0
5	2019-2020	0	0	0

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp Trường	Ghi chú
Từ 1 đến 3 đề tài	0	01	24	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	01	24	

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	01	
2	Sách giáo trình	1,5	0	04	04	03	03	

3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	02	
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	
5	Tổng			04	04	03	06	25

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 25,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,32

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	01	22	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	01	22	0	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2015	2016	2017	2018	2019	Tổng (đã quy đổi)

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2015	2016	2017	2018	2019	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	08	14	21	26	15	126
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	02	02	04	01	06	15
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	03	10	14	07	05	19,5
Tổng			13	26	39	34	26	160,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 160,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,03

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	11	11	14
Từ 6 đến 10 bài báo	03	0	01

Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	02	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	16	11	15

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2015	2016	2017	2018	2019	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	13	12	23	24	12	84
2	Hội thảo trong nước	0,5	10	6	6	3	7	16
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
Tổng			23	28	29	27	19	100

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 100

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,26

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	27	34	13
Từ 6 đến 10 báo cáo	02	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	01	02	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	30	36	13

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2015-2016	0
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

	Số lượng người học tham gia	
--	-----------------------------	--

Số lượng đề tài	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	Ghi chú
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	46	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	46	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015	2016	2017	2018	2019
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	01	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	01	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 2.249.773,47 m²

53. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²):

54. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc:m² Nơi học:m² Nơi vui chơi giải trí: 55.879 m²

55. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học:m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: m²/1 sv

56. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Học liệu: 7,451 đầu sách;

57. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: bộ cho toàn Trường (Số máy tính dùng cho hệ thống VPK: bộ);

- Dùng cho người học học tập: bộ cho toàn bộ SV chính quy của trường; Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: máy tính/1 người học chính quy.

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. GV:

Tổng số GV cơ hữu (người): 79

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 72

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 27,77%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 98%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người) năm 2019-2020 (Khóa 42-45): 170

Tỷ số người học chính quy trên GV đã được quy đổi: 5,86

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%) trong 05 năm gần đây (Khóa 37-41): 82,86%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời *đã học được* những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 95,83%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 4,17%

4. Người học có việc làm sau khi tốt nghiệp (Trung bình các năm 2016-2019): 93,02%

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: không thực hiện.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,07

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,32

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,03

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,26

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 1

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:.....

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 6,94 m²

Phụ lục 2. Quyết định và Kế hoạch tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3404 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 19 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên
giai đoạn 2019 - 2020**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Điều 11, Chương II, của “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Công văn số 28/QLCL, ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng về việc đề nghị ra quyết định Kiểm định chất lượng (KDCL) chương trình đào tạo (CTĐT) giáo viên và cử viên chức tham gia Hội đồng tự đánh giá CTĐT;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập các Hội đồng Tự đánh giá và các Ban Thư ký của Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên các ngành: Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Tiếng Anh và Giáo dục Thể chất theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Các Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai thực hiện công tác KDCL CTĐT giáo viên theo kế hoạch. Nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch hội đồng phân công và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức-Cán bộ, Kế hoạch-Tổng hợp, Tài chính, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

**DANH SÁCH THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

(Kèm theo Quyết định số: 3404/QĐ-ĐHCT ngày 19 tháng 8 năm 2019)

I. Danh sách Hội đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	GS.TS. Hà Thanh Toàn	Hiệu Trưởng	Chủ tịch
2	PGS.TS. Lê Việt Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực
3	PGS. TS. Trịnh Quốc Lập	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	Phó chủ tịch
4	PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung	Thường trực HĐT, Trưởng ban Khoa học và Hợp tác	Thành viên
5	GVC. TS. Thái Công Dân	Đại diện Hội đồng KH&ĐT	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 2
6	GVC. ThS. Nguyễn Minh Trí	Trưởng PDT	Thành viên
7	CVC. CN. Lê Phi Hùng	Trưởng phòng, Phòng	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
		QTTB	
8	GVC. TS. Phan Huy Hùng	Giám đốc Trung tâm QLCL	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 1
9	TS. Nguyễn Thanh Tường	Trưởng Phòng CTSV	Thành viên
10	PGS. TS. Lê Nguyễn Đoan Khôi	Phó Trưởng Phòng QLKH	Thành viên
11	TS. Nguyễn Anh Thi	Trưởng Bộ môn	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 3
12	GVC. Nguyễn Thành Đức	Giảng viên	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 4
13	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	Sinh viên Sư phạm Tiếng Anh – Khóa 44	Thành viên

II. Danh sách Ban Thư ký

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
14	ThS. Ngô Thị Trang	Tổ trưởng Tổ Công đoàn, GV	Thành viên Nhóm

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
	Thảo	Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	công tác chuyên trách 1&2
15	GVC. ThS. Chung Thị Thanh Hằng	Giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 1
16	GVC. ThS. Lý Thị Bích Phượng	Phó Bộ môn, Bí thư Chi ủy, Giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 2&1
17	ThS. Phan Việt Thắng	Phó Bộ môn, Giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 2
18	ThS. Nguyễn Thanh Tùng	Giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 3&4
19	ThS. Phạm Thị Mai Duyên	Tổ phó Tổ Công đoàn, Giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 3
20	ThS. Lê Đỗ Thanh Hiền	Giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 4&3

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
21	ThS. Hồng Thị Thanh Trúc	Giảng viên Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 4
22	ThS. Đào Phong Lâm	Phó Giám đốc TTQLCL	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 1&2
23	KS. Nguyễn Thị Trinh	Chuyên viên TTQLCL	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 3&4

HIỆU TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn

Hai danh sách này gồm có 23 người./.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2616 /ĐHCT-KNN

Cần Thơ, ngày 31 tháng 10 năm 2019

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH
GIAI ĐOẠN 2019-2020**

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh; nhằm đăng kí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong 05 năm (thời gian từ **01/01/2015 đến 31/12/2019**).

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Thành phần Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh được thành lập theo quyết định số 3404/QĐ-ĐHCT ngày 19/8/2019 của Trường Đại học Cần Thơ, Hội đồng gồm 11 thành viên (danh sách kèm theo)

4.2. Ban Thư kí giúp việc và các nhóm chuyên trách

Ban Thư kí của Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Anh được thành lập theo quyết định số 3404/QĐ-ĐHCT ngày 19/8/2019 của Trường Đại học Cần Thơ, gồm 10 thành viên (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và MC
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Lý Thị Bích Phượng Chung Thị Thanh Hằng Ngô Thị Trang Thảo	15/11/2019 đến 30/12/2019
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	Lý Thị Bích Phượng Chung Thị Thanh Hằng Ngô Thị Trang Thảo	15/11/2019 đến 30/12/2019
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Lý Thị Bích Phượng Chung Thị Thanh Hằng Ngô Thị Trang Thảo	15/11/2019 đến 30/12/2019
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Ngô Thị Trang Thảo Lý Thị Bích Phượng Phan Việt Thắng	15/11/2019 đến 30/12/2019
5	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết	Ngô Thị Trang Thảo	15/11/2019

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và MC
	quả học tập của người học	Lý Thị Bích Phượng Phan Việt Thắng	đến 30/12/2019
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Ngô Thị Trang Thảo Lý Thị Bích Phượng Phan Việt Thắng	15/11/2019 đến 30/12/2019
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nguyễn Anh Thi Phạm Thị Mai Duyên Nguyễn Thanh Tùng Lê Đỗ Thanh Hiền	15/11/2019 đến 30/12/2019
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Nguyễn Anh Thi Phạm Thị Mai Duyên Nguyễn Thanh Tùng Lê Đỗ Thanh Hiền	15/11/2019 đến 30/12/2019
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nguyễn Anh Thi Phạm Thị Mai Duyên Nguyễn Thanh Tùng Lê Đỗ Thanh Hiền	15/11/2019 đến 30/12/2019
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Nguyễn Thanh Tùng Nguyễn Thành Đức Hồng Thị Thanh Trúc Lê Đỗ Thanh Hiền	15/11/2019 đến 30/12/2019

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và MC
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nguyễn Thanh Tùng Nguyễn Thành Đức Hồng Thị Thanh Trúc Lê Đỗ Thanh Hiền	15/11/2019 đến 30/12/2019

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Thu thập các MC: - Bản mô tả CTĐT và bản mô tả HP (bao gồm mục tiêu chung và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Sư phạm T. Anh). - Tài liệu quảng bá các bản tin về khóa học. - Sự đóng góp ý kiến của các BLQ về CTĐT ngành SP. Tiếng Anh. - Trang thông tin điện tử của Khoa, Bộ môn về CTĐT	Nhân lực: Lý Thị Bích Phượng Chung Thị Thanh Hằng Ngô Thị Trang Thảo CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các BLQ.	15/11/2019 đến 30/12/2019

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		ngành SP tiếng Anh. - Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát chương trình CTĐT. - Các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh liên quan CTĐT (nếu có).		
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	Thu thập các MC: - Đề cương cập nhật tất cả các HP. - Ma trận kỹ năng. - Trang thông tin điện tử của Khoa liên quan đến từng HP cụ thể. - Ý kiến đóng góp các BLQ về đề cương HP (nếu có). - Các hình thức và kế hoạch cung cấp bản mô tả chương trình đến các BLQ. - Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát	Nhân lực: Lý Thị Bích Phượng Chung Thị Thanh Hằng Ngô Thị Trang Thảo CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm.	15/11/2019 đến 30/12/2019

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		chương trình của các HP trong CTĐT. - Báo cáo về kiểm định và đối sánh chất lượng CTĐT của các HP.		
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo	Thu thập các MC: - Bản mô tả CDR của mỗi HP như nội dung đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, thời lượng đào tạo của HP, ...) - Sơ đồ tiến trình CTĐT, trong đó có các HP cụ thể (nếu có) - Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát chương trình. - Các báo cáo về kiểm định và đối sánh trong nội bộ đơn vị (hoặc đơn vị ngoài) về nội dung chương trình từng HP. - Góp ý, phản hồi của các	Nhân lực: Lý Thị Bích Phượng Chung Thị Thanh Hằng Ngô Thị Trang Thảo CSVCL: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các BLQ.	15/11/2019 đến 30/12/2019

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		BLQ về nội dung, cấu trúc chương trình (phải chính thống và có sự công nhận).		
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Thu thập các MC: - Cổng thông tin học tập trực tuyến. - Rà soát, điều chỉnh bổ sung và cập nhật các phương pháp tiếp cận trong dạy và học. - MC các hoạt động học tập rèn luyện kỹ năng như các dự án, kiến tập thực tập,... - Phản hồi các BLQ. - Các bản gh nhớ. - MC các hoạt động câu lạc bộ, nhóm kỹ năng (tập giảng,...). - Các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Nhân lực: Ngô Thị Trang Thảo Lý Thị Bích Phượng Phan Việt Thắng CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phỏng vấn các BLQ.	15/11/2019 đến 30/12/2019
5	Tiêu chuẩn	Thu thập các MC:	Nhân lực:	15/11/2019

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
	5: Đánh giá kết quả học tập của người học	- Bảng tiêu chí đánh giá cho từng HP. - Quy trình tổ chức đánh giá. - Thang điểm. - Quy trình/thủ tục khiếu nại. - Mẫu phiếu đánh giá khóa học/học phần, đề tài/dự án, luận văn, luận án, bài thi cuối kì/ cuối khóa. - Quy định về thi, kiểm tra đánh giá. - Ý kiến phản hồi của người học về phương pháp và quy trình đánh giá kết quả học tập, quy trình khiếu nại kết quả học tập.	Ngô Thị Trang Thảo Lý Thị Bích Phượng Phan Việt Thắng CSVCL: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các BLQ.	đến 30/12/2019
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu	Thu thập các MC: - Kế hoạch nguồn nhân lực. - Cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn,... của	Nhân lực: Ngô Thị Trang Thảo Lý Thị Bích Phượng	15/11/2019 đến 30/12/2019

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
	viên	GV. - Các kế hoạch phát triển nghề nghiệp và đội ngũ kế thừa. - Tiêu chuẩn tuyển dụng trong vòng 05 năm. - Trình độ chuyên môn của GV. - Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ. - Hệ thống đánh giá đồng cấp và hệ thống khen thưởng. - Phản hồi của người học liên quan đến đánh giá kết quả. - Cơ chế thi đua khen thưởng. - Khối lượng công việc của GV. - Sơ đồ tổ chức của khoa/bộ môn.	Phan Việt Thắng CSV: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các BLQ.	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		- Các chính sách nhân sự. - Sổ tay GV. - Bản mô tả vị trí công việc. - Hợp đồng lao động. - Dữ liệu về các nghiên cứu và công bố. - Dữ liệu về hoạt động chuyển giao công nghệ. - Văn bằng/chứng chỉ quốc gia và chứng chỉ nghề nghiệp.		
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Thu thập các MC: - Kế hoạch nhân sự. - Các kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ. - Tiêu chí tuyển dụng. - Trình độ chuyên môn của nhân viên. - Phân tích nhu cầu đào tạo. - Kế hoạch và kinh phí dành cho hoạt động đào tạo	Nhân lực: Nguyễn Anh Thi Phạm Thị Mai Duyên Nguyễn Thanh Tùng Lê Đỗ Thanh Hiền CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn	15/11/2019 đến 30/12/2019

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		và phát triển đội ngũ nhân viên. - Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc. - Phản hồi của người học. - Các kế hoạch khen thưởng và công nhận. - Sơ đồ tổ chức của đội ngũ nhân viên. - Chính sách nhân sự. - Sổ tay cho nhân viên. - Bản mô tả công việc. - Hợp đồng lao động.	phòng phẩm, phỏng vấn các BLQ.	
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Thu thập các MC: - Xu hướng tuyển sinh đầu vào. - Hệ thống tín chỉ. - Khối lượng học tập. - Các báo cáo kết quả học tập của người học.	Nhân lực: Nguyễn Anh Thi Phạm Thị Mai Duyên Nguyễn Thanh Tùng Lê Đỗ Thanh Hiền CSV: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản,	15/11/2019 đến 30/12/2019

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		- Sự tham gia của người học vào các hoạt động học thuật và phi học thuật, các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi, ... - Các cơ chế báo cáo và phản hồi về tiến độ học của người học. - Việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người học ở cấp trường và cấp khoa. - Các quy trình hướng dẫn và tư vấn cho người học. - Phản hồi của người học và đánh giá học phần.	tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phỏng vấn các BLQ.	
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Thu thập các MC: - Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần cứng và phần mềm máy tính, ... - Nhật ký sử dụng trang thiết bị, tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/không	Nhân lực: Nguyễn Anh Thi Phạm Thị Mai Duyên Nguyễn Thanh Tùng Lê Đỗ Thanh Hiền	15/11/2019 đến 30/12/2019

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		hoạt động, số giờ vận hành. - Kế hoạch bảo trì. - Kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị. - Chính sách về an toàn, sức khỏe và môi trường. - Kế hoạch ứng phó khẩn cấp. - Kết quả phản hồi của người học và cán bộ, GV. - Ngân sách dành cho cơ sở vật chất và trang thiết bị.	CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các BLQ.	
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Thu thập các MC: - Quy trình và các biên bản họp liên quan đến hoạt động thiết kế, rà soát và phê duyệt CTĐT. - Góp ý của các BLQ. - Đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm tra - đánh giá	Nhân lực: Nguyễn Thanh Tùng Nguyễn Thành Đức Hồng Thị Thanh Trúc Lê Đỗ Thanh Hiền CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính,	15/11/2019 đến 30/12/2019

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		người học. - Đánh giá từ bên ngoài. - Đối sánh trong và ngoài nước. - Phản hồi về chương trình và học phần. - Sử dụng kết quả phản hồi để phục vụ cải tiến CTĐT. - Mẫu bảng câu hỏi lấy ý kiến phản hồi. - Các báo cáo kết quả thu được từ khảo sát, trao đổi nhóm, đối thoại, điều tra theo dấu vết,...	máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phỏng vấn các BLQ.	
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Thu thập các MC: - Quy trình và chỉ số đo lường sự hài lòng của các BLQ. - Xu hướng về mức độ hài lòng của các BLQ. - Các đợt khảo sát người	Nhân lực: Nguyễn Thanh Tùng Nguyễn Thành Đức Hồng Thị Thanh Trúc Lê Đỗ Thanh Hiền CSVC: Văn phòng	15/11/2019 đến 30/12/2019

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		học vừa tốt nghiệp, người học đã tốt nghiệp và nhà tuyển dụng. - Các bài báo có liên quan đến kết quả đầu ra của chương trình. - Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng. - Thống kê về tuyển dụng. - Phản hồi của nhà tuyển dụng.	làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các BLQ.	

6. Thời gian thực hiện tự đánh giá

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 14 (19/8/2019 đến 24/11/2019)	1. Họp (Lãnh đạo) nhằm thực hiện CTĐT, thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT cũng như nhiệm vụ cụ thể. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.
	1. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất

Thời gian	Các hoạt động
	lượng CTĐT; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; 2. Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT. 1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và SV tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Hợp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 15 – 20 (25/11/2019 đến 29/12/2019)	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC. 3. Mã hoá các thông tin và MC thu được. 4. Mô tả thông tin và MC thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các MC để xem xét sự phù hợp của MC

Thời gian	Các hoạt động
	với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 21 – 26 30/12/2020- 9/2/2020	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 27 10/2/2020- 16/2/2020	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và MC được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và MC thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 28-29 17/2/2020- 01/3/2020	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 30-31 2/3/2020- 15/3/2020	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ Trường và Khoa/Bộ môn. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, GV, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 32-33 16/3/2020- 29/3/2020	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét.
Tuần 34 30/3/2020- 4/4/2020	1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Trường, Khoa, Bộ môn bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin MC theo thứ tự mã MC đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để họp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các bộ môn, phòng ban có liên quan;
- Lưu VT, KNN.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn

Phụ lục 3. Danh mục MC

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo				
H1.01.01.01	QĐ Vv Thành lập Tổ thư ký và các tổ điều chỉnh CTĐT đại học	4235/QĐ-ĐHCT/2018	Trường ĐHCT	
H1.01.01.02	Bản mô tả CTĐT ngành SPTA K45	2019	Trường ĐHCT	
H1.01.01.03	Vv Trường ĐHCT giữ vị trí thứ 3 trong топ 10 trường ĐH tốt nhất Việt Nam	31/01/2020	Bảng xếp hạng của Webometrics	
H1.01.01.04	Văn bản chính thức về tầm nhìn, sứ mệnh Trường ĐHCT	6/2019	Trường ĐHCT	
H1.01.01.05	Luật Giáo dục đại học 2012	Số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012	QH Khóa 13	
	Luật Giáo dục sửa đổi, bổ sung 2018	Số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	QH Khóa 14	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H1.01.02.01	QĐ Vv Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 17/QĐ-VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014	Bộ GD&ĐT	
	QĐ Vv Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	Bộ GD&ĐT	
	TT Vv Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 57/2012/TT/BGDĐT ngày 27/12/2012	Bộ GD&ĐT	
H1.01.02.02	Bản mô tả đề cương chi tiết học phần K45	2019	Trường ĐHCT	
H1.01.02.03	Ma trận CDR CTĐT ngành SPTA K45	2019	Trường ĐHCT	
H1.01.03.01	Biên bản họp Giao ban Khoa	2015-2020	KNN	
H1.01.03.02	Biên bản họp Bộ môn	2015-2020	Bộ môn	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			PPDHTA	
H1.01.03.03	QĐ Vv Ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi các BLQ	Số 1640/QĐ- ĐHCT ngày 20/8/2015	ĐHCT	
	Văn bản Vv Hoạt động khảo sát người học về hoạt động giảng dạy các năm 2016-2020	2016-2020	TTQLCL	
	Kế hoạch Vv Hoạt động khảo sát SV tốt nghiệp về CTĐT	2016-2020	TTQLCL	
H1.01.03.04	Biên bản tọa đàm với các Trường Phổ thông	2019	KNN	
H1.01.03.05	QĐ Vv Thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT trình độ đại học và sau đại học 2018	Số 4225/QĐ- ĐHCT ngày 26/9/2018	Trường ĐHCT	
	QĐ Vv Thành lập Tổ thư ký và tốt Điều chỉnh CTĐT 2018	Số 4235/QĐ- ĐHCT ngày 26/9/2018	Trường ĐHCT	
H1.01.03.06	TT Vv Ban hành quy định về	Số 07/TT-	Bộ GD&ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, ThS, TS	BGDĐT ngày 16/4/2015		
H1.01.03.07	Tờ rơi tuyển sinh	2019	Phòng CTSV; KNN	
	Cẩm nang SV	2019	Phòng CTSV	
	Thông báo Vv Hoạt động hướng nghiệp	2019	Phòng CTSV	
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo				
H2.02.01.01	QĐ Vv Thành lập Ban chỉ đạo, Tổ thư ký, Tổ điều chỉnh CTĐT	Số 4946/QĐ-ĐHCT ngày 30/10/2013	Trường ĐHCT	
H2.02.01.02	Bản mô tả CTĐT ngành SPTA K39	2013	Trường ĐHCT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H2.02.01.03	Bản mô tả CTĐT ngành SPTA K40	2014	Trường ĐHCT	
H2.02.01.04	CV Vv Xây dựng ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và học phần với CDR	Số 2614/ĐHCT-ĐBCL&KT ngày 15/9/2017	TTQLCL	
H2.02.01.05	Bản mô CTĐT ngành SPTA ĐHNN Huế	2019	Trường ĐHNN Huế	
	Bản mô CTĐT ngành SPTA ĐHNN Đà Nẵng	2019	Trường ĐHNN Đà Nẵng	
	Bản mô CTĐT ngành SPTA ĐHSP Hà Nội	2019	Trường ĐHSP Hà Nội	
H2.02.03.01	Kế hoạch Vv Sinh hoạt và lao động đầu năm, đầu khóa học 2019-2020	Số 1518/KH-ĐHCT ngày 10/7/2019	Trường ĐHCT	
	Kế hoạch Vv Sinh hoạt đầu	Số 158/KNN	KNN	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	khóa cho SV K45 KNN	ngày 30/8/2019		
H2.02.03.02	QĐ Vv Ban hành quy định về công tác CVHT	Số 2067/QĐ-ĐHCT ngày 4/12/2007	Trường ĐHCT	
	Bảng phân công CVHT K45	2019	KNN	
	Biên bản họp CVHT	2019		
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học				
H3.03.01.01	TT Vv Ban hành Bộ Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Sư phạm, trình độ đại học	Số 37/TT-BGDĐT ngày 21/12/2010	Bộ GD&ĐT	
H3.03.01.02	Kết quả khảo sát SV tốt nghiệp về CTĐT	2016-2019	TTQLCL	
	Báo cáo về công tác đảm bảo chất lượng năm 2015 và phương hướng 2016	Số 53/BC-ĐBCL&KT ngày 22/12/2015	TTQLCL	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Báo cáo về công tác đảm bảo chất lượng năm 2016 và phương hướng 2017	Số 52/BC- ĐBCL&KT ngày 26/12/2016	TTQLCL	
	Báo cáo về công tác đảm bảo chất lượng năm 2017 và phương hướng 2018	Số 12/BC- ĐBCL&KT ngày 9/4/2018	TTQLCL	
	Báo cáo về công tác đảm bảo chất lượng năm 2018 và phương hướng 2019	Số 484/BC- ĐBCL&KT ngày 13/3/2019	TTQLCL	
	Báo cáo về công tác đảm bảo chất lượng năm 2019 và phương hướng 2020	Số 318/BC- ĐBCL&KT ngày 20/2/2020	TTQLCL	
H3.03.02.01	TT Vv Ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Số 01/2014/TT- BGDDĐT ngày 24/01/2014	Bộ GD&ĐT	
H3.03.02.02	Thông báo Vv Thành lập tổ kiểm tra, giám sát hoạt động	2019	Trường ĐHCT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	giảng dạy			
	QĐ Vv Thành lập tổ kiểm tra, giám sát hoạt động thi học kỳ	2019	KNN	
	Kế hoạch Vv Thực hiện giờ sinh hoạt CVHT	Số 118/KH- ĐHCT ngày 15/01/2019	Trường ĐHCT	
H3.03.02.03	CV Vv Xin phép SV đến học tập thực tế tại Trường THPT Bùi Hữu Nghĩa	Số 195/KNN ngày 14/10/2019	KNN	
H3.03.02.04	QĐ Vv Thành lập Ban chỉ đạo Thực tập sư phạm Khóa 41	Số 5266/QĐ- ĐHCT ngày 14/11/2018	Trường ĐHCT	
	Kế hoạch Vv Tổ chức Thực tập sư phạm Khóa 41	Số 225/KH- KSP ngày 8/11/2018	KSP	
	Báo cáo kết quả Thực tập sư phạm	2018	KSP	
	QĐ Vv Thành lập Ban chỉ đạo	Số 3916/QĐ-	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Kiến tập sư phạm Khóa 43	ĐHCT ngày 9/9/2019	ĐHCT	
	Kế hoạch Kiến tập sư phạm Khóa 43	Số 162/ĐHCT- KSP ngày 9/9/2019	KSP	
	Báo cáo tình hình kiến tập sư phạm giai đoạn từ năm 2015 – đến năm 2019	10/12/2019	KSP	
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học				
H4.04.01.01	QĐ Vv Ban hành Quy định công tác học vụ dành cho SV trình độ đại học chính quy	Số 2748/QĐ- ĐHCT ngày 12/7/2019	Trường ĐHCT	
H4.04.01.02	Hội nghị Đại biểu công chức, viên chức-NLĐ KNN năm 2019-2020	2019	KNN	
	Hội nghị Đại biểu công chức, viên chức-NLĐ năm 2019-2020	Số 2232/ĐHCT- KHTH ngày	Trường ĐHCT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		3/10/2019		
	Kế hoạch phát triển KNN giai đoạn 2018-2022; định hướng đến năm 2030	2018	KNN	
H4.04.02.01	Phiếu khảo sát SV năm cuối (K42) về mức độ hài lòng đối với CTĐT ngành SPTA	2020	Bộ môn PPDHTA	
	Kết quả khảo sát SV năm cuối (K42) về mức độ hài lòng đối với CTĐT ngành SPTA	2020	Bộ môn PPDHTA	
H4.04.02.02	Thông báo việc xây dựng, thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp Trường 2020	Số 37/QLKH ngày 25/10/2019	Trường ĐHCT	
	Danh mục đề tài khoa học được chọn thực hiện 2020	10/2019	Trường ĐHCT	
	CV Vv Hướng dẫn thực hiện báo cáo Seminar 2019-2020	Số 151/ĐHCT- QLKH ngày 6/2/2009	PQLKH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Kế hoạch Vv Đăng ký báo cáo Seminar năm học 2019-2020	2019	KNN	
	QĐ Vv Hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH cấp Trường	2015-2019	PQLKH	
	QĐ Vv Tham gia báo cáo hội thảo trong và ngoài nước	2015-2019	Trường ĐHCT	
	Biên bản tọa đàm với Giáo sư khách mời từ Đại học KU Leuven - Bỉ	2017	KNN	
	Biên bản tọa đàm với Giáo sư khách mời từ Đại học Wollongong - Úc	2017	KNN	
H4.04.03.01	Đề cương học phần môn Viết Báo cáo khoa học	2019	PĐT	
H4.04.03.02	CV Vv Hướng dẫn thực hiện NCKH cho SV	Số 305/ĐHCT-QLKH ngày 4/3/2009	PQLKH	
H4.04.03.03	QĐ Vv Trao đổi học tập ngắn	2015-2020	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	hạn của SV với các cơ sở nước ngoài		ĐHCT	
H4.04.03.04	Thông báo Vv Mời tham gia hoạt động giao lưu văn hóa CTU&TUAT Joint Workshop 2019	12/2019	Khoa Nông nghiệp	
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học				
H5.05.01.01	QĐ Vv Ban hành Kế hoạch khung công tác năm 2020	Số 5280/QĐ-ĐHCT ngày 1/11/2019	Trường ĐHCT	
	Thông báo Vv Lập kế hoạch công tác 2020	Số 2312/ĐHCT-KHTH ngày 14/10/2019	Trường ĐHCT	
	Kế hoạch Vv Thực hiện khối lượng công tác chuyên môn và giảng dạy chính quy 2020	20/2/2020	KNN	
H5.05.01.02	Biên bản họp Hội đồng Khoa	2015-2020	KNN	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H5.05.01.03	Thông báo Vv Đánh giá điểm rèn luyện HK1 2019-2020	Số 335/TB- CTSV ngày 3/12/2019	Phòng CTSV	
	Bản mô tả tiêu chí đánh giá điểm rèn luyện	2019	Trường ĐHCT	
H5.05.01.04	QĐ Vv Các khóa tập huấn hoạt động chấm thi Nói, Viết, Ra đề thi cho cán bộ GV	2018-2019	Trường ĐHCT	
H5.05.03.01	Ứng dụng phần mềm chống đạo văn Khoa SĐH	Link tại https://gs.ctu.edu .vn/	Khoa SĐH	
H5.05.03.02	QĐ Vv Thành lập Hội đồng Xét miễn và công nhận học phần Trường ĐHCT Nhiệm kỳ 2017-2022	Số 5204/QĐ- ĐHCT ngày 12/11/2018	Trường ĐHCT	
H5.05.03.03	QĐ Vv Công tác lưu trữ bài thi	2019	Trường ĐHCT	
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, nghiên cứu viên				

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.06.01.01	NĐ Vv Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	Số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/2/2010	CP	
	NĐ Vv Sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức	Số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018	CP	
	QĐ Vv Tuyển dụng viên chức Trường ĐHCT	Số 4673/QĐ-ĐHCT ngày 27/12/2012	Trường ĐHCT	
H6.06.01.02	CV Vv Kế hoạch tuyển dụng tại Trường ĐHCT 2 năm/lần		Trường ĐHCT	
H6.06.01.03	QĐ Vv Rà soát, đánh giá việc thực hiện quy định về tiến trình phân đấu nâng cao trình độ đối với GV	Số 5870/QĐ-ĐHCT ngày 17/12/2013	Trường ĐHCT	
	Kết quả rà soát tiến trình phân đấu nâng cao trình độ của GV	Số 626/ĐHCT-TCCB ngày	Trường ĐHCT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		29/3/2019		
	QĐ Vv Triển khai đề án nâng cao năng lực đội ngũ GV	Số 2090/QĐ- BGDDĐT- GDĐH ngày 15/5/2019	Bộ GD&ĐT	
	Kế hoạch đào tạo ngắn, trung, dài hạn Bộ môn PPDHTA	2018-2022	Bộ môn PPDHTA	
H6.06.01.04	CV Vv Xin phép tiếp nhận giáo viên tình nguyện dạy tiếng Anh	Số 114/KNN ngày 18/6/2019	KNN	
H6.06.01.05	QĐ Vv Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 224/QĐ- ĐHCT ngày 3/2/2020	Trường ĐHCT	
H6.06.01.06	QĐ Vv Nghỉ việc; Tạm nghỉ việc; Nghỉ hộ sản cán bộ Bộ môn PPDHTA	2015-2020	Trường ĐHCT	
H6.06.02.01	Hồ sơ năng lực GV Bộ môn	2020	Bộ môn PPDHTA	
H6.06.02.02	TT Vv Xác định chỉ tiêu tuyển	Số	Bộ GD&ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, ThS, TS	06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018		
H6.06.02.03	QĐ Vv Ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV Trường ĐHCT	Số 4412/QĐ-ĐHCT ngày 25/11/2015	Trường ĐHCT	
H6.06.02.04	Kế hoạch giảng dạy và đăng ký học phần Học kỳ 2 2019-2020	Số 2371/ĐHCT-ĐT ngày 17/10/2019	Trường ĐHCT	
H6.06.02.05	Biên bản dự giờ chuyên môn	2019-2020	Bộ môn PPDHTA	
H6.06.02.06	Kế hoạch Vv Thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua khen thưởng năm học 2018-2019	Số 984/KH-ĐHCT ngày 15/5/2019	Trường ĐHCT	
	Biên bản Hội xét thi đua khen thưởng Bộ môn	28/6/2019	Bộ môn PPDHTA	
	QĐ Vv Thành lập Hội đồng xét	Số 123/QĐ-	KNN	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	thi đua khen thưởng KNN	KNN ngày 1/7/2019		
	Biên bản Vv Hội xét thi đua khen thưởng KNN	4/7/2019	KNN	
	QĐ Vv Công nhận danh hiệu LĐTT KNN năm học 2018- 2019	Số 3454/QĐ- ĐHCT ngày 21/8/2019	Trường ĐHCT	
	QĐ Vv Công nhận danh hiệu CSTĐ cấp Cơ sở KNN năm học 2018-2019	Số 3453/QĐ- ĐHCT ngày 21/8/2019	Trường ĐHCT	
H6.06.03.01	QĐ Vv Ban hành Quy định Tuyển dụng và yêu cầu về tiến trình phân đấu nâng cao trình độ đối với cán bộ giảng dạy Trường ĐHCT	Số 1636/QĐ- ĐHCT ngày 16/10/2009	Trường ĐHCT	
	Quy trình Tuyển dụng việc chức Trường ĐHCT	Link: https://dp.ctu.edu.vn/quytrinh-cong-tac/21-quy-trinh-cong-tac	PTCCB	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		tuyen-dung.html		
H6.06.03.02	Chỉ thị Vv Tăng cường quản lý công tác tuyển dụng công chức, viên chức	Số 1586/BNV-CCVC ngày 16/5/2014	CP	
H6.06.03.03	Nghị định sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	Số 161/2018-NĐ-CP ngày 29/11/2018	CP	
H6.06.03.04	Thông báo Tuyển dụng viên chức đợt 2/2019	Số 2945/TB-ĐHCT ngày 13/12/2019	Trường ĐHCT	
H6.06.03.05	Quy định công tác Hướng dẫn tập sự	Link: https://dp.ctu.edu.vn/images/upload/quytrinh	PTCCB	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		cong tac/TCCB ---2---Quy- trinh-thuc- hien-che-do- tap-su.pdf		
H6.06.03.06	QĐ Vv Ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường ĐHCT	Số 2511/QĐ-ĐHCT ngày 12/6/2013	Trường ĐHCT	
	QĐ Vv Bổ nhiệm Trưởng Bộ môn	5/2019	Trường ĐHCT	
	QĐ Vv Bổ nhiệm Phó Bộ môn	5/2019	Trường ĐHCT	
H6.06.04.01	Thông tư liên tịch Vv Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập	Số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014	Bộ GD&ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.06.04.02	CV Vv Đăng ký danh hiệu thi đua đầu năm học 2018-2019	Số 566/ĐHCT- TCCB ngày 25/3/2019	PTCCB	
H6.06.04.03	Kết quả đánh giá phân loại viên chức KNN	2015-2019	KNN	
H6.06.05.01	QĐ Vv Cử cán bộ tham gia đào tạo chương trình TS Bộ môn PPDHTA		Trường ĐHCT	
H6.06.05.02	Quy định Vv Hỗ trợ GV trong quá trình tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn	2020	Trường ĐHCT	
H6.06.05.03	QĐ Vv Cử viên chức tham gia dự lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV chính (hạng II) năm 2019	Số 3218/QĐ- ĐHCT ngày 9/8/2019	Trường ĐHCT	
	QĐ Vv Cử viên chức tham gia dự lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV (hạng III) năm 2019	Số 1836/QĐ- ĐHCT ngày 6/6/2019	Trường ĐHCT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.06.07.01	QĐ Vv Ban hành Quy định Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Trường ĐHCT	Số 144/QĐ-ĐHCT	Trường ĐHCT	
H6.06.07.02	Quy định Vv Nghiệm thu đề tài các cấp		P.QLKH	
H6.06.07.03	Danh mục đề tài NCKH cấp cơ sở Bộ môn PPDHTA thực hiện	2015-2019	Bộ môn PPDHTA	
H6.06.07.04	CV Vv Kiểm tra tình hình thực hiện hoạt động KH&CN các cấp Trường ĐHCT 2019	Số 44/QLKH ngày 6/12/2019	PQLKH	
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên				
H7.07.01.01	Bảng phân công nhiệm vụ từng thành viên VPK KNN	2020	KNN	
H7.07.01.02	QĐ Vv Bổ nhiệm thư ký Bộ môn PPDHTA	2019	KNN	
	Biên bản Hội phân công nhiệm vụ Thư ký Bộ môn	2019	Bộ môn PPDHTA	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Bản mô tả nhiệm vụ Thư ký Bộ môn PPDHTA	2019	Bộ môn PPDHTA	
H7.07.01.03	Biên bản phân công cán bộ hỗ trợ Cơ sở vật chất KNN		KNN	
	Biên bản phân công cán bộ hỗ trợ CNTT KNN		KNN	
H7.07.02.01	QĐ Vv Quy định Tuyển dụng viên chức Trường ĐHCT	Số 4673/QĐ-ĐHCT ngày 27/12/2012	Trường ĐHCT	
H7.07.02.02	Thông tư Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT	Số 03/TT-BTTTT ngày 11/3/2014	Bộ TTTT	
H7.07.02.03	Kế hoạch thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức thuộc Trường ĐHCT 2020	Số 438/KH-ĐHCT ngày 4/3/2020	Trường ĐHCT	
H7.07.03.01	QĐ Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của VPK, viện, trung tâm	Số 1052/QĐ-ĐHCT ngày	Trường ĐHCT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	và bộ môn trực thuộc Trường ĐHCT	25/3/2013		
H7.07.03.02	Biên bản tọa đàm BCN KNN – SV	2019	KNN	
H7.07.05.01	Bảng chấm công VPK KNN	2015-2019	KNN	
	Kết quả chấm công	2015-2019	KNN	
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học				
H8.08.01.01	TT Vv Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy	Số 05/TT-BGDĐT ngày 25/1/2017	Bộ GD&ĐT	
	TT Vv Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy	Số 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28/2/2019	Bộ GD&ĐT	
	Đề án Tuyển sinh Trường	2019	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	ĐHCT 2019	Link: https://tuyensinh.ctu.edu.vn/images/upload/TC_DATS_2019_050419.pdf	ĐHCT	
H8.08.01.02	Tổ chức Ngày hội tuyển sinh Trường ĐHCT	10/3/2019 Link: https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1507-ngay-hoi-tu-van-tuyen-sinh-huong-nghiep-2019-tai-truong-dai-hoc-can-tho.html	Trường ĐHCT	
H8.08.01.03	Biên bản họp rút kinh nghiệm công tác tuyển sinh Trường	2015-2020	Trường ĐHCT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	ĐHCT			
H8.08.03.01	Kế hoạch học tập toàn khóa k45	2019	Bộ môn PPDHTA	
H8.08.04.01	QĐ Vv Đề tài NCKH SV	2015-2019	PQLKH	
H8.08.04.02	Hoạt động Đoàn Thanh niên KNN	2015-2019	KNN	
H8.08.05.01	Bản mô tả diện tích Trường ĐHCT		P. QTTB	
H8.08.05.02	Bản mô tả diện tích Khu 1		P. QTTB	
H8.08.05.03	Bản mô tả diện tích Khu 2		P. QTTB	
H8.08.05.04	Bản mô tả thông số KTX A, B & C		P. QTTB	
H8.08.05.05	Nội quy công tác nội trú tại Ký túc xá Trường ĐHCT kèm QĐ 1944/QĐ-ĐHCT Thành lập Trung tâm phục vụ SV	QĐ 1944/QĐ- ĐHCT ngày 4/6/2013	Trường ĐHCT	
H8.08.05.06	Thông báo Vv Khám sức khỏe	Link:	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	năm 2019-2020	https://tansinhvien.ctu.edu.vn/sinh-hoat/ke-hoach-kham-suc-khoe-dau-khoa-tan-sinh-vien-khoa-44	ĐHCT	
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị				
H9.09.01.01	Bản mô tả thông số KNN	2020	P. QTTB	
H9.09.01.02	Bản mô tả thông số Văn phòng Bộ môn PPDHTA	2020	P. QTTB	
H9.09.02.01	Thống kê danh mục Cơ sở dữ liệu TTHL mua trong 2019	2015-2020	TTHL	
H9.09.02.02	Biên bản họp dự toán kinh phí mua tư liệu cho TTHL	2015-2020	TTHL	
H9.09.02.03	Hướng dẫn sử dụng TTHL	Link: https://lrc.ctu.edu.vn/index.php	TTHL	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		p/manual-user-manual		
H9.09.02.04	Hoạt động theo dõi tình hình sử dụng TTHL	Link: https://lrc.ctu.edu.vn/index.php/activities-category/208-s-li-u-nam-2019		
H9.09.02.05	Khảo sát trực tuyến về việc sử dụng TTHL	Link: https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSdNuIr_aSbD2mY64FsVXoe_aFyu4Ni-0FO2TtETr9PaBipEbw/viewform		
H9.09.03.01	QĐ Vv cấp Phòng Lab cho		P. QTTB	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	KNN do Đề án Ngoại ngữ tài trợ			
H9.09.03.02	QĐ Vv Cung cấp phần mềm giảng dạy cho KNN do Đề án Ngoại ngữ tài trợ		P. QTTB	
H9.09.03.03	Sổ theo dõi tình hình sử dụng các phòng Lab do Đề án Ngoại ngữ tài trợ		KNN	
H9.09.04.01	Kế hoạch Vv Bảo trì, nâng cấp hệ thống CNTT Trường ĐHCT		Trường ĐHCT	
H9.09.04.02	CV/QĐ/Thông báo các lớp tập huấn sử dụng CNTT	2015-2020	TTTT&QTM	
H9.09.05.01	Luật An toàn, vệ sinh lao động	Số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015	CP	
H9.09.05.02	NĐ Vv Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo	Số 80/2017/NĐ- CP ngày	CP	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	lực học đường	17/72017		
H9.09.05.03	Thông báo các hoạt động liên quan cảnh quan, môi trường	2015-2020	Đoàn Trường, PCTSV	
H9.09.05.04	Thông báo các hoạt động Đoàn Khoa KNN liên quan cảnh quan, môi trường	2015-2020	KNN	
H9.09.05.05	Thông báo hoạt động khám sức khỏe cho cán bộ Trường năm học 2019-2020	2019	Trường ĐHCT	
H9.09.05.06	Thông báo, QĐ liên quan phòng dịch Covid 19	2019-2020	Trường ĐHCT; KNN	
H9.09.05.07	Kế hoạch; Thông báo; Biên bản tọa đàm với Bác sĩ khách mời	2015-2020	Đoàn Trường; P.CTSV	
H9.09.05.08	Thông báo các cuộc thi “An toàn vệ sinh giới”, “Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động”		Đoàn Trường; P.CTSV	
H9.09.05.09	TB Vv Tăng cường công tác an	971/TB-ĐHCT	Trường	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và an toàn trong Trường	ngày 15/5/2019	ĐHCT	
	QĐ Vv Cử nhân viên tham gia các lớp tập huấn PCCC	2019	KNN	
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng				
H10.10.03.01	Công văn Vv Tham gia tập huấn bồi dưỡng năng lực tự đánh giá CTĐT	Số 2065/ĐHCT ngày 11/9/2010	TTQLCL	
H10.10.05.01	QĐ Vv Nâng cấp, bảo dưỡng hệ thống CNTT	2019	TTTT&QTM	
H10.10.06.01	NQ Vv Hướng dẫn tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV	1276/BGDĐT- NG ngày 20/2/2008		
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra				
H11.11.01.01	QĐ Vv Cho SV thôi học	Số 475/QĐ- ĐHCT ngày 29/8/2019	Trường ĐHCT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	QĐ Vv Xóa tên SV	Số 1774/QĐ- ĐHCT ngày 4/6/2019	Trường ĐHCT	
	QĐ Vv Cho SV tạm nghỉ học	Số 268/QĐ- ĐHCT ngày 23/5/2019	Trường ĐHCT	
	CV Vv Kiểm tra thông tin học tập của SV	Số 21/CTSV ngày 4/2/2020	PCTSV	
	CV Vv SV hết thời gian tối đa đào tạo	Số 366/CTSV ngày 26/12/2019	PCTSV	
H11.11.01.02	Kế hoạch Vv Xét và trao bằng tốt nghiệp 2019	Số 2433/KH- ĐHCT ngày 9/11/2018	Trường ĐHCT	
	Thông báo Vv Tổ chức lễ trao bằng tốt nghiệp 2019	Số 1531/TB- ĐHCT ngày 10/7/2019	Trường ĐHCT	
H11.11.03.01	Kế hoạch khảo sát việc làm	2016-2019	TTQLCL	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Kết quả khảo sát việc làm	2016-2019	TTQLCL	
H11.11.03.02	Thông báo Vv Tổ chức sự kiện Hội chợ việc làm đợt 1 năm 2019	https://scs.ctu.edu.vn/hoi-cho-viec-lam/133-hoi-cho-viec-lam-truong-dai-hoc-can-tho-dot-1-2019	TTTVHT&K NSV	
	Kế hoạch Vv Tổ chức sự kiện Hội chợ việc làm đợt 2 năm 2019	Số 41/KH- TTTVHT&KN SV ngày 23/9/2019	TTTVHT&K NSV	